

DANH MỤC TÀI LIỆU
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

STT	Nội dung	Số tờ trình/Báo cáo
1	Chương trình đại hội	
2	Báo cáo Kết quả SXKD năm 2020 và Kế hoạch SXKD, kế hoạch đầu tư phát triển năm 2021	01/BC-ĐHĐCĐ
3	Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2020 và định hướng năm 2021	02/BC-ĐHĐCĐ
4	Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát năm 2020 và định hướng năm 2021	03/BC-ĐHĐCĐ
5	Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020 của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ	04/TTr-ĐHĐCĐ
6	Tờ trình phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021	05/TTr-ĐHĐCĐ
7	Tờ trình thông qua tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, quỹ tiền lương kế hoạch của Ban điều hành năm 2021	06/TTr-ĐHĐCĐ
8	Tờ trình thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021	07/TTr-ĐHĐCĐ
9	Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ	08/TTr-ĐHĐCĐ
10	Tờ trình xin thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ	09/TTr-ĐHĐCĐ

Cần Thơ, ngày 25 tháng 2 năm 2021

CHƯƠNG TRÌNH ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Thời gian: 08h00 ngày 19 tháng 4 năm 2021

Địa điểm: Hội trường Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ

Thời gian	Nội dung	Ghi chú
08h00-08h30	- Đón tiếp đại biểu và cổ đông - Kiểm tra tư cách cổ đông và phát tài liệu họp cho cổ đông	
08h30-08h50	* Thủ tục khai mạc - Khai mạc, tuyên bố lý do, giới thiệu đại biểu và cổ đông - Báo cáo kết quả kiểm tra tư cách cổ đông tham dự Đại hội - Biểu quyết thông qua Đoàn chủ tịch - Giới thiệu Ban thư ký - Biểu quyết thông qua Ban kiểm phiếu - Chủ tọa giới thiệu, đại hội biểu quyết thông qua Chương trình Đại hội và Quy chế tổ chức Đại hội	
08h50-11h30	* Nội dung đại hội 1. Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và định hướng năm 2021; 2. Báo cáo của Hội đồng quản trị về hoạt động năm 2020 và định hướng năm 2021; 3. Báo cáo của Ban kiểm soát về hoạt động năm 2020 và định hướng năm 2021; 4. Tờ trình xin thông qua tài chính đã kiểm toán năm 2020, phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021; 5. Tờ trình xin phê duyệt tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, quỹ tiền lương kế hoạch của Ban điều hành năm 2021; 6. Tờ trình thông qua việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2021; 7. Tờ trình về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ;	

Thời gian	Nội dung	Ghi chú
	8. Tờ trình xin thông qua Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ;	
	9. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông.	
	- Chủ tọa điều hành Đại hội thảo luận và xin ý kiến biểu quyết của Cổ đông về các nội dung được trình bày tại Đại hội.	
	Nghỉ giải lao	
	- Báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết các nội dung của Đại hội theo các Báo cáo, các tờ trình thuộc thẩm quyền ĐHĐCĐ theo chương trình họp	
	- Trình bày biên bản và dự thảo nghị quyết họp ĐHĐCĐ thường niên 2021.	
	- Biểu quyết thông qua biên bản và dự thảo nghị quyết họp ĐHĐCĐ thường niên 2021.	
11h30- 11h40	* Bế mạc đại hội	

**BÁO CÁO TỔNG KẾT
HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2021**

**PHẦN I
BÁO CÁO TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2020**

I. ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Thuận lợi

- Cảng Cần Thơ luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sâu sát của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và Công đoàn Tổng công ty, sự hỗ trợ kịp thời của các Sở ban ngành Thành phố Cần Thơ và các Ban nghiệp vụ trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Cảng Cần Thơ luôn được sự ủng hộ của nhiều khách hàng truyền thống, sự đoàn kết của Ban lãnh đạo cũng như sự nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên, sự thống nhất đồng thuận của các tổ chức đoàn thể chính trị trong việc triển khai nhiệm vụ hoạt động và đạt được mục tiêu đề ra.

- Thị trường vận tải nội địa tuy có suy giảm do ảnh hưởng của dịch COVID-19 tuy nhiên vẫn cơ bản duy trì ổn định tạo tiền đề duy trì hoạt động khai thác cảng.

- Tình hình hàng hóa xuất nhập khẩu trong vùng giai đoạn đầu bị ảnh hưởng nghiêm trọng do tình hình COVID-19; tuy nhiên đã cơ bản tăng trưởng ổn định từ Quý II/2020; đồng thời có sự dịch chuyển từ xuất tàu sang xuất container dẫn đến sản lượng container thông qua cảng vẫn duy trì sản lượng tăng trưởng tốt.

- Thị trường vận tải container bằng sà lan qua các cảng biển trong vùng tiếp tục gặp nhiều khó khăn do cạnh tranh quyết liệt của phương thức vận tải đường bộ. Giá vận tại đường bộ xuống thấp, cạnh tranh với vận tải biển khiến sản lượng hàng hóa, nhất là container thông qua bến cảng bị ảnh hưởng một phần.

- Việc xử lý vấn đề tài chính liên quan đến khoản nợ tại Ngân hàng Vietinbank- Chi nhánh Chương Dương đã tạo điều kiện thuận lợi hơn cho cảng trong việc tiếp cận các nguồn tài chính phục vụ công tác đầu tư và đấu thầu cung cấp dịch vụ ngoài cảng.

2.- Khó khăn

- Luồng hàng hải vào cảng qua cửa Định An và Kênh Quan Chánh Bó vẫn chưa thật sự thông thoáng cho các tàu trọng tải lớn vào cảng. Cảng chỉ khai thác các tàu hàng nhỏ từ 6.000 tấn trở xuống.

- Tình hình kinh tế trong khu vực vẫn còn gặp rất nhiều khó khăn, thách thức ảnh hưởng không nhỏ đến các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh cũng như lượng hàng hóa lưu thông qua Cảng.

- Tình hình suy giảm sản lượng trong vùng dẫn đến áp lực cạnh tranh ngày càng lớn giữa các cảng biển trong khu vực và các bến thủy nội địa tư nhân có giá dịch vụ thấp dẫn đến cạnh tranh thiếu bình đẳng.

- Hệ thống trang thiết bị bốc xếp của cảng nhìn chung vẫn còn lạc hậu, năng suất thấp ảnh hưởng đến hiệu quả khai thác làm tăng chi phí thuê ngoài đồng thời tác động đến việc cạnh tranh với các đối thủ trong khu vực.

- Các khu công nghiệp trong khu vực là những chân hàng chính yếu của cảng vẫn chưa hấp dẫn nhà đầu tư đến tham gia.

- Tiến độ triển khai các công trình năng lượng quốc gia như các nhà máy nhiệt điện, nhà máy điện gió trong vùng còn chậm so với kế hoạch dự kiến.

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2020

1. Các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2020:

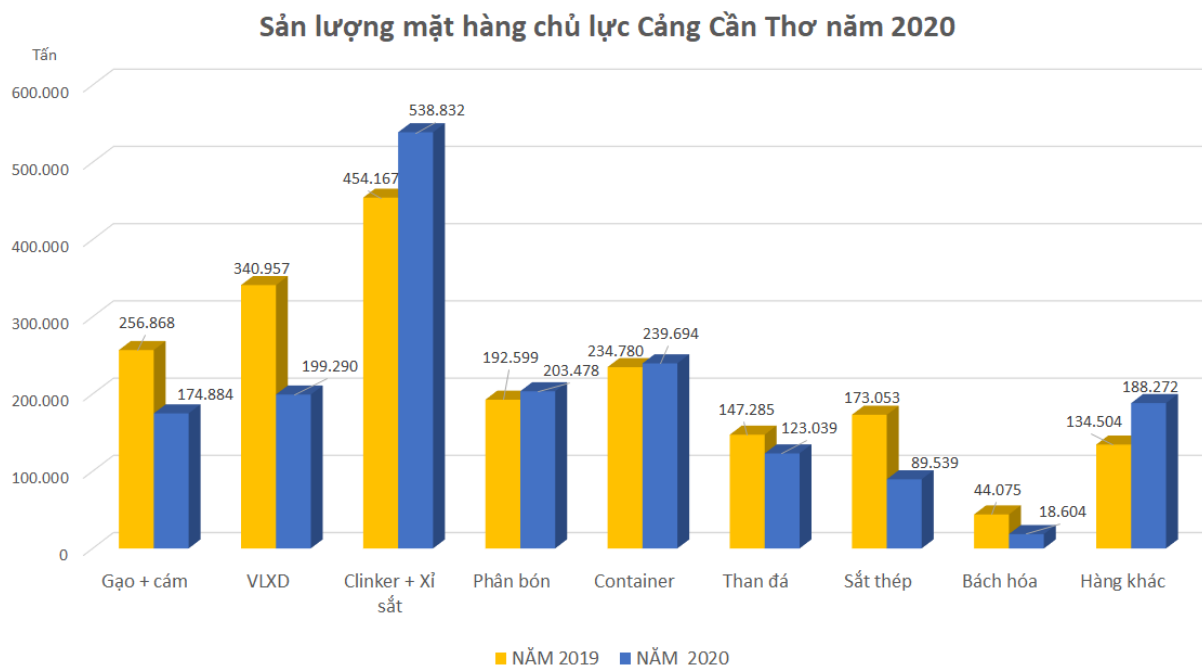
STT	CHỈ TIÊU	Đơn vị	T.thịen 2019	NĂM 2020			+/- TH 2020/2019	
				K.H	T.H	% H.T	Giá trị	Tỷ lệ
A	SẢN LƯỢNG							
1	Hàng thông qua	TTQ	2.011.706	2.200.000	1.787.667	81,26%	-224.039	-11,14%
	Trong đó Container	TEUS	16.770	17.750	17.121	96,46%	351	2,09%
2	Xăng dầu	Lít	983.965	1.220.000	1.126.995	92,38%	143.030	14,54%
B	TÀI CHÍNH							
1	Doanh thu	Tr đồng	125.023	126.000	114.470	90,85%	-10.553	-8,44%
2	Chi phí	“	121.077	124.900	113.117	90,57%	-7.960	-6,57%
3	Lợi nhuận	“	3.946	1.100	1.353	123%	-2.593	-65,71%
4	Ebitda	“	20.080	17.663	17.223	97,5%	-2.857	-14,23%
C	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ	Tr đồng	9.400	15.000	2.450	16,33%	-6.950	-73,94%
1	Đầu tư cơ sở hạ tầng	“	1.800	8.400	0	0,00%	-1.800	-100,00%
2	Đầu tư phương tiện, thiết bị	“	7.600	6.600	2.450	37,12%	-5.150	-67,76%

2. Tình hình thị trường hàng hóa thông qua cảng:

2.1.- Tình hình hàng hóa thông qua cảng:

Sản lượng hàng hóa thông qua Cảng Cần Thơ năm 2020 có sự suy giảm mạnh so với năm 2019 (giảm 11,14%) do ảnh hưởng mạnh bởi tác động của dịch COVID-19 vào các tháng đầu năm 2020 làm hàng loạt doanh nghiệp phải đình trệ sản xuất; đồng thời, một phần do tác động bởi thiên tai liên tục trong năm 2020 đã ảnh hưởng nhiều đến lịch tàu vào khu vực luồng sông Hậu. Đến Quý II/2020, với nỗ lực và quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị và xã hội trong công tác phòng chống dịch, cùng với sự chủ động điều

chỉnh mô hình sản xuất của các chủ hàng để kịp thời đáp ứng yêu cầu trong giai đoạn dịch bệnh đã kéo dài sản lượng tăng trưởng tốt hơn. Bên cạnh đó, do nguồn hàng về cảng đã khá hạn chế nay lại tiếp tục suy giảm do dịch bệnh dẫn đến áp lực cạnh tranh ngày càng tăng cao, nhất là các khu vực có sự cạnh tranh quyết liệt với đối thủ cạnh tranh. Điều này dẫn đến sản lượng hàng hóa thông qua các bến cảng biển trực thuộc Công ty có sự suy giảm đáng kể so với cùng kỳ.



Biểu đồ 1: Sản lượng tổng hợp theo từng mặt hàng chủ lực năm 2020

Cơ cấu hàng hóa thông qua các bến cảng có sự thay đổi mạnh trong năm 2020 so với 2019. Các mặt hàng bao có sự suy giảm mạnh (chủ yếu là mặt hàng gạo, thức ăn gia súc, riêng mặt hàng phân bón có sự tăng trưởng tốt) dẫn đến tỉ trọng hàng hóa của mặt hàng này giảm xuống mức 28,59% trong cơ cấu hàng hóa của cảng; Các mặt hàng rời trừ hàng clinker, xi sắt có sự tăng trưởng mạnh thì các mặt hàng còn lại đều có sự suy giảm: hàng vật liệu xây dựng, sắt phế liệu có sự suy giảm mạnh, hàng than đá suy giảm nhẹ so với cùng kỳ; tuy nhiên do tổng sản lượng hàng rời vẫn duy trì ở mức cao nên mặt hàng này vẫn duy trì tỉ trọng lớn nhất trong cơ cấu hàng hóa của cảng (48,19%); hàng container vẫn duy trì được sản lượng ổn định như năm 2019 (chiếm tỉ trọng 15,29% trong cơ cấu hàng hóa). Các mặt hàng khác có sự suy giảm nhẹ và duy trì sản lượng thấp.

a) Một số mặt hàng biến động sản lượng do yếu tố thị trường như:

- Mặt hàng thức ăn gia súc tại Cảng Hoàng Diệu tiếp tục đà suy giảm mạnh do dịch bệnh tả lợn Châu Phi vẫn phức tạp, người dân hạn chế việc tái đàn; đồng thời, khách hàng đã chuyển hình thức nhập hàng về trực tiếp kho doanh nghiệp để tiết giảm chi phí và trả kho tại cảng. Đây cũng là mặt hàng Cảng Cần Thơ đang điều tiết giảm để thu hồi hạ tầng phục vụ các mặt hàng có giá trị cao hơn như phân bón, kính.

- Mặt hàng vật liệu xây dựng tại Cảng Cái Cui tiếp tục đà sản lượng thấp do các doanh nghiệp trạm trộn bê tông đang thực hiện di dời do không cải tạo được hệ thống đáp ứng yêu cầu môi trường. Ngoài ra, sản lượng vật liệu xây dựng tại Cảng Sóc Trăng có sự suy giảm mạnh so với năm 2019 do khách hàng đã hết công trình và di dời đi.

- Thị trường gạo xuất khẩu gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng chung của dịch COVID-19 làm suy giảm nhu cầu tiêu dùng; dịch bệnh lây lan rộng tại khu vực Mỹ và Châu Âu, Châu Á làm suy giảm nguồn nhân lực tại cảng biển và cửa khẩu xuất nhập khẩu của các quốc gia trên thế giới cộng thêm chính sách kiểm soát chặt chẽ hàng hóa và con người đã ảnh hưởng năng lực thông quan của các cảng biển, các cửa. Lượng tàu gạo xuất khẩu suy giảm do lo sợ ảnh hưởng tình hình xếp dỡ tại các cảng nhập khẩu; khách hàng chuyển sang hình thức đóng container gạo xuất khẩu tạo điều kiện duy trì sản lượng container ổn định qua cảng. Mặt hàng gạo tiểu ngạch có suy giảm khá mạnh do ảnh hưởng hoạt động kiểm soát dịch COVID-19 tại cửa khẩu làm giảm năng lực thông qua; đồng thời phía Trung Quốc vẫn duy trì chính sách kiểm soát chặt chẽ nguồn gốc sản phẩm; ngoài ra, do giá gạo tại thị trường phía Bắc cũng đang giảm mạnh cạnh tranh nên sản lượng xuất khá thấp trong nhiều tháng. Trong bối cảnh khá cạnh tranh về dịch vụ tại khu vực Vàm Cỏ dẫn đến sản lượng xếp dỡ mặt hàng gạo của cảng tại khu vực này cũng suy giảm mạnh.

- Mặt hàng sắt thép, phế liệu thông qua toàn cảng có sự suy giảm mạnh (giảm 48,72% so với năm 2019). Tại khu vực Cảng Cái Cui, sản lượng có sự tăng trưởng nhẹ (5,28%), tuy nhiên tình hình các chủ hàng phế liệu tại cảng vẫn gặp khó khăn về đầu ra sản phẩm nên tiến độ xuất hàng còn chậm. Tại Cảng Sóc Trăng vào các tháng cuối năm đã thực hiện cho thuê 1.000 m² để khách hàng tập kết phế liệu tạo tiền đề có lượng hàng hóa ổn định qua cảng. tuy nhiên do tình hình suy giảm sản lượng mạnh tại bến Cảng Hoàng Diệu (giảm 72,79%) kéo theo sự suy giảm của mặt hàng này. Khách hàng chủ yếu tại bến Cảng Hoàng Diệu là Thép Tây Đô thực hiện tái cơ cấu hoạt động SXKD; cộng với tác động của dịch COVID-19 làm giảm nhu cầu thu mua thép thành phẩm tại Campuchia; ngoài ra, do việc mở rộng thị trường của các thương hiệu thép hàng đầu Việt Nam như Hòa Phát, Tôn Hoa Sen tại khu vực ĐBSCL đã ảnh hưởng lớn đến hoạt động của khách hàng.

- Mặt hàng than đá có sự suy giảm mạnh (giảm 15,98%) so với năm 2019 do khách hàng gặp khó khăn về đầu ra sản phẩm. Tại bến Cảng Cái Cui sản lượng than đá có sự suy giảm nhẹ do khách hàng Công ty Than Trường Sơn di dời về bãi của khách hàng tại Hậu Giang, khách hàng Công ty Duyên Hải Star vẫn duy trì sản lượng ổn định. Tại bến Cảng Hoàng Diệu thì khách hàng than đá gặp khó khăn về đầu ra nên tiến độ nhập xuất hàng hóa khá chậm.

b) Các mặt hàng giảm do chia sẻ thị phần

- Tại khu vực Vàm Cỏ Sỏi: sản lượng clinker suy giảm mạnh do nguồn tàu vào khu vực sông Hậu suy giảm, bến Cảng Bao Mai giảm giá dịch vụ mạnh nên áp lực cạnh tranh cao; ngoài ra, việc cung cấp dịch vụ với giá thấp ảnh hưởng lớn đến hiệu quả hoạt động xếp dỡ clinker của đơn vị.

c) Một số mặt hàng tăng và mở ra các cơ hội thuận lợi

Đứng trước biến động lớn của hàng hóa thông qua cảng, Cảng Cần Thơ đã nỗ lực tiếp thị, duy trì thị phần đối với các mặt hàng truyền thống của cảng; đeo bám và phát triển các mặt hàng có giá trị dịch vụ cao như hàng phân bón, sắt thép, container; đồng thời, phát triển các cung cấp các dịch vụ chuỗi logistics đến khách hàng để tạo nguồn doanh thu mới, bù đắp sự thiếu hụt doanh thu từ sản lượng suy giảm; đồng thời, rà soát tiết giảm các mặt hàng có sản lượng thông qua thấp nhưng sử dụng cơ sở hạ tầng kho, bãi nhiều. Cụ thể như sau:

- Mặt hàng clinker và xi sắt tại các khu vực khai thác của cảng đều có sự tăng trưởng tốt: tại Cảng Cái Cui: khách hàng Xi măng Cần Thơ - Hậu Giang vẫn duy trì sản lượng ổn định qua cảng, ngoài ra khách hàng Thép Hòa Phát Dung Quốc đã đưa silo vào hoạt động vào đầu quý IV/2020 tại tiền đề duy trì sản lượng mặt hàng này trong năm 2020 và các năm tiếp theo. Tại khu vực bến Cảng Hoàng Diệu, hoạt động của nhập clinker có sự tăng trưởng tốt phục vụ khách hàng Công ty 720;

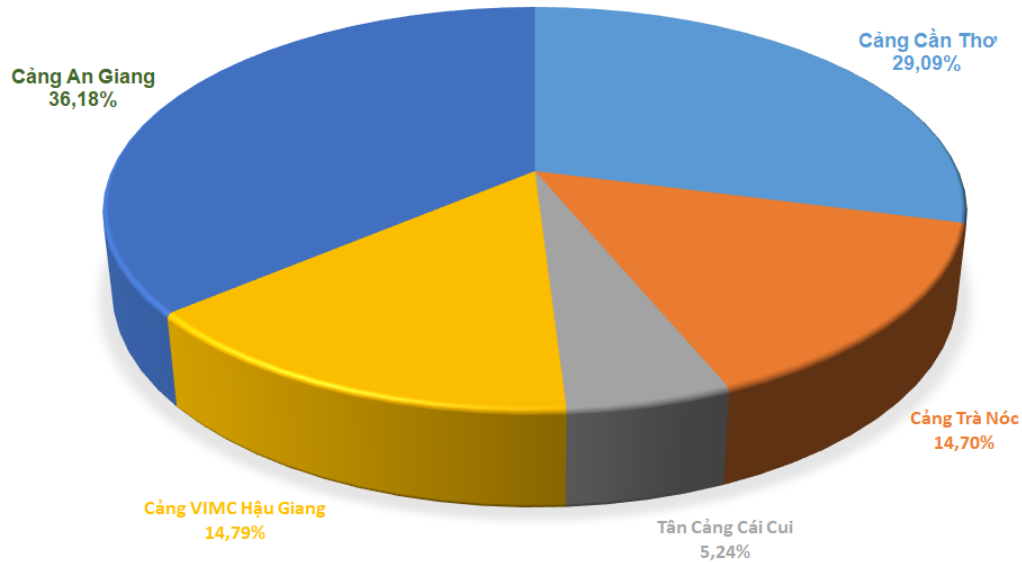
- Mặt hàng container có sự tăng trưởng tốt, tuy nhiên có sự thay đổi tỉ trọng giữa 2 bến cảng biển. Cảng cũng đã khánh thành và đưa cần cẩu chân đế chạy ray 40 tấn phục vụ xếp dỡ container trên tàu tại bến Cảng Cái Cui nhằm nâng cao năng lực xếp dỡ và thu hút mặt hàng này về cảng. Tại bến Cảng Hoàng Diệu là bến cảng duy nhất có sự tăng trưởng container trong các bến cảng Công ty (tăng 2.875 TEU tương đương 82,07% so với năm 2019) do thu hút được luồng hàng container phục vụ KCN Trà Nóc di chuyển qua cảng sau sự cố hư cần cẩu tại Bến cảng Trà Nóc. Tại khu vực Cảng Cái Cui sản lượng suy giảm mạnh (giảm 17,59%) so với cùng kỳ năm trước do Khách hàng kho gạch Vạn Phúc xây dựng kho hàng riêng ngoài cảng và chuyển sang sử dụng phương án vận tải đường bộ là chủ yếu; ngoài ra, hãng tàu GLS cũng dịch chuyển hàng hóa sang cảng VIMC Hậu Giang để phục vụ cho nhóm khách hàng tại Hậu Giang. Tại Cảng Sóc Trăng, việc phát triển chuỗi container rom gặp khó khăn do khách hàng điều chỉnh phương án vận tải đi xe lên Thành phố Hồ Chí Minh thay sử dụng hình thức vận tải sà lan vì qua Cảng Sóc Trăng.

- Tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt trong năm 2019, sang năm 2020 sản lượng mặt hàng phân bón tiếp tục duy trì sự tăng trưởng (tăng 5,65% so với năm 2019) do Cảng Cần Thơ đã giữ vững và tiếp tục tạo lòng tin cho các khách hàng truyền thống để TRACO, VIMADECO, BACONCO, Đạm Phú Mỹ và Đạm Cà Mau. Qua đó, tiếp tục triển khai thực hiện tốt định hướng phát triển bến cảng Hoàng Diệu thành Tổng kho phân bón khu vực ĐBSCL.

- Hoạt động gom vớt than tại nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải năm 2020 cơ bản ổn định với sản lượng duy trì cao; Trong kỳ, Cảng đã đấu thầu thành công dịch vụ gom vớt than trên tàu tại Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải liên quan đến kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020-2021 với tổng sản lượng gói thầu là 2.86 triệu tấn. Tổng sản lượng gom vớt than năm 2020 đạt hơn 4,03 triệu tấn tăng trưởng 18,53% so với cùng kỳ 2019; qua đó, duy trì cung cấp dịch vụ ổn định cả năm 2020, tạo nguồn doanh thu ổn định cho cảng.

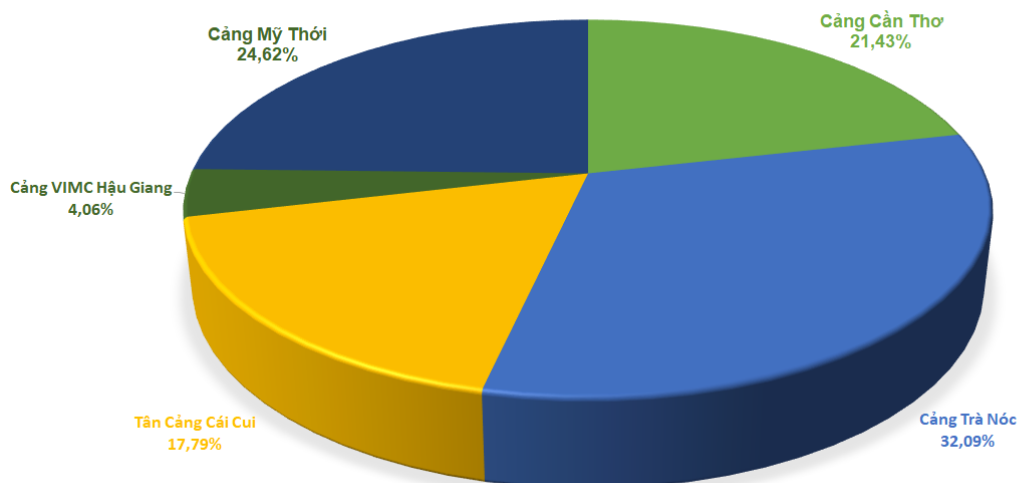
2.2. Tình hình thị phần:

THỊ PHẦN CÁC CẢNG BIỂN TẠI KHU VỰC SÔNG HẬU NĂM 2020



Tổng sản lượng hàng hóa thông qua các cảng biển khu vực sông Hậu trong năm 2020 có suy giảm so với năm 2019 (giảm 10,8%). Chỉ có cảng Hậu Giang có sự tăng trưởng sản lượng cao (43,31%), cảng Trà Nóc có sự suy giảm sản lượng nhẹ (giảm 4,46%), các cảng còn lại đều ghi nhận sự suy giảm mạnh sản lượng thông qua (từ 11%-17%) so với năm trước. Trong tình hình giảm chung sản lượng của toàn vùng thì thị phần của Cảng Cần Thơ có sự tăng trưởng thị phần từ 26,58% năm 2019 lên mức 29,09% năm 2020.

THỊ PHẦN CONTAINER (TEUS) TẠI KHU VỰC SÔNG HẬU NĂM 2020

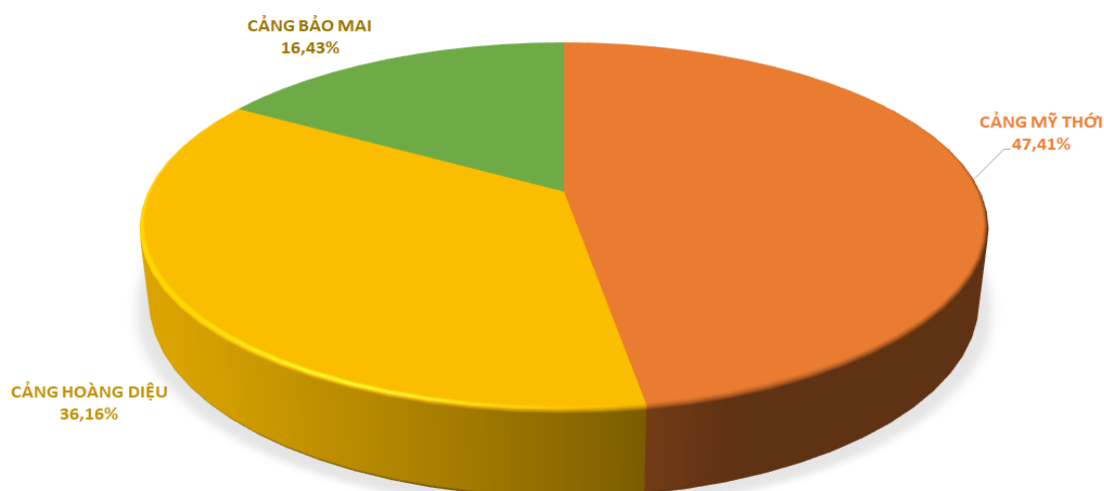


Tổng sản lượng container thông qua các bến cảng tổng hợp khu vực Sông Hậu năm 2019 có sự suy giảm nhẹ (giảm 7,14%) so với năm 2019. Cảng Cần Thơ và Cảng VIMC Hậu Giang ghi nhận sự tăng trưởng sản lượng container, các cảng còn lại đều giảm sản lượng từ 17,5%-22,60% so với năm 2019. Sự tăng trưởng sản lượng container giúp thị phần Cảng Cần Thơ trong khu vực tăng trưởng từ 17,76% năm 2019 lên mức 21,01% trong năm 2020.

* Khu vực Vàm Cái Sắn:

Thị trường tại khu vực Vàm Cái Sắn có sự suy giảm mạnh (giảm 73,35%) sản lượng so với cùng kỳ năm 2019. Hầu hết các cảng đều có sự suy giảm mạnh sản lượng xếp dỡ tại khu vực này; trong đó Cảng Cần Thơ là đơn vị có tỉ lệ suy giảm ít nhất giảm 66,96% và lần lượt là Cảng Mỹ Thới giảm 74,12% và cảng Bảo Mai giảm 80,13%. Việc suy giảm do các mặt hàng chủ lực tại khu vực này bị ảnh hưởng có sự biến đổi lớn do tác động của dịch COVID-19: tình hình dịch COVID-19 làm suy giảm nhu cầu vận tải gạo xuất khẩu và gạo nội địa đi Bắc bằng đường biển; hàng clinker cũng chịu tác động lớn do nhu cầu giảm tiêu dùng xây dựng và thiếu nguồn tàu; hàng gỗ lóng có xu hướng di dời về phía hạ lưu. Trong bối cảnh trên thì Cảng Cần Thơ vẫn duy trì tốt thị phần và có sự tăng trưởng từ mức 29,16% năm 2019 lên 36,16% trong năm 2020.

THỊ PHẦN CÁC CẢNG TẠI KHU VỰC VÀM CÁI SẮN NĂM 2020



III.- CÁC GIẢI PHÁP ĐÃ THỰC HIỆN

1.- Công tác khai thác cảng

* **Bến cảng Cái Cui:**

- Tập trung hỗ trợ các khách hàng hiện đang thuê kho, bãi tại cảng nhằm khuyến khích họ duy trì và đem thêm hàng về cảng, nhất là các mặt hàng than đá, phân bón, phế liệu và container.
- Cung cấp các dịch vụ tại kho, bãi đối với khách hàng phân bón và thiết bị để tăng nguồn thu.
- Tiếp thị, mời gọi các đối tác tham gia đầu tư hạ tầng tại cảng, nhất là các đối tác có lượng hàng hóa xuất khẩu lớn.
- Rà soát đàm phán cắt giảm các chi phí: đàm phán lại giá thuê phương tiện bên ngoài, tiết giảm các chi phí không cần thiết.

- Hợp tác với hãng tàu Vietsun thực hiện việc thiết lập và quản lý depot container tại Cảng Cái Cui; đồng thời, hợp tác đầu tư lắp đặt cần cầu trục chân đế tại cảng theo hình thức hợp tác khai thác kinh doanh để tạo điều kiện cho việc mở tuyến lines tàu container tại Cảng Cái Cui; đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tiếp thị hàng container về cảng.

*** Bến cảng Hoàng Diệu:**

- Nâng cao chất lượng phục vụ, thường xuyên tiếp thị, chăm sóc khách hàng nhất là khách hàng phân bón để tăng sản lượng hàng hóa thông qua cảng;

- Tập trung hỗ trợ các khách hàng hiện đang thuê kho, bãi tại cảng nhằm khuyến khích họ duy trì và đem thêm hàng về cảng.

- Khai thác tối đa hệ thống kho, nhất là kho mới được Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam đầu tư nhằm duy trì ổn định chân hàng qua cảng.

- Khai thác tốt hệ thống các kiot để tăng nguồn doanh thu cho đơn vị;

- Tiếp tục duy trì chất lượng dịch vụ đối với các khách hàng đóng container gạo, hàng phân bón, tàu clinker hàng rời san mạn về cảng làm hàng.

- Rà soát đàm phán cắt giảm các chi phí: đàm phán lại giá thuê phương tiện bên ngoài, tiết giảm các chi phí không cần thiết.

- Hợp tác với hãng tàu Vietsun thực hiện việc thiết lập và quản lý depot container tại Cảng Hoàng Diệu; đồng thời, hợp tác lắp đặt cần cầu trục tại cảng theo hình thức hợp tác khai thác kinh doanh để tạo điều kiện cho việc mở tuyến lines tàu container tại Cảng Hoàng Diệu, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho công tác tiếp thị hàng container từ KCN Trà Nóc về cảng.

*** Bến phao tại Vàm Cái Sắn:**

- Thường xuyên tiếp xúc, đeo bám, tiếp thị đối với khách hàng nhằm lôi kéo từng tàu về các bến của cảng làm hàng;

- Phối hợp tốt với các đơn vị chức năng để tạo điều kiện thuận lợi cho khách hàng đưa tàu vào cảng làm hàng;

- Tiếp tục phối hợp với các cảng trong khu vực để duy trì mức giá dịch vụ như đã thống nhất giữa các cảng.

*** Tại Cảng Sóc Trăng:**

- Tiếp tục thực hiện tốt công tác tiếp thị để thu hút lượng hàng phân bón về cảng; đồng thời tiếp thị để lôi kéo các mặt hàng thiết bị, hàng tải trọng nặng, quá khổ, quá tải về cảng; đây là các mặt hàng có doanh thu cao.

- Tiếp tục khai thác tốt chuỗi hàng container tại cảng, kết hợp lịch làm hàng giữa hai nguồn hàng xuất và nhập để giảm thiểu chi phí cho Cảng và đối tác.

- Tiếp tục tiếp thị thu hút các mặt hàng khác thông qua cảng;

*** Tại Duyên Hải:**

- Tổ chức duy tu bảo dưỡng thường xuyên phương tiện, quan hệ tốt với bộ phận kho hàng và điều độ tại cảng để nắm chặt tiến độ làm hàng qua đó duy trì tốt chất lượng dịch vụ của đơn vị trong quá trình thực hiện gói thầu gom vét than tại nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải.

Phối hợp tốt với Ban Giám đốc Cảng Cần Thơ – Thanh Tuấn để phối hợp cung cấp dịch vụ khi có khách hàng có yêu cầu làm hàng thông qua bến cảng Cảng Cần Thơ –

Thanh Tuấn cũng như các dự án liên quan đến nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải 2, và các dự án điện gió tại khu vực Duyên Hải, Trà Vinh.

2. Công tác thị trường

- Thường xuyên tiếp thị, chăm sóc khách hàng nhất là khách hàng các mặt hàng chủ lực của cảng như gạo, than đá, clinker, phân bón, phế liệu, container, vật liệu xây dựng,... để tăng sản lượng hàng hóa thông qua cảng.

- Chú trọng đến chính sách giá và chính sách chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng theo cam kết về năng suất, thời gian giải phóng tàu, an toàn hàng hoá, an toàn tàu, thủ tục đơn giản và lắng nghe khách hàng.

- Phối hợp với văn phòng đại diện Cảng Cần Thơ tại Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty VIMADECO tổ chức và phối hợp tiếp cận khách hàng phân bón và các trung tâm Logistics tại khu vực thành phố Hồ Chí Minh nhằm mục đích đưa các luồng hàng hóa về khu vực Cảng Cần Thơ.

- Trong năm 2020, Cảng Cần Thơ đã triển khai hợp tác với hãng tàu và đối tác để cung cấp chuỗi dịch vụ hàng container cho khách hàng tại khu vực ĐBSCL thông qua các bến cảng trực thuộc Cảng Cần Thơ đi các tuyến vận tải nội địa trong nước theo hình thức chia sẻ chi phí và trách nhiệm theo từng khâu trong chuỗi của hai đơn vị.

- Khảo sát thị trường tại Sóc Trăng tìm kiếm nguồn hàng, khách hàng đưa về Cảng Sóc Trăng; nhất là tiếp thị được các khách hàng phân bón, thiết bị công trình và mặt hàng siêu trường, siêu trọng thông qua cảng.

- Khảo sát thị trường hàng container và tìm kiếm vị trí thiết lập bến thủy nội địa tại tỉnh Đồng Tháp khai thác hàng container tại thị trường Thốt Nốt, An Giang, Đồng Tháp.

3.- Hoạt động của công ty liên doanh

- Cảng Cần Thơ đầu tư góp vốn tại liên doanh Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ
- Thanh Tuấn chiếm 50% vốn điều lệ công ty với tổng số tiền 4.497.251.573 đồng. Năm 2020, hoạt động của liên doanh Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn đã chia lãi về cho Cảng Cần Thơ 400.000.000 đồng giảm 25.44% so với cùng kỳ.

4.- Công tác đầu tư

Stt	Tên dự án	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)		Tiến độ		Khối lượng và giá trị thực hiện	
		Kế hoạch được duyệt	Thực hiện	Khởi công	Hoàn thành	Khối lượng	Giá trị
I	Chuyển tiếp 2019 => 2020	0	0				0
1	Dự án XD CB	0	0				0
	Không	-	-				-
2	Dự án mua sắm P.tiện thiết bị	0	0				0
	Không	-	-				-
II	Dự án năm 2020	2,450	2,450				2,450
1	Dự án XD CB	0	0				0

Stt	Tên dự án	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)		Tiến độ		Khối lượng và giá trị thực hiện	
		Kế hoạch được duyệt	Thực hiện	Khởi công	Hoàn thành	Khối lượng	Giá trị
	Không	-	-				-
2	Dự án mua sắm P.tiện thiết bị	1,950	1,950				1,950
2. 1	Đóng mới 01 gàu ngoạm điều khiển từ xa bằng remote dung tích 10m ³	0,950	0,950	Q. IV/20	Q. IV/20	1	0,950
2. 2	Mua 02 xe nâng hàng. Sức nâng thiết kế 2,5	1,000	1,000	Q. IV/20	Q. IV/20	2	1,000
3	Dự án CNTT	0,500	0,500				0,500
3. 1	Đầu tư mua 01 máy chủ Server	0,500	0,500	Q. IV/20	Q. IV/20	1	0,500
TỔNG CỘNG (I + II)		2,450	2,450				2,450
<i>Vốn tự có</i>		2,450	2,450				2,450
<i>Vốn vay hoặc thuê Tài chính</i>		0	0				0

- Công tác đầu tư theo kế hoạch được triển khai chậm do chịu tác động của tình hình dịch bệnh Covid – 19 mà cụ thể ở một số các nguyên nhân sau:

- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 dự kiến tổ chức đại hội dự kiến vào ngày 21/04/2020 phải dời đến 27/6/2020. Trong đó bao gồm thông qua và phê duyệt các hạng mục kế hoạch đầu tư.

Sau đại hội dịch bệnh lại tiếp tục trở lại giai đoạn 2, tình hình sản xuất kinh doanh của công ty chịu ảnh hưởng chung và chưa có dấu hiệu khôi phục lại, hàng hóa và doanh thu sụt giảm. Vì vậy công tác triển khai đầu tư phải giãn tiến độ vì các dự án mua sắm phương tiện thiết bị nếu triển khai sẽ không bảo đảm nguồn hàng hóa để khai thác. Phương tiện thiết bị đầu tư sẽ nằm chờ nguồn hàng chưa phát huy được hiệu quả vốn đầu tư.

5.- Công tác tiền lương, nhân sự

5.1.- Tổng hợp tình hình chung

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Giá trị		Chênh lệch	
			Năm 2019	Năm 2020	Tuyệt đối	Tỉ lệ
1	Tổng sản lượng	Tấn	2.011.706	1.787.667	-224.039	89%
2	Tổng doanh thu	Đồng	125.023.871.411	114.470.266.784	-10.553.604.627	92%
3	Tổng chi phí	Đồng	121.076.879.606	113.117.078.450	-7.959.801.156	93%
4	Lợi nhuận	Đồng	3.946.991.805	1.353.188.334	-2.593.803.471	34%
5	Tổng số lao động b/q	Người	172	170	-2	99%
6	Hiệu suất sử dụng lao động	đ/người	726.882.973	673.354.510	-53.528.463	93%
7	Năng suất lao động	tấn/người	11.696	10.516	-1.180	90%
8	Tỷ suất lợi nhuận bình quân	đ/người	22.947.627	7.959.931	-14.987.695	35%
9	Tiền lương bình quân	đ/người	8.252.422	8.669.365	416.943	105%

5.2.- Hiệu quả sử dụng lao động

- Từ số liệu của bảng tính nêu trên cho thấy: Số lao động bình quân của các năm 2019 và 2020 có sự bình ổn giữa các năm. Tuy nhiên, với sự ảnh hưởng của dịch bệnh theo những phân tích ở phần trên đã tác động ảnh hưởng đến doanh thu thực hiện trong kỳ suy giảm 8% dẫn đến hiệu suất sử dụng lao động trong năm giảm 53 triệu đồng, ứng với tỷ lệ giảm 7%, bên cạnh đó chỉ tiêu năng suất lao động bình quân trong năm đạt 10.516 TTQ, giảm so với năm 2019 là 1.180 tấn tương ứng với tỷ lệ giảm 10%.

- Chỉ tiêu sức sinh lời của lao động: Theo bảng tính ta thấy năm 2019 một lao động tạo ra 22,9 Tr.đồng lợi nhuận; năm 2020 một lao động tạo ra 7,9 Tr.đồng lợi nhuận; giảm 14,9 Tr.đồng so với cùng kỳ, ứng với tỷ lệ giảm 65%. Những tác động ảnh hưởng đến sức sinh lời của lao động: Năm 2019, công ty hoàn thành công tác tái cơ cấu vốn vay tại ngân hàng Viettin Bank – Chi nhánh Chương Dương làm tăng đột biến khoản thu nhập khác dẫn đến tăng lợi nhuận trong năm, với diễn biến tỷ suất lợi nhuận qua các năm và so sánh tương đồng (ngoại trừ yếu tố tăng đột biến) thì tỷ suất lợi nhuận thực hiện năm 2020 đã đạt được kỳ vọng theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông giao tăng 23% so với kế hoạch năm 2020. Điều này cho thấy kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2020 rất khả quan đã góp phần ổn định thu nhập cho người lao động, giúp người lao động an tâm công tác và phát huy hết khả năng của mình trong hoạt động kinh doanh.

5.3.- Tình hình đào tạo nhân sự của công ty

Hàng năm, Lãnh đạo công ty xem xét, đánh giá các yếu tố cần có để đạt được mục tiêu đề ra để chỉ đạo thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ công nhân viên lao động nhằm đáp ứng yêu cầu và nhiệm vụ đặt ra. Ngoài ra, ở khía cạnh vi mô, các phòng chuyên

môn và các đơn vị trực thuộc căn cứ vào tình hình thực tế có nhu cầu cụ thể theo chức danh quản lý, từng chuyên ngành, chuyên môn nghiệp vụ để tự xác định nhu cầu nhân lực của mình, nhu cầu nào có thể giải quyết bằng hoạt động đào tạo, nhu cầu nào phải thực hiện tuyển dụng, luân chuyển lao động.

Những căn cứ cụ thể xác định nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng của công ty là:

- Tiêu chuẩn thực hiện công việc: mỗi chức danh công việc trong công ty có các yêu cầu về trình độ, kỹ năng cũng như năng lực khác nhau.

- Dựa vào chức danh công việc và thực tế thực hiện công việc của người lao động, phòng Tổ chức nhân sự sẽ xem xét nhân viên đáp ứng được hay chưa, thiếu những kỹ năng gì để có kế hoạch đào tạo bồi dưỡng người lao động hoàn thành tốt công việc.

- Thông qua đánh giá của người quản lý trực tiếp để phục vụ cho việc xác định nhu cầu đào tạo. Qua đánh giá thực hiện công việc mà người quản lý đề xuất những kỹ năng cần thiết phải đào tạo đối với người lao động để thực hiện công việc có hiệu quả.

Kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2020:

Công tác đào tạo tập trung vào các lĩnh vực thiết yếu, hỗ trợ trực tiếp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty với cấp độ và đối tượng đào tạo trải dài từ đội ngũ quản lý đến nhân viên trực tiếp. Trong năm 2020 Công ty đã cử CBCNV tham dự các khóa đào tạo với nội dung sau:

TT	Khóa đào tạo bồi dưỡng	Thời gian	Số người tham gia					
			Ban điều hành	Phòng Kinh doanh khai thác	Phòng Tổ chức nhân sự	Phòng tài chính kế toán	Phòng Kỹ thuật	Các đơn vị trực thuộc
1	Tập huấn luyện truyền về chứng khoán và thị trường chứng khoán	19/11/2020		4	4	2	1	
2	Hội nghị tập huấn Bộ Luật Lao động sửa đổi năm 2019 và hướng dẫn thực hiện Điều lệ Công đoàn Việt Nam – Khóa XII	06/10/2020	1		3			1
3	Tập huấn quản trị nguồn nhân lực hậu Covid19	27/5-28/5/2020			3			
4	Tập huấn nghiệp vụ PCCC năm	23/5-24/5/2020					1	16

	2020							
5	Khóa học Xây dựng nội dung truyền thông online cho doanh nghiệp	26/11/2020	1				1	5
6	Khóa học Lập kế hoạch kinh doanh cho năm tài chính 2021	20/11-21/11/2020		1	1	1		4
7	Khóa học Quyết toán cuối năm – Kiểm soát rủi ro thuế, kế toán, tài chính cho doanh nghiệp	13/11 – 14/11/2020			1	3		4
8	Khóa đào tạo Hệ thống kiểm soát nội bộ	25/9/2020			2	1		
9	Khóa học Nghiệp vụ hành chánh văn phòng	26/11 – 27/11/2020		3	9	2	3	18

5.4 Chính sách lao động nhằm bảo đảm sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Thực hiện các quy định về an toàn lao động, quy trình xếp dỡ, đảm bảo trang bị đầy đủ bảo hộ lao động, tạo điều kiện làm việc hợp lý và hiệu quả cho người lao động. Tăng cường công tác tuyên truyền, huấn luyện về công tác ATLĐ, PCCC... nâng cao nhận thức cho người lao động để người lao động có ý thức tự bảo vệ cho mình, phòng tránh tai nạn lao động. Đồng thời cử nhân viên ATVSLĐ bám sát hiện trường sản xuất, tuyên truyền vận động nhắc nhở CNVCLĐ thực hiện tốt các biện pháp an toàn lao động, quyết tâm không để xảy ra tai nạn lao động, quan tâm cải thiện điều kiện làm việc, vệ sinh môi trường, vệ sinh công nghiệp. Kết quả thực hiện: Huấn luyện ATLĐ cho CBNV thuộc nhóm 2 một lần theo qui định. Năm 2020 toàn Công Ty không xảy ra vụ tai nạn nào liên quan đến con người.

- Bố trí và sử dụng lao động theo đúng quy định của pháp luật, toàn bộ lao động được ký hợp đồng lao động, đảm bảo các chế độ, quyền lợi theo quy định pháp luật hiện hành như: BHXH, BHYT, BHTN. Người lao động được khám sức khỏe định kỳ theo quy định, các chế độ liên quan về bảo hiểm như: phép năm, ốm đau, thai sản, tử tuất... đều được doanh nghiệp thực hiện đầy đủ.

- Công ty luôn quan tâm đến đời sống CBCNV, đảm bảo thu nhập của người lao động luôn được cải thiện, đồng thời chú trọng công tác nâng cao đời sống tinh thần, tổ

chức họp mặt nhân dịp các ngày lễ tết.. tạo cho CBCNV yên tâm và gắn bó vì sự phát triển của Công ty.

5.6.- Công tác tái cơ cấu

- Thực hiện chủ trương sắp xếp lại bộ máy tổ chức đối với các đơn vị trực thuộc theo Quyết định số 23/QĐ-HĐQT ngày 31/12/2019. Trên cơ sở đánh giá kết quả tái cơ cấu đã đạt được của năm 2019. Năm 2020, Cảng Cần Thơ tiếp tục thực hiện xây dựng phương án sắp xếp lại bộ máy tổ chức, giải thể Chi nhánh Cảng Hoàng Diệu sáp nhập vào văn phòng chính Cảng Cần Thơ từng bước đáp ứng sự thay đổi của môi trường kinh doanh và chủ động trong sản xuất kinh doanh, tìm kiếm việc làm và nâng cao hiệu quả sản xuất. Kết quả công tác tái cơ cấu đã được hoàn thành vào thời điểm ngày 31/10/2020.

Mô hình Cảng Cần Thơ sau khi hoàn thành tái cơ cấu:

- + Đại Hội đồng cổ đông;
- + Hội đồng quản trị (Chủ tịch và các thành viên HĐQT);
- + Ban Điều hành (Tổng Giám đốc và các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng);
- + Ban Kiểm soát (Trưởng ban và các thành viên BKS);
- + Phòng chuyên môn nghiệp vụ: Phòng Kinh doanh Khai thác, Phòng Tài chính – Kế toán, Phòng Kỹ thuật, phòng Tổ chức Nhân sự.
- + Bến Cảng Hoàng Diệu.
- + Bến Cảng Cái Cui.
- + Các đơn vị trực thuộc: Chi nhánh Trung tâm Logistics Cảng Sóc Trăng.

5.7.- Công tác pháp chế

- Tham gia tố tụng về các vụ kiện tranh chấp thương mại: Đánh giá được tầm quan trọng của công tác thu hồi nợ khách hàng ảnh hưởng trực tiếp đến dòng tiền và sức khỏe tài chính doanh nghiệp. Trong năm 2020, Cảng Cần Thơ đã tiếp tục tham gia 03 vụ kiện tranh chấp thương mại với các doanh nghiệp nợ tồn đọng không có khả năng thu hồi tại Tòa án Quận Cái Răng. Kết quả bản án buộc các doanh nghiệp phải thanh toán nợ cho cảng và chuyển hồ sơ đến cơ quan thi hành án để thi hành. Năm 2020, thi hành án dứt điểm đối với Công Ty TNHH Xây Dựng và Khảo sát công trình Thanh Tuấn với tổng số tiền: 187.000.000 đồng.

- Định kỳ hàng quý Phát hành đối chiếu công nợ với khách hàng để kiểm tra, kiểm soát các khoản nợ với khách hàng có thực hiện thanh toán đúng theo hợp đồng kinh tế đã ký kết.

- Rà soát các văn bản pháp luật mới ban hành để cập nhật và tiến hành sửa đổi các quy chế, quy định nội bộ trong doanh nghiệp theo đúng quy định.

6. Công tác Tài chính Kế toán

Tham mưu hiệu quả cho Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc trong công tác hoạch định, tổ chức thực hiện việc quản lý, tình hình sử dụng quản lý các quỹ, sử dụng tài sản và nguồn vốn, các nguồn lực tài chính phục vụ cho công tác kinh doanh, công tác hạch toán, thống kê, hoạch định chiến lược và đầu tư phát triển của Công ty. Cụ thể như sau:

- Tham mưu cho Hội đồng quản trị và ban điều hành về chế độ chính sách của các đơn vị quản lý nhà nước (Cục thuế, Sở Tài chính, Sở Tài nguyên và Môi trường)

- Tham mưu và trình lãnh đạo phê duyệt các quy định nội bộ về quản lý tài chính: quy trình thu, chi kinh doanh; quản lý tiền vốn, công nợ, ... áp dụng trong đơn vị và kiểm tra việc chấp hành các quy định nội bộ này. Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát chi nhánh và hai

bến cảng thực hiện đúng quy chế chi tiêu nội bộ và công tác hạch toán kế toán theo đúng quy định hiện hành;

- Theo dõi chặt chẽ tình hình công nợ, kiểm soát, phân tích tình hình công nợ đưa ra các đánh giá khả năng rủi ro, đề ra các giải pháp thu hồi, đôn đốc và chỉ đạo các thành viên thu hồi công nợ hiệu quả;

- Đảm bảo và duy trì tốt dòng tiền phục vụ trong các hoạt động sản xuất kinh doanh, thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với Tổng công ty Hàng hải Việt Nam, hoạt động đầu tư...;

- Thực hiện chế độ báo cáo tài chính, thống kê theo đúng quy định. Tổ chức theo dõi, phân tích, đánh giá và phản ánh tình hình biến động của nguồn vốn tại công ty cũng như cung cấp thông tin về tình hình kinh tế, tài chính cho Tổng giám đốc trong công tác điều hành, hoạch định sản xuất. Thực hiện hiệu quả công tác kiểm tra giám sát chi phí, đạt các chỉ tiêu tiết kiệm chống lãng phí được giao;

- Thực hiện phân tích đánh giá hiệu quả tài chính của từng khu vực hoạt động của công ty làm cơ sở tham mưu cho ban điều hành hoạch định xây dựng chiến lược phù hợp;

- Qua các kỳ kiểm toán không có các bút toán điều chỉnh và kiến nghị loại trừ làm ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh của đơn vị.

7.- Công tác Kỹ thuật; ATLD-PCCC, Bảo hộ lao động, môi trường và chăm sóc sức khỏe người lao động

a.- Công tác kỹ thuật

- Công tác sửa chữa, bảo dưỡng phương tiện, trang thiết bị:

- + Kiểm tra, nhắc nhở việc ghi chép cập nhật việc quản lý kỹ thuật đầy đủ, kịp thời trong Sổ nhật ký phương tiện.

- + Biên soạn bổ sung chi tiết các hạng mục bảo dưỡng định kỳ theo lịch bảo dưỡng phương tiện và bước đầu đã triển khai trong thực tế hàng ngày, hàng tháng.

- + Tổng kiểm kê rà soát lại công cụ, dụng cụ sửa chữa để có kế hoạch trang bị bổ sung trong năm 2021.

- Với phương châm thực hiện nêu trên chính vì thế mặc dù thiết bị cũ lạc, hậu nhưng ít trường hợp hư hỏng đột xuất trong quá trình làm hàng, công tác chăm sóc, bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện được phối hợp tốt với lịch sản xuất nên đáp ứng được kịp thời nhu cầu của đơn vị; thiết bị luôn trong tư thế sẵn sàng phục vụ sản xuất góp phần nâng cao uy tín của đơn vị đối với khách hàng. Trong năm đã thực hiện nâng cấp sửa chữa lớn một số thiết bị cụ thể như sau:

- Sửa chữa hệ thống truyền động cơ khí cho cần cầu Fk150.

- Sửa chữa bơm tời cần cầu Gottwald 80 tấn tại bến cảng Hoàng Diệu.

- Sửa chữa đại tu 01 xe xúc phục vụ gom vét hàng dưới tàu tại bến cảng hoàng diệu.

- Kết hợp với công ty cổ phần thép hòa phát Dung Quất nâng cấp đường nội bộ ,kéo 02 xe hút xỉ sắt tải trọng 90 tấn ra cầu cảng làm hàng ổn định , hút xỉ sắt từ tàu biển cấp lên 12 silo chứa hàng trên bãi với công suất 500 tấn/h.

- + Sửa chữa hệ thống PCCC: lắp đặt mới tủ phòng cháy chữa cháy tại các kho hàng bị hư hỏng, mua mới các đường ống PCCC bằng nước để tại các tủ PCCC của các kho phục vụ công tác kiểm tra PCCC của cơ quan chức năng.

- + Hoán cải gàu cạp 3,5 m3 đóng mở bằng sóng radio cho 02 cầu điện KONE1,KONE 02 phục vụ cạp hàng rời giảm thiểu việc hư hỏng phần 30m3.

- Để khai thác thiết bị hiệu quả hơn trong năm qua đã trang bị thêm một số dụng cụ bốc xếp nhằm cải tiến phương án xếp dỡ, tăng năng suất, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

- Năm 2020 Cảng Cần Thơ tiếp tục đầu tư lên kế hoạch sửa chữa lớn các phương tiện để phục vụ nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

- +Cải tạo hòng phễu 30 khối phục vụ bốc xếp hàng rời lên xe kết hợp với cần cầu điện 40 tấn để giảm chi phí.

- Liên kết với công ty Việt Nhật lắp đặt cần cầu ray sử dụng điện phục vụ bốc xếp sang mạn hàng rời.

- Do chưa được đầu tư đồng bộ làm cho việc vận chuyển hàng hóa nội bộ Cảng Cái Cui gặp rất nhiều khó khăn, đồng thời với cơ sở hạ tầng cũ kỹ đang xuống cấp nên đề hàng hóa lưu chuyển hàng hóa nội bộ giữa các kho bãi cũng như ra vào cảng thuận lợi, đồng thời từng bước nâng cao diện mạo Cảng Cần thơ, trong năm qua đã thực hiện sửa chữa nâng cấp cơ sở hạ tầng như sau:

- + Lắp đặt thêm hệ thống Camera giám sát hải quan tại bến Cảng Cái Cui để phục vụ cho xuất nhập các mặt hàng gỗ lông nhập khẩu của công ty gỗ Sông Hồng, thiết bị điện gió Vĩnh Châu- Sóc Trăng năm 2021.

- + Sửa chữa đường nội bộ vào cảng, đường nội bộ nối liền giữa các kho.

- + Sửa chữa chống dột các kho để phục vụ cho khách hàng thuê lắp đặt điện mặt trời áp mái tại cảng Hoàng Diệu và Cảng Cái Cui.

b) Thực hiện các biện pháp về kỹ thuật an toàn, PCCC và BHLĐ

- Thực hiện phương châm phòng bệnh hơn chữa bệnh, trong năm qua công tác chăm sóc bảo dưỡng được triển khai và thực hiện nghiêm túc, chính vì thế mặc dù thiết bị cũ lạc, hậu nhưng ít trường hợp hư hỏng đột xuất trong quá trình làm hàng, công tác chăm sóc, bảo dưỡng và sửa chữa phương tiện được phối hợp tốt với lịch sản xuất nên đáp ứng được kịp thời nhu cầu của đơn vị; thiết bị luôn trong tư thế sẵn sàng phục vụ sản xuất góp phần nâng cao uy tín của đơn vị đối với khách hàng.

- An toàn vệ sinh lao động luôn được đặc biệt quan tâm, bên cạnh phối hợp Công đoàn, Đoàn Thanh niên tuyên truyền giáo dục nâng cao ý thức trách nhiệm đến người lao động trực tiếp tuân thủ đúng quy định về ATVSLĐ, tuyệt đối tuân thủ nghiêm ngặt các quy định, quy chế của cơ quan về ATVSLĐ trong sản xuất kinh doanh. Đồng thời cử nhân viên ATVSLĐ bám sát hiện trường sản xuất, tuyên truyền vận động nhắc nhở CNVCLĐ thực hiện tốt các biện pháp an toàn lao động, quyết tâm không để xảy ra tai nạn lao động, treo băng rôn khẩu hiệu hưởng ứng tháng an toàn lao động ,vệ sinh môi trường ,quan tâm cải thiện điều kiện làm việc, vệ sinh môi trường, vệ sinh công nghiệp hàng ngày có bố trí vệ sinh công nhật thực hiện vệ sinh các khu vực trong cảng như: cầu cảng ,bãi và các kho hàng đảm bảo môi trường làm cho người lao động

- Nâng cao công tác PCCC tại nơi làm việc, thường xuyên tuyên truyền giáo dục bằng nhiều hình thức như treo các khẩu hiệu, pano, lồng ghép chủ đề PCCC vào các buổi họp, sinh hoạt tổ, đội nhằm nâng cao ý thức cho CNVCLĐ về công tác PCCC và phòng chống cháy nổ; cử CNVCLĐ tham dự tập huấn các lớp bồi dưỡng về công tác PCCC, trang bị đầy đủ các trang thiết bị PCCC, giữ các mối quan hệ chặt chẽ với các cơ quan hữu quan trong địa bàn. Trong năm đã từng bước hoàn thiện hệ thống PCCC của đơn vị như sau:

+ Thành lập Đội PCCC cơ sở ở Cảng Hoàng Diệu và Cảng Cái Cui, cử 15 anh em đi học lớp tập huấn nghiệp vụ PCCC và Cứu hộ cứu nạn do Công An PCCC TP Cần Thơ tổ chức.

+ Do năm 2020 tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp nên không tổ chức diễn tập phương án PCCC tại chi nhánh Cảng Cái Cui, Cảng Hoàng Diệu và tại cây xăng của Trung Tâm Logistics- Cảng Sóc Trăng.

c.- Công tác quản lý môi trường.

- Thường xuyên kiểm tra, đôn đốc nhắc nhở việc giữ gìn môi trường làm việc trong khu vực công ty, sắp xếp phòng làm việc gọn gàng, sạch sẽ, khoa học, thông thoáng, văn minh, hiện đại; phát hoang cây cối làm cỏ sạch sẽ, trồng thêm cây xanh cải thiện mỹ quan môi trường làm việc và hoạt động khác nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho CNVCLĐ trong đơn vị.

- Đề duy trì sức khỏe và đảm bảo môi trường làm việc cho người lao động trong đơn vị, hàng năm doanh nghiệp phối hợp với các cơ quan chức năng có thẩm quyền tổ chức Quan trắc môi trường lao động để thu thập, phân tích, đánh giá số liệu đo lường các yếu tố trong môi trường lao động tại nơi làm việc theo đúng quy định luật An toàn vệ sinh lao động. Kết quả thu được:

+ Bến Cảng Cái Cui: Qua kết quả quan trắc môi trường 02 đợt trong năm 2020, kết quả như sau:

Chất lượng không khí xung quanh tại khu vực cảng và công bảo vệ đề có các thông số quan trắc nằm trong giới hạn cho phép của QCVN 05:2013/BTNMT, 06:2009/BTNMT và QCVN 26:2010/BTNMT.

Chất lượng nước mặt: các thông số quan trắc nước mặt đều đạt tiêu chuẩn môi trường QCVN 08-MT:2015/BTNMT.

Chất lượng nước dưới đất: các thông số quan trắc đạt mức cho phép của quy chuẩn Việt Nam 09-MT:2015/BTNMT.

+ Bến Cảng Hoàng Diệu: Qua kết quả quan trắc 02 đợt trong năm 2020, kết quả như sau:

Vi khí hậu: Nhiệt độ, Ẩm độ, Tốc độ gió tại thời điểm kiểm tra, nhiệt độ tại các vị trí đo đều đạt quy chuẩn cho phép theo QCVN 26:2016/BYT.

Ánh sáng: tại thời điểm kiểm tra, cường độ chiếu sáng tại các vị trí đo đều đạt quy chuẩn cho phép theo QCVN 26:2016/BYT.

Tiếng ồn: tại thời điểm kiểm tra, tiếng ồn tại các vị trí đo có 01/04 mẫu vượt quy chuẩn cho phép theo QCVN 24:2016/BYT.

Nồng độ bụi hô hấp: tại thời điểm kiểm tra, nồng độ bụi hô hấp tại các vị trí đo đều đạt Tiêu chuẩn vệ sinh lao động theo Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT.

- Xử lý chất thải nguy hại: Thiết lập các hợp đồng với các đơn vị cung cấp dịch vụ xử lý chất thải nguy hại của doanh nghiệp theo đúng quy định hiện hành.

->Kết quả xử lý khắc phục: Cảng Cần Thơ chỉ đạo các đơn vị thường xuyên bảo trì máy móc thiết bị để làm giảm tiếng ồn, đồng thời trang bị nút tai cho người lao động làm việc tại khu vực có độ ồn cao.

d.- Công tác chăm sóc sức khỏe người lao động

- Năm 2020 thực hiện khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ cán bộ công nhân viên của Công ty tổng cộng 168 người; qua khám sức khỏe định kỳ không phát hiện bệnh nghề

ng nghiệp liên quan đến hoạt động SXKD; (Loại I: 59 người, loại II: 50 người, loại III: 40 người, loại IV: 19).

- Cấp phát bồi dưỡng chống độc hại bằng hiện vật (đường, sữa, trái cây....) cho công nhân viên lao động trực tiếp làm công việc ở môi trường nặng nhọc độc hại theo đúng quy định.

- Hàng năm đều trang cấp bảo hộ cá nhân cho CBCNV toàn Công ty theo từng chức danh ngành nghề của người lao động theo quy định.

- Công đoàn đã phối hợp với Công ty tổ chức cho người lao động tham gia học tập kết hợp tham quan nghỉ dưỡng và về nguồn địa đạo Củ Tri tại thành phố Hồ Chí Minh.

IV. NHỮNG HẠN CHẾ, TỒN TẠI

- Công tác chuyển đổi chủ đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng Cảng Cái Cui giai đoạn II vẫn chưa hoàn tất. Cảng Cần Thơ không đủ năng lực tài chính để chứng minh tính khả thi thực hiện dự án, cũng như đề xuất bất cứ điều chỉnh nào về tiến độ dự án để thực hiện thủ tục điều chỉnh chủ đầu tư dự án (Hiện tại chủ đầu tư trên danh nghĩa trước cơ quan chức năng vẫn là Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam). Điều này gây rất nhiều hạn chế cho Cảng Cần Thơ trong quá trình khai thác tài sản được Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam giao do yếu tố pháp nhân chủ đầu tư chưa được chuyển từ Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam sang Cảng Cần Thơ; ngoài ra, Cảng Cần Thơ vẫn đang nỗ lực để hạn chế rủi ro bị thu hồi đất do dự án chậm tiến độ khá lâu.

- Việc ban hành các Quy chế, quy định hoạt động của Công ty còn chậm, dẫn đến các phòng chuyên môn còn hạn chế trong xác định đầy đủ các nhiệm vụ và trách nhiệm, cũng như cơ chế phối hợp, báo cáo giữa các phòng chuyên môn và các chi nhánh.

- Hoạt động đầu tư trong năm còn triển khai chậm, nhất là đầu tư các trang thiết bị để bổ sung năng lực khai thác của cảng, giảm chi phí thuê ngoài.

- Hoạt động triển khai xây dựng bộ tiêu chuẩn BSC-KPI của doanh nghiệp còn triển khai chậm.

PHẦN II

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

I- ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH

1. Dự báo tình hình kinh tế và thị trường quốc tế

Trong các báo cáo chính thức, tất cả các tổ chức quốc tế đều tỏ ra bi quan về triển vọng tăng trưởng kinh tế toàn cầu thời gian tới trong bối cảnh ảnh hưởng của đại dịch Covid 19.

- + JPMorgan (4/2020), nền kinh tế giới sẽ mất 5,5 nghìn tỷ USD, tương đương 8% GDP vào cuối năm 2021.

- + Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), trong Báo cáo về triển vọng kinh tế toàn cầu năm 2020, dự báo kinh tế toàn cầu có thể phải trải qua cuộc khủng hoảng tài chính tồi tệ nhất kể từ cuộc đại suy thoái diễn ra vào những năm 1930, Tổ chức này đưa ra dự báo, nền kinh tế toàn cầu sẽ giảm 4,9% trong năm nay do ảnh hưởng của dịch Covid-19; đồng thời đưa ra hai kịch bản tăng trưởng toàn cầu năm 2021 với kịch bản 1 kinh tế toàn cầu sẽ tăng trưởng ở mức 5,4% trong năm 2021. Tuy nhiên, Tổ chức này cho biết, nếu một đợt Covid-19 bùng phát trong năm 2021 thì mức tăng trưởng kinh tế thế giới trong năm 2021 chỉ đạt 0,5%.

+ Đặc biệt, trong báo cáo mới nhất (6/2020), OECD đã cho rằng triển vọng kinh tế toàn cầu tương ứng với hai kịch bản: một là dịch bệnh được kiểm soát; hai là làn sóng Covid-19 lần thứ hai trong năm 2020. Theo đó, với kịch bản thứ nhất, trong trường hợp dịch bệnh được kiểm soát, nền kinh tế thế giới sẽ giảm 6% trong năm 2020 và tăng 5,2% trong năm 2021. Ở trường hợp thứ hai, làn sóng Covid-19 lần thứ 2 tấn công, các số liệu cho nền kinh tế toàn cầu sẽ là âm 7,6% trong năm 2020 và cộng thêm 2,8% vào năm 2021. Tổ chức này cũng cho rằng không có quốc gia nào có thể mong đợi sự phục hồi kinh tế mạnh mẽ theo một trong hai kịch bản.

- Ngành cảng biển quốc tế năm 2020 và dự kiến trong năm 2021 vẫn tiếp tục chịu áp lực rất lớn do ảnh hưởng của dịch COVID-19; các tác động lớn đến hoạt động cảng biển toàn cầu được ghi nhận là sự thiếu hụt nguồn nhân lực trong công tác vận hành, suy thoái lượng hàng hóa lưu thông toàn cầu, sự thiếu liên kết giữa cảng với các phương thức vận tải sau cảng, sự trì hoãn hoạt động đầu tư phát triển cảng và sự sắp xếp lại tuyến vận tải container toàn cầu và sắp xếp lại chuỗi cung ứng toàn cầu. Theo Báo cáo khảo sát trong nửa năm 2020 của Tổ chức IAPH về Biểu đồ tác động đến Kinh tế cảng của dịch COVID-19 ghi nhận hơn từ 35-40% các cảng biển lớn trên thế giới có phản hồi suy giảm sản lượng container và lượt tàu container thông qua từ 5% trở lên so với cùng kỳ năm 2019; trong đó, có khoảng 04% số cảng suy giảm từ 25% sản lượng container trở lên. Có khoảng 44%-49% số cảng biển được khảo sát đã phục hồi và duy trì ổn định sau 06 (sáu) tháng bị ảnh hưởng bởi Dịch COVID-19. Đặc biệt có 16% số cảng được khảo sát có sự tăng trưởng từ 5% trở lên; trong đó có 5% cảng tăng trưởng từ 25% trở lên. Báo cáo cũng chỉ ra sự thiếu hụt nguồn nhân lực tại cảng và các đơn vị có liên quan như cảng vụ, tàu lai, hoa tiêu và hỗ trợ hàng hải do các quy định về giãn cách xã hội phòng chống dịch tại các Quốc gia; điều này cũng dẫn đến sự khó khăn trong việc phân phối hàng hóa từ cảng đến vùng kinh tế suy giảm do các tuyến vận tải đường bộ, đường thủy nội địa và đường sắt giữa các quốc gia bị gián đoạn. Ngoài ra, tình hình kinh tế toàn cầu suy thoái cũng ảnh hưởng lớn đến hoạt động đầu tư phát triển cảng. 41% số cảng phản hồi có sự kéo dài hoạt động đồng tư; trong đó, 19% số cảng báo cáo có kéo dài lớn hoạt động đầu tư, 4% hủy hoạt động đầu tư và 3% thay thế các hạng mục đầu tư.

Với tình hình khó kiểm soát của dịch COVID-19 trên quy mô toàn cầu hiện nay, thì hoạt động của ngành cảng biển và hàng hải sẽ gặp rất nhiều khó khăn, rủi ro trong năm 2021 và dự kiến sẽ phát triển ổn định trở lại trong năm 2022.

2. Dự báo tình hình kinh tế, thị trường trong nước

Việt Nam là một trong số ít quốc gia ứng phó rất tốt với đại dịch COVID-19; đồng thời cơ bản thực hiện được hai mục tiêu kép là kiểm soát chặt chẽ dịch bệnh COVID-19 và phát triển nền kinh tế. Qua các kết quả ấn tượng Việt Nam đạt được từ đầu năm 2020 đến nay như duy trì kim ngạch xuất nhập khẩu, đạt tỉ lệ xuất siêu kỷ lục; tình hình kiểm soát dịch bệnh thực hiện rất tốt; qua đó, hầu hết các tổ chức và bộ phận đánh giá kinh tế toàn cầu đều nhận định một kịch bản phát triển sáng của Việt Nam trong năm 2020 và 2021.

+ Bộ phận Kinh tế toàn cầu và nghiên cứu thị trường của Ngân hàng UOB đưa ra trong báo cáo Triển vọng toàn cầu quý 4-2020 vừa công bố. Theo báo cáo này, dù chịu ảnh hưởng từ đại dịch COVID-19 kinh tế Việt Nam vẫn tăng trưởng cả năm 2020 là 2,8%, nhưng sẽ đạt tới 7,1% vào năm 2021",

+ Theo báo cáo "Asia Economics: It's about stamina" (tạm dịch: "Kinh tế của các nước châu Á: Tất cả là khả năng chịu đựng của mỗi quốc gia"), Ngân hàng HSBC dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam năm nay sẽ đạt mức 2,6% trong năm 2020 và kỳ vọng đạt

mức 8,1% trong năm 2021 do Việt Nam sẽ được hưởng lợi từ sự phục hồi do công nghệ dẫn đầu và dòng vốn FDI rất kiên định.

+ Theo Báo cáo nghiên cứu toàn cầu của ngân hàng Standard Chartered mang tựa đề “Vietnam – Q3 disruption, but recovery remains intact” (tạm dịch “Việt Nam - tăng trưởng bị gián đoạn trong quý 3 nhưng triển vọng phục hồi ổn định”) Ngân hàng Standard Chartered đã nhận định nền kinh tế Việt Nam sẽ đạt mức tăng trưởng 3% trong năm 2020 và vượt lên 7,8% vào năm 2021.

+ Trong khi đó, theo bản cập nhật Báo cáo triển vọng kinh tế thế giới năm 2020 được Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) công bố gần đây, Việt Nam tiếp tục là quốc gia duy nhất trong khu vực Đông Nam Á được dự báo sẽ tăng trưởng dương trong năm 2020, ở mức 1,6% và đến năm 2021, con số này sẽ đạt 6,7%.

+ Trước đó (hội trung tuần tháng 9/2020), Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) cũng đưa ra dự đoán nền kinh tế Việt Nam dự kiến tăng trưởng 1,8% trong năm 2020 giữa bối cảnh đại dịch do Covid-19 gây ra và sẽ gia tăng ở mức 6,3% trong năm 2021.

Tin hiệu lạc quan từ hoạt động chuyển dịch vốn đầu tư nước ngoài toàn cầu vào Việt Nam. Việt Nam với nỗ lực chống dịch, kiểm soát dịch tốt và tránh được những cuộc phong tỏa kéo dài đã nhận được không ít lời khen, ghi nhận từ một số tổ chức quốc tế và các quốc gia bị dịch Covid-19. Thứ hai là xu hướng chuyển nhà máy ra khỏi Trung Quốc đã “ngày một rõ rệt” và Việt Nam với yếu tố tích cực chống dịch hiệu quả đang là đích nhắm của các nhà đầu tư nước ngoài. Ngoài ra, từ năm 2019 đến nay, nhiều tập đoàn công nghệ đa quốc gia như Samsung và LG, Google, Microsoft, Nintendo Komatsu,... cũng đã lên kế hoạch rời Trung Quốc để tránh bị nạn từ **cuộc chiến tranh thương mại Mỹ - Trung**. Hiện tại Chính phủ Nhật Bản đã chi 2,2 tỉ USD hỗ trợ DN nước này rời Trung Quốc; chính phủ Mỹ yêu cầu các công ty của Mỹ sớm dời nhà máy tại Trung Quốc, GS Nguyễn Mại thông tin, một số DN đã về Mỹ, còn một số đến nước thứ 3 đầu tư. Cập nhật mới nhất, tại khu vực Đông Nam Á có Indonesia và Việt Nam đã được nhiều tập đoàn lớn của Mỹ lựa chọn.

3. Nhận định và đánh giá tác động của cơ chế, chính sách vĩ mô của Nhà nước, ngành và địa phương

Trong thời gian vừa qua, Khu vực ĐBSCL đã được Trung ương quan tâm xây dựng các Nghị quyết chiến lược để phát triển vùng kinh tế ĐBSCL theo hướng bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu; qua đó đã tạo hành lang về chính sách, định hướng cho phát triển kinh tế vùng nói chung và hoạt động khai thác cảng biển và logistics của vùng nói riêng. Cụ thể:

3.1. Nghị quyết 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính Phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) thích ứng với biến đổi khí hậu đã đề ra các tầm nhìn mới, định hướng chiến lược, các giải pháp toàn diện, căn cơ, đồng bộ, huy động tối đa các nguồn lực và sự tham gia của các thành phần kinh tế để phát triển bền vững ĐBSCL. Trong đó có các vấn đề lớn sau:

+ Xây dựng Quy hoạch tổng thể phát triển bền vững ĐBSCL thích ứng với biến đổi khí hậu, phù hợp với điều kiện của vùng trên cơ sở tích hợp thống nhất các quy hoạch ngành, địa phương và sản phẩm chủ lực. Điều này giúp cho hoạt động tập trung sản xuất theo phân khu chức năng đảm bảo đủ lớn để tạo hiệu quả kinh tế tổng thể, không sản xuất manh mún tự phát như trước đây.

+ Xây dựng cơ cấu sản xuất nông nghiệp theo ba trọng tâm: Thủy sản – cây ăn quả – lúa gắn với các tiểu vùng sinh thái, trong đó coi thủy sản (nước ngọt, nước lợ, nước

mặn) là sản phẩm chủ lực. Điều này thay thế cho hoạt động sản xuất truyền thống của vùng là Lúa - Thủy sản - Cây ăn trái. Qua đó tỉ trọng hàng hóa xuất khẩu Thủy sản và cây ăn quả sẽ được tập trung hỗ trợ đầu tư phát triển trong giai đoạn tới.

+ Tiếp tục hoàn thiện cơ chế điều phối phát triển Vùng và tiểu vùng sinh thái để nâng cao hiệu quả, thực chất, theo hướng thu gọn đầu mối, lấy quản lý thông minh tài nguyên nước và thích ứng với biến đổi khí hậu phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam và vùng ĐBSCL làm trọng tâm xuyên suốt. Trong đó yếu tố chính là bảo đảm tính liên kết giữa các địa phương trong vùng và với các khu vực khác dựa trên nguyên tắc hài hoà lợi ích của các bên liên quan, hài hoà giữa điều kiện tự nhiên về đất, nước, hệ sinh thái và văn hoá, con người; chú trọng nâng cao tính liên kết về hạ tầng, chuỗi sản phẩm giữa các tiểu vùng sinh thái trong khu vực và giữa vùng với vùng kinh tế trọng điểm phía Nam, Thành phố Hồ Chí Minh, Tiểu vùng Mê Công.

3.2. Nghị quyết số 59-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển thành phố Cần Thơ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; đã xác định các mục tiêu trong đó có mục tiêu *“Xây dựng và phát triển Cần Thơ phải trên cơ sở khai thác, phát huy tối đa các tiềm năng, lợi thế của thành phố, của vùng đồng bằng sông Cửu Long, nhất là vai trò trung tâm vùng, vị trí cửa ngõ của vùng hạ lưu sông Mê Công; cảng biển và cảng hàng không quốc tế;...”*.

❖ Mục tiêu đến năm 2030

Cần Thơ là thành phố sinh thái, văn minh, hiện đại mang đậm bản sắc văn hóa sông nước vùng đồng bằng sông Cửu Long; là trung tâm của vùng về dịch vụ thương mại, du lịch, logistics, công nghiệp chế biến, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, giáo dục và đào tạo, y tế chuyên sâu, khoa học công nghệ, văn hóa, thể thao; là đô thị hạt nhân vùng đồng bằng sông Cửu Long; đời sống vật chất và tinh thần của người dân đạt mức cao; tổ chức đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh; quốc phòng, an ninh được bảo đảm vững chắc.

Một số chỉ tiêu cụ thể:

Giai đoạn 2021 - 2025:

Tăng trưởng GRDP đạt mức 7,5 - 8%/năm, vốn đầu tư toàn xã hội tăng 10 - 12,5%/năm. Phân đấu tổng thu ngân sách nhà nước hằng năm đạt và vượt chỉ tiêu dự toán Trung ương giao. Tốc độ đổi mới công nghệ máy móc, thiết bị đạt 12 - 13%/năm.

Đến năm 2025, GRDP/người đạt 6.200 - 6.800 USD. Cơ cấu kinh tế: Dịch vụ chiếm 54,17 - 54,73% GRDP, công nghiệp và xây dựng chiếm 33,71 - 33,99%, nông nghiệp chiếm 5,61 - 5,9%, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 5,94 - 5,95%. Tổng sản phẩm công nghệ cao so với tổng giá trị sản phẩm đạt 35 - 40%.

3.3. Ngoài ra, theo Quyết định số 1012/QĐ-TTg ngày 03/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm logistics trên địa bàn cả nước, trong đó khu vực ĐBSCL là một trong những địa điểm được ưu tiên đầu tư 01 trung tâm logistics hạng II cấp vùng kinh tế đến năm 2020 với tên dự án là Trung tâm logistics tiểu vùng kinh tế trung tâm Đồng bằng sông Cửu Long. Hiện nay Bộ GTVT đang thực hiện chỉ đạo của Phó Thủ tướng Chính phủ Vương Đình Huệ về việc thu hút đầu tư, kinh doanh logistics vào vùng Đồng bằng sông Cửu Long theo công văn số 9902/VPCP-KHTH ngày 17/11/2016 của Văn phòng Chính phủ. Đồng thời, thành phố Cần Thơ đang lập quy hoạch phát triển Trung tâm logistics cấp II của vùng Đồng bằng sông Cửu Long tại khu vực KCN Hưng Phú 1 với diện tích 242,4ha bao gồm luôn diện tích Cảng Cái Cui.

3.4. Căn cứ Quyết định số 3383/QĐ-BGTVT ngày 28/10/2016 của Bộ trưởng Bộ giao thông vận tải phê duyệt Quy hoạch chi tiết nhóm cảng biển đồng bằng sông Cửu Long (nhóm 6) giai đoạn đến năm 2020, định hướng năm 2030; Cảng Cần Thơ với hai bến cảng, Cảng Cái Cui (bến chính của nhóm cảng biển số 6) và Cảng Hoàng Diệu, là cảng biển tổng hợp quốc gia, đầu mối khu vực loại I của vùng.

3.5. Sản lượng hàng hóa thông qua cảng biển khu vực đồng bằng sông Cửu Long

Theo thống kê của Cảng vụ hàng hải Cần Thơ, năm 2020 tốc độ sản lượng hàng hóa khu vực Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ quản lý đạt 15,2 triệu tấn tăng 14% so với năm 2019; trong đó hàng container 81,617 TEUS. Tổng số lượt tàu là 1.918 lượt (tàu nội là 1.722, tàu ngoại là 196) tăng trưởng 13% so với cùng kỳ năm 2019, phương tiện thủy nội địa là 17.458 lượt phương tiện giảm 2% so với cùng kỳ năm 2019. Tuy nhiên, sản lượng hàng hóa và lượt tàu chủ yếu tăng trưởng mạnh ở cảng biển chuyên dùng như cảng biển Nhiệt điện Duyên Hải và cảng Lee&Man, các cảng biển trong vùng cơ bản tăng trưởng nhẹ ở mức 5-6% hoặc duy trì sản lượng như cùng kỳ năm 2019.

Qua số liệu tổng hợp của Hiệp hội Cảng biển Việt Nam sản lượng container thông qua toàn vùng ĐBSCL năm 2020 đạt 83,276TEUs giảm 7% so với cùng kỳ năm 2019.

4.- Thuận lợi, khó khăn

4.1 Thuận lợi:

- Được sự quan tâm hỗ trợ, chỉ đạo của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và các đơn vị hữu quan tại địa phương, nhất là sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của Hội đồng quản trị, trong việc triển khai thực hiện các kế hoạch sản xuất kinh doanh trước mắt và chiến lược phát triển dài hạn của cảng.

- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam thường xuyên quan tâm chỉ đạo công tác phối hợp giữa các đơn vị thành viên Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam với Cảng Cần Thơ để cùng khai thác thị trường đồng bằng sông Cửu Long; điều này sẽ nâng cao tiềm lực cho các đơn vị trực thuộc Vinalines trong quá trình cạnh tranh với các đối thủ trong vùng trong thời gian tới.

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp trên địa bàn thành phố dự kiến tiếp tục phát triển ổn định.

- Tình hình triển khai Trung tâm logistics hạng II của ĐBSCL tại khu vực Cảng Cái Cui có sự tiến triển tốt. Thành phố Cần Thơ đã thành lập KCN Hữu Nghị Việt Nam - Nhật Bản ngay sau Cảng Cái Cui tạo điều kiện thu hút doanh nghiệp Nhật bản thiết lập nhà máy sau cảng.

- Một số dự án lớn trong vùng như: dự án Nhà máy nhiệt điện Sông Hậu, các dự án điện gió trên bờ tại Sóc Trăng, và một số dự án điện gió trên biển tại Cà Mau, Duyên Hải,... đẩy nhanh tiến độ triển khai trong năm 2021.

- Dịch vụ gom vớt than tại Duyên Hải dự kiến duy trì sản lượng ổn định tạo nguồn doanh thu ổn định cho cảng.

- Công tác hợp tác đầu tư phát triển hạ tầng và khai thác phương tiện tại cảng tiếp tục được các đối tác quan tâm.

- Thị trường tại Cảng Sóc Trăng còn nhiều tín hiệu khả quan liên quan đến cung cấp dịch vụ xếp dỡ thiết bị, vật liệu xây dựng cho các công trình xây dựng giao thông trong vùng, dự án mở rộng đường giao thông trước cảng; khách hàng phân bổ dự kiến tăng sản lượng trong thời gian tới qua đó, tạo nguồn hàng ổn định qua cảng.

4.2.- Khó khăn:

- Tình hình nạo vét xây dựng hoàn thiện luồng Kênh Quan Chánh Bồ vào khu vực các cảng trên sông Hậu triển khai rất chậm, dự kiến đến cuối năm 2020, và đầu quý I/2021 mới hoàn thành nạo vét cơ bản ở mức -7,5m, chưa đáp ứng môn nước cho size tàu 10.000DWT đầy tải - 20.000 DWT hạ tải ra vào luồng. Tiến độ triển khai chậm hơn dự kiến khoảng 1 năm.

- Các khu công nghiệp, trung tâm logistics sau cảng đã có quy hoạch phát triển nhưng rất khó khăn trong việc thu hút nhà đầu tư dẫn đến nguồn hàng về cảng còn hạn chế.

- Sự cạnh tranh trong vùng khai thác cảng ngày càng quyết liệt do nguồn hàng khan hiếm.

- Tình hình dịch COVID-19 đã cơ bản ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, thay đổi dần cơ cấu ngành hàng và chuỗi cung ứng hàng hóa; cảng phải từng bước tiếp cận các khách hàng chuỗi cung ứng mới và điều chỉnh định hướng hoạt động để đáp ứng nhu cầu khách hàng.

- Tiến độ triển khai dự án lớn của khách hàng và chủ đầu tư lớn trong vùng phục vụ của cảng còn chậm do ảnh hưởng của tình hình luồng vào cảng và dịch COVID-19 như dự án silo của khách hàng Thép Hòa Phát, dự án nhà máy Nhiệt điện Sông Hậu và các dự án điện gió ở khu vực ĐBSCL.

- Sự cạnh tranh giữa các phương thức vận tải đường bộ và đường biển đang rất quyết liệt, giá dịch vụ vận tải đường bộ đang rất cạnh tranh dẫn đến nhiều doanh nghiệp đang chuyển sang sử dụng dịch vụ vận tải đường bộ; qua đó góp phần suy giảm sản lượng thông qua hệ thống cảng.

II. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ, KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

BẢNG SỐ LIỆU KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2021

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2020	Năm 2021	So sánh
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(5)/(4)
1	Sản lượng	Tấn	1.787.667	2.100.000	117,47%
	<i>Trong đó, sản lượng container</i>	<i>Teus</i>	17.121	11.400	66,58%
2	Doanh thu	Triệu đồng	114.470	118.000	103,08%
3	Chi phí	Triệu đồng	113.117	115.500	102,11%
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	1.353	2.500	184,77%
5	Tỷ suất LNST/VCSH	%			
6	Ebitda	Triệu đồng	20.532	21.313	103,80%

Năm 2021 nhằm đạt được các chỉ tiêu kế hoạch Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ sẽ tập trung mọi nguồn lực để thúc đẩy tăng trưởng hoạt động sản xuất kinh doanh liên tục, linh hoạt nắm bắt những cơ hội thuận lợi của thị trường, bám sát các mục tiêu và định

hướng phát triển của cảng trên cơ sở bảo đảm hiệu quả, phát triển dịch vụ, mở rộng thị trường, tăng cường sự kết nối, hỗ trợ tương tác các sản phẩm dịch vụ giữa các thành viên trong cùng hệ thống Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam gắn với việc không ngừng cải thiện năng suất và chất lượng dịch vụ nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh, hình thành các chuỗi dịch vụ khép kín. Tiếp tục đầu tư và đầu tư có chọn lọc về cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, ban hành các quy định chuẩn hóa mọi hoạt động của cảng, nâng cao công tác quản trị rủi ro, ứng dụng triệt để công nghệ thông tin vào quản trị và điều hành sản xuất. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực thông qua tuyển dụng và bố trí sắp xếp nhân sự phù hợp với yêu cầu.

III.- MỘT SỐ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU THỰC HIỆN KẾ HOẠCH NĂM 2021

1 Giải pháp về thị trường và sản xuất kinh doanh

- Xây dựng mục tiêu chiến lược phát triển ổn định, bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh. Xác định nhóm các mặt hàng, khách hàng chủ lực có sản lượng lớn có nhu cầu sử dụng dịch vụ cảng để tập trung khai thác, xây dựng chính sách linh hoạt về giá cả với từng khách hàng theo đơn vị sản lượng để giữ vững thị phần đặc biệt là đối với mặt hàng Gạo cả xuất khẩu và nội địa.

- Khai thác tốt nhất tài sản: hệ thống kho, bãi, văn phòng và trang thiết bị xếp dỡ của doanh nghiệp để tạo nguồn doanh thu ổn định cho đơn vị. Tiếp tục triển khai chính sách hợp tác với Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam và các đối tác để đầu tư kho, bãi. Xây dựng phương án khai thác dài hạn các phần đất tại vị trí thuận lợi, có giá trị thương mại cao như phần đất mặt tiền Cảng Hoàng Diệu nhằm mang lại nguồn doanh thu lớn hơn cho doanh nghiệp.

- Tiếp tục tăng cường công tác điều chuyển, tăng cường phương tiện thiết bị giữa các chi nhánh nhằm tận dụng tối đa năng lực phương tiện thiết bị.

- Phát huy hiệu quả việc khai thác depot container hợp tác với các hãng tàu trong nước và nước ngoài tại Cảng Cái Cui, Cảng Hoàng Diệu và các khu vực tiềm năng khác để duy trì chuỗi dịch vụ container thông qua cảng.

- Phát triển mảng dịch vụ logistics của Trung tâm logistics Cảng Sóc Trăng nhằm hỗ trợ các cảng mở rộng chuỗi dịch vụ; trước mắt tập trung vào việc liên doanh liên kết khai thác dịch vụ vận tải đường bộ và đường thủy nội địa để bước đầu xây dựng thị trường trong điều kiện cảng chưa thể đầu tư đủ phương tiện vận tải.

- Tiếp tục phát triển mảng dịch vụ kinh doanh xăng dầu, nhớt, dịch vụ hàng hải; phát triển tại khu vực Cảng Sóc Trăng và mở rộng cung cấp dịch vụ các tại khu vực khai thác của cảng.

- Phát triển các dịch vụ mới như hợp tác kinh doanh các sản phẩm thương mại có liên quan đến hoạt động của cảng như công cụ dụng cụ xếp dỡ.

- Đẩy mạnh công tác thị trường, công tác tiếp thị, xây dựng hệ thống thu thập, quản lý thông tin về khách hàng và các chuỗi logistics thông qua cảng và khu vực để tìm cách tiếp cận, tham gia cung cấp dịch vụ;

- Xây dựng đội Sales container của cảng kết hợp với các hãng tàu, forwarder để phát huy tối ưu lợi thế của việc hợp tác theo chuỗi để tiếp cận khách hàng

- Tăng cường kết nối, liên kết với các doanh nghiệp trong cùng hệ thống Tổng công ty Hàng hải Việt Nam để thiết lập các chuỗi dịch vụ khép kín với nguồn hàng hoá giao dịch tuyến vận tải Bắc – Nam mà nguồn hàng hoá thương mại có điểm đến và đi từ cảng Cần Thơ nói riêng và ĐBSCL nói chung.

- Tiếp tục triển khai tiếp thị để cung cấp các dịch vụ mới tại các bến cảng như: Dịch vụ đóng bao hàng rời, dịch vụ nhận uỷ thác giao nhận hàng hóa gửi kho cảng, từng bước đàm phán với khách hàng để cung cấp các dịch vụ tại kho cảng mà trước đây cảng không đủ điều kiện đã giao cho khách hàng tự làm.

- Xây dựng chiến lược thương hiệu, phát triển và mở rộng thị trường dịch vụ tại các địa bàn Duyên Hải Trà Vinh, Cảng Sóc Trăng và dịch vụ chuyển tải tại các khu vực khác.

- Tiếp tục phát huy thương hiệu trung tâm phân bón của Cảng Hoàng Diệu để tập trung tiếp thị khách hàng, xây dựng chuỗi dịch vụ tối ưu nhằm phát triển thành tổng kho phân bón phân phối cho toàn khu vực và gia công đóng bao tái xuất đi Campuchia.

- Tích cực tiếp thị, củng cố năng lực của đơn vị để tham gia đấu thầu hoặc cung cấp dịch vụ tại các nhà máy, công trình lớn trong khu vực ĐBSCL và cả nước. cung cấp dịch vụ phục vụ các công trình ngoài cảng, nhất là các dịch vụ tại các dự án, công trình lớn trên địa bàn;

2. Giải pháp về hợp tác, liên kết để phát triển sản xuất kinh doanh/dịch vụ chuỗi với các DN trong cùng Tổng công ty

- Tiếp tục phối hợp chặt chẽ với VIMADECO để thực hiện việc cung cấp chuỗi dịch vụ phục vụ các chuỗi cung ứng cho các khách hàng Đạm Cà Mau, Đạm Phú Mỹ tại khu vực ĐBSCL;

- Phối hợp với các đơn vị hãng tàu trực thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam để tham gia chuỗi dịch vụ vận tải mặt hàng xi hạt lò cao nghiền mịn (S95) của khách hàng Thép Hòa Phát từ nhà máy tại KCN Dung Quốc về đến các bến Cảng Cái Cui và Cảng Hoàng Diệu;

- Phối hợp với Cảng VIMC Hậu Giang thống nhất nâng giá dịch vụ xếp dỡ mặt hàng clinker, xi sắt, xi hạt lò cao đối với khách hàng Xi măng Cần Thơ – Hậu Giang;

- Phối hợp với các cảng biển trực thuộc Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam để phát triển các chuỗi logistics hàng container có điểm đi/đến tại các bến cảng thuộc Cảng Cần Thơ và khu vực ĐBSCL.

- Nghiên cứu việc phối hợp với hãng tàu VCSC để xây dựng chuỗi dịch vụ cung ứng mặt hàng than đá (trong nước hoặc nhập khẩu) từ các điểm chuyển tải đầu luồng sông Hậu, Gò Da, Thiêng Liêng và các cảng biển tại khu vực Cái Mép - Vũng Tàu về các nhà máy Nhiệt điện trong vùng.

3. Giải pháp về chính sách khách hàng

- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống thông tin khách hàng làm cơ sở để đánh giá, xây dựng chính sách khách hàng phù hợp với từng khách hàng, nhóm khách hàng liên quan đến từng nhóm hàng chiến lược của cảng; đồng thời, xây dựng hoàn thiện quy định về chăm sóc khách hàng, rà soát hoàn thiện quy trình chăm sóc khách hàng và thực hiện các chế độ chăm sóc khách hàng theo hạng khách hàng;

- Định kỳ 6 tháng/ lần khảo sát mức độ hài lòng khách hàng về chất lượng dịch vụ của cảng, đảm bảo tiêu chí 80% khách hàng có đánh giá tốt trở lên với chất lượng dịch vụ của cảng;

- Xây dựng các chính sách về giá dịch vụ phù hợp theo mức sản lượng khách hàng mang đến cảng để kích thích khách hàng đưa hàng về cảng nhất là mặt hàng tạo giá trị lớn như hàng container, thiết bị, phân bón, sắt thép và một số mặt hàng chủ lực của cảng như: gạo cám, clinker, xi sắt; nhất là các mức giá liên quan đến chuỗi dịch vụ do Cảng Cần Thơ cung cấp.

4. Giải pháp về quản trị và đổi mới doanh nghiệp

- Tiếp tục hoàn thiện, ban hành các Quy chế, quy định hoạt động của Công ty ; thúc đẩy ban hành các quy định, quy trình vận hành khai thác cảng kết hợp đánh giá hiệu quả hoạt động thông qua việc xây dựng và triển khai chỉ tiêu KPI và BSC của doanh nghiệp.

- Tăng cường kỷ luật lao động, giữ vững tinh thần đoàn kết tập thể. Luôn quan tâm chăm lo đời sống và điều kiện làm việc của người lao động.

- Xây dựng văn hóa doanh nghiệp thông qua việc:

- + Cải thiện môi trường làm việc theo hướng an toàn, khoa học; quan tâm nâng cao thu nhập, chế độ, chính sách đãi ngộ cho người lao động, nhất là các lao động chất lượng cao; xây dựng cơ chế và tạo động lực để người lao động chủ động tham gia đóng góp, cống hiến vì công ty và cho xã hội.

- + Xây dựng bộ tiêu chí ứng xử của người lao động trong quá trình làm việc, giao tiếp với khách hàng tại cảng và đến làm việc với khách hàng nhằm tạo ấn tượng về hình ảnh của cảng; thực hiện mục tiêu *“Mỗi người lao động là một nhà tiếp thị của công ty”*.

- + Đưa các tiêu chuẩn giá trị cốt lõi: *“Kỷ luật, tận tâm, chuyên nghiệp, sáng tạo, đồng lòng”* vào các đánh giá chất lượng nguồn lao động của doanh nghiệp hàng tháng, quý năm. Định kỳ tổ chức tuyên dương, khen thưởng các cá nhân, tập thể hoàn thành các tiêu chí đánh giá nêu trên.

- + Thường xuyên tuyên truyền các giá trị văn hóa doanh nghiệp: tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi,... đến mọi cán bộ, công nhân viên trong công ty và các đối tác, khách hàng của cảng thông qua nhiều hình thức như sổ tay, bản tin, brochure, website, các buổi Team-building, các hội thi thể thao, sáng tác,...

5. Giải pháp về tài chính và đầu tư

- Chú trọng đảm bảo cân đối dòng tiền để thực hiện công tác thanh toán, hoạt động kinh doanh, thực hiện kế hoạch đầu tư của đơn vị;

- Theo dõi chặt chẽ tình hình công nợ, kiểm soát, phân tích tình hình công nợ đưa ra các đánh giá khả năng rủi ro, đề ra các giải pháp thu hồi, đôn đốc và chỉ đạo các thành viên thu hồi công nợ hiệu quả nhằm hạn chế rủi ro. Bảo toàn và phát triển hiệu quả nguồn vốn;

- Chú trọng các chính sách về tiết kiệm chi phí sản xuất, chi phí quản lý để hạ giá thành dịch vụ, tăng hiệu quả kinh doanh;

- Thiết lập hệ thống phân tích giá thành làm cơ sở để xây dựng các giải pháp hạ giá thành dịch vụ, tăng năng lực cạnh tranh trong ngắn hạn và dài hạn;

- Tiếp tục tiếp thị, mời gọi các đối tác, khách hàng tham gia hợp tác đầu tư kho, bãi tại bến Cảng Hoàng Diệu và Cảng Cái Cui để tạo chân hàng ổn định sau cảng; nhất là theo dõi sát đề hợp tác đầu tư mở rộng tại phần đất dự trữ mở rộng Cảng Cái Cui nằm trong phần diện tích quy hoạch Trung tâm logistics cấp II 242,4 ha của Thành phố Cần Thơ.

- Tiếp tục tham gia đấu giá thuê phần diện tích đất dự phòng (2ha) của Cảng Sóc Trăng để tăng diện tích cho thuê kho, bãi. Phối hợp chặt chẽ với Sở Giao thông vận tải tỉnh Sóc Trăng để thực hiện việc hoàn thiện các giấy chứng nhận đăng kiểm phương tiện, tài sản, kế hoạch PCCC kho.

- Chọn lọc các hạng mục ưu tiên đầu tư để đầu tư từ nguồn vốn còn lại của doanh nghiệp theo nguyên tắc các hạng mục đầu tư bảo đảm hiệu quả và đưa vào khai thác tạo

được nguồn thu sớm nhất, dần thay thế các trang thiết bị cũ, góp phần quan trọng vào việc tiết giảm chi phí thuê ngoài, chi phí bảo dưỡng sửa chữa.

6. Giải pháp về nguồn nhân lực

- Hoạch định một chiến lược đầu tư nguồn nhân lực dài hạn, duy trì nguồn nhân lực trọng yếu theo xu hướng phát triển được đội ngũ lao động ổn định bền vững bù đắp thiếu hụt lao động, hạn chế các rủi ro chảy máu lao động;

- Đào tạo, tập huấn nghiệp vụ đối với lực lượng lao động gián tiếp và lực lượng phục vụ sản xuất nâng cao năng suất lao động và chất lượng dịch vụ phục vụ khách hàng;

- Chính sách đãi ngộ: Đảm bảo công ăn việc làm ổn định, quan tâm cải thiện mức thu nhập, thù lao của người lao động nhằm ổn định đời sống vật chất và tinh thần cho các CBCNV, đảm bảo tính nguyên tắc công bằng, công khai, minh bạch trong cơ chế lương, thưởng, nâng lương, nâng bậc gắn chặt mức thu nhập với hiệu quả và chất lượng làm việc theo phương pháp trả lương 3P;

- Làm tốt công tác đánh giá hiệu quả lao động của cán bộ, công nhân viên; gắn việc trả công với năng suất, chất lượng lao động; thường xuyên rà soát nhu cầu, đánh giá trình độ lao động tại các đơn vị để có biện pháp điều chỉnh phù hợp.

7. Giải pháp về Công nghệ - Kỹ thuật

- Tiếp tục hoàn thiện, nâng cấp phần mềm khai thác cảng hướng đến quản lý tất cả mặt hàng cảng đang khai thác; kết nối, đẩy tự động dữ liệu thông tin hàng hóa thuộc diện giám sát hải quan từ phần mềm khai thác cảng qua hệ thống giám sát hải quan điện tử của Tổng cục Hải quan. Khai thác tốt cơ sở dữ liệu và báo cáo thông minh từ Phần mềm hệ thống quản lý thông tin và báo cáo thông minh (MIS-BI) của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam phục vụ cho công tác thị trường và khai thác cảng.

- Triển khai nâng cấp hạ tầng phục vụ hệ thống công nghệ thông tin của Công ty như nâng cấp server, trang bị thêm hệ thống camera giám sát toàn cảng, nâng cấp hệ thống mạng;

- Nâng cấp website, cải tạo giao diện, bổ sung các chức năng mới phục vụ khách hàng như theo dõi tình hình khai thác hàng hóa, tàu bè tại cảng cho khách hàng và đối tác trên cơ sở trích xuất dữ liệu từ phần mềm khai thác cảng;

- Tiếp tục hoàn thiện, nâng cấp các thiết bị đầu cuối tại văn phòng để đẩy nhanh tốc độ giải quyết công việc trên phần mềm khai thác cảng; rút ngắn thời gian giải quyết cho khách hàng.

- Triển khai thực hiện các giải pháp e-marketing thông qua các công cụ tìm kiếm trực tuyến như google và mạng xã hội lớn như facebook, zalo.

Trên đây là báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 và kế hoạch năm 2021 của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ.

(Đính kèm Phụ lục Kế hoạch đầu tư năm 2021 của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

Q. TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Phương

**PHỤ LỤC: KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ NĂM 2021 CỦA CÔNG TY
CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ**

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên dự án	KHĐT 2021
	Tổng cộng	26.950
	Dự án đầu tư XD CB	7.000
	Dự án mua sắm thiết bị	19.950
I	Dự án chuyển tiếp từ năm 2020	10.900
1	Dự án đầu tư XD CB	7.000
1.1	Đầu tư xây lắp hệ thống cấp điện cầu tàu số 1 & 2 Cảng Hoàng Diệu	1.500
1.2	Đầu tư mua lại kho hàng số 7 Chi nhánh Cảng cái Cui	5.500
2	Dự án mua sắm thiết bị	3.900
2.1	Mua 01 cần trục sức nâng thiết kế từ 60 tấn đến 90 tấn.	3.900
II	Dự án khởi công năm 2021	16.050
1	Dự án đầu tư XD CB	
2	Dự án mua sắm thiết bị	16.050
2.1	Mua 01 xe máy đào (xe cuốc) dung tích Gầu 0,3 m ³ .	650
2.2	Mua 01 Cần trục sức nâng thiết kế từ 70 tấn đến 90 tấn.	5.000
2.3	Mua 02 băng tải loại làm hàng trong kho và Container.	400
2.4	Mua 01 xe chụp Container (Reach Stacker) hàng thanh lý của Cảng Sài Gòn.	1.500
2.5	Mua 02 xe đầu kéo Container.	3.400
2.6	Mua 02 sơ mi Rơ mooc sàn loại 40 feet	600
2.7	Đóng mới 01 sà lan mặt bằng (Ponton) trọng tải 800 tấn	4.500

BÁO CÁO
Về kết quả hoạt động năm 2020 và định hướng năm 2021 của
Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ.

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ ngày 27/6/2020;

Căn cứ Quy chế nội bộ về Quản trị công ty của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ ngày 22/6/2018;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ (sửa đổi lần 2) ban hành kèm theo Quyết định số 11/QĐ-HĐQT ngày 16/10/2019 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ,

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ (Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ) kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ (Cảng Cần Thơ) báo cáo kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ để Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua như sau:

I. Đặc điểm tình hình và kết quả hoạt động của Cảng Cần Thơ trong năm 2020

1.1. Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của Cảng Cần Thơ tuy chưa đạt được các chỉ tiêu sản lượng và doanh thu như kế hoạch đã đề ra nhưng vẫn đảm bảo lợi nhuận có lãi và vượt chỉ tiêu, cụ thể như:

Sản lượng hàng hóa thông qua Cảng Cần Thơ năm 2020 có sự suy giảm so với năm 2019 do sự tác động của dịch COVID-19 diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng mạnh các doanh nghiệp kinh doanh vận tải biển. Mặt khác cơ cấu hàng hóa thông qua các bến cảng có sự thay đổi mạnh trong năm 2020 so với 2019. Trước tình hình trên, Cảng Cần Thơ nỗ lực tiếp thị, duy trì thị phần đối với các mặt hàng truyền thống của cảng; đeo bám và phát triển các mặt hàng có giá trị dịch vụ cao như hàng phân bón, sắt thép, container; đồng thời, phát triển các cung cấp các dịch vụ chuỗi logistics đến khách hàng để tạo nguồn doanh thu mới, bù đắp sự thiếu hụt doanh thu từ sản lượng suy giảm; đồng thời rà soát tiết giảm các mặt hàng có sản lượng thông qua thấp nhưng sử dụng cơ sở hạ tầng kho, bãi nhiều.

1.2. Trước tình hình đó những Người đại diện phần vốn tại Cảng Cần Thơ đã tập trung giám sát tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Cảng Cần Thơ, kịp thời có các chỉ đạo, quyết định đối với các đề xuất, kiến nghị của Tổng giám đốc để hỗ trợ, định hướng Ban Điều hành thực hiện các giải pháp tháo gỡ các khó khăn hiện tại và giúp Cảng Cần Thơ từng bước phát triển, cụ thể như sau:

- Những Người đại diện phần vốn tại Cảng Cần Thơ đã thống nhất thông qua và phê duyệt dự án đầu tư: Đầu tư mua 2 xe nâng hàng; Đầu tư mua 1 gàu ngoạm chuyên dùng dung tích 10m³; Đầu tư mua 1 máy chủ Server. Liên kết hợp tác với Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam xây dựng 01 kho hàng có diện tích 2.376 m² tại Chi nhánh Cảng Hoàng Diệu.

Công tác đầu tư theo kế hoạch được triển khai chậm do chịu tác động của tình hình dịch bệnh Covid – 19 mà cụ thể ở một số các nguyên nhân sau:

- Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 dự kiến tổ chức đại hội dự kiến vào ngày 21/04/2020 phải dời đến 27/6/2020. Trong đó bao gồm thông qua và phê duyệt các hạng mục kế hoạch đầu tư.

- Sau đại hội dịch bệnh lại tiếp tục trở lại giai đoạn 2, tình hình sản xuất kinh doanh của công ty chịu ảnh hưởng chung và chưa có dấu hiệu khôi phục lại, hàng hóa và doanh thu sụt giảm. Vì vậy công tác triển khai đầu tư phải giãn tiến độ vì các dự án mua sắm phương tiện thiết bị nếu triển khai sẽ không bảo đảm nguồn hàng hóa để khai thác. Phương tiện thiết bị đầu tư sẽ nằm chờ nguồn hàng chưa phát huy được hiệu quả vốn đầu tư.

- Công tác thị trường, khách hàng: những Người đại diện phần vốn tại Cảng Cần Thơ đã phân công các thành viên Hội đồng quản trị tăng cường hỗ trợ Ban điều hành phát triển thị trường và dịch vụ tại Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng cần Thơ - Trung tâm Logistics Cảng Sóc Trăng. Chỉ đạo các phòng chức năng tiếp tục đẩy mạnh công tác tiếp thị, chăm sóc khách hàng nhất là khách hàng các mặt hàng chủ lực của cảng như gạo, than đá, clinker, phân bón, phế liệu, container, vật liệu xây dựng,... để tăng sản lượng hàng hóa thông qua cảng. Chú trọng đến chính sách giá và chính sách chất lượng dịch vụ cung cấp cho khách hàng, mở rộng tìm kiếm thị trường trong đó có thị trường tại Sóc Trăng tiếp thị được các khách hàng phân bón, thiết bị công trình và mặt hàng siêu trường, siêu trọng thông qua cảng. Phối hợp với văn phòng đại diện Cảng Cần Thơ tại Thành phố Hồ Chí Minh và Công ty VIMADECO tổ chức và phối hợp tiếp cận khách hàng phân bón và các trung tâm Logistics tại khu vực thành phố Hồ Chí Minh nhằm mục đích đưa các luồng hàng hóa về khu vực Cảng Cần Thơ.

- Công tác đầu tư ra bên ngoài: Cảng Cần Thơ đầu tư góp vốn tại liên doanh Công ty TNHH MTV Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn chiếm 50% vốn điều lệ công ty với tổng số tiền 4.497.251.573 đồng. Năm 2020, hoạt động của liên doanh Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn đã chia lãi về cho Cảng Cần Thơ 400.000.000 đồng giảm 25.44% so với cùng kỳ.

- Công tác tổ chức, nhân sự: Đây là công tác rất quan trọng, quyết định sự thành công, phát triển của doanh nghiệp. Trong năm 2020, Những Người đại diện phần vốn tại

Cảng Cần Thơ đã tiếp tục phê duyệt bước 2 phương án tái cấu trúc các phòng chức năng thuộc Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ thực hiện điều chuyển lao động và các chức năng từ Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ - Cảng Hoàng Diệu về các phòng của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ. Giải thể Chi nhánh Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ - Cảng Hoàng Diệu, đồng thời thành lập địa điểm kinh doanh Bến Cảng Hoàng Diệu tại thời điểm 31/10/2020.

Mô hình Cảng Cần Thơ sau khi hoàn thành tái cơ cấu:

- + Đại Hội đồng cổ đông;
- + Hội đồng quản trị (Chủ tịch và các thành viên HĐQT);
- + Ban Điều hành (Tổng Giám đốc và các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng);
- + Ban Kiểm soát (Trưởng ban và các thành viên BKS);
- + Phòng chuyên môn nghiệp vụ: Phòng Kinh doanh Khai thác, Phòng Tài chính – Kế toán, Phòng Kỹ thuật, phòng Tổ chức Nhân sự.

+ Bến Cảng Hoàng Diệu.

+ Bến Cảng Cái Cui.

+ Các đơn vị trực thuộc: Chi nhánh Trung tâm Logistics Cảng Sóc Trăng.

- Nhằm cập nhật, hệ thống hóa những kiến thức cơ bản, kiến thức chuyên sâu về các nghiệp vụ quản lý, nghiệp vụ khai thác cảng biển cho cấp quản lý, nhân viên chuyên môn nghiệp vụ và công nhân trực tiếp sản xuất. Năm 2020, Cảng Cần Thơ đã tổ chức 05 khóa học về đào tạo nguồn nhân lực, 04 khóa học tập huấn về chuyên môn nghiệp vụ.

- Về công tác tiền lương: Tổng quỹ lương kế hoạch năm 2020 của người lao động là 16,511 tỷ đồng, quỹ tiền lương thực hiện là 15,482 tỷ đồng, hoàn thành 93,55% kế hoạch. Thu nhập bình quân kế hoạch của người lao động là 8,8 triệu đồng/người/tháng, Tiền lương thực hiện là 8,6 triệu đồng/người/tháng, đạt 97,9% kế hoạch.

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành hoạt động khai thác cảng: Đưa các phần mềm Công nghệ thông tin vào quản lý khai thác Cảng. Đồng bộ và phát huy tính hiệu quả của các phần mềm quản lý khai thác Cảng nhằm đảm bảo cho các hoạt động quản lý, khai thác cảng của Cảng Cần Thơ tuân theo một quy trình chuẩn; Xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu khai thác đồng bộ, trích xuất nhanh chóng, chính xác, kịp thời phục vụ cho công tác báo cáo, quản trị, điều hành của Cảng Cần Thơ.

2. Một số công tác khác

- Công tác báo cáo Tổng công ty theo quy định tại Quy chế quản lý và hoạt động Người đại diện phần vốn của Tổng công ty tại doanh nghiệp khác và các văn bản chỉ đạo của Tổng công ty: Những Người đại diện phần vốn tại Cảng Cần Thơ chấp hành đầy đủ chế độ báo cáo theo quy định.

- Công tác pháp chế: Tham gia tố tụng về các vụ kiện tranh chấp thương mại: Đánh giá được tầm quan trọng của công tác thu hồi nợ khách hàng ảnh hưởng trực tiếp đến dòng tiền và sức khỏe tài chính doanh nghiệp. Trong năm 2020, Cảng Cần Thơ đã tiếp tục tham gia 03 vụ kiện tranh chấp thương mại với các doanh nghiệp nợ tồn đọng không có khả năng thu hồi tại Tòa án Quận Cái Răng. Kết quả bản án buộc các doanh nghiệp phải thanh

toán nợ cho cảng và chuyển hồ sơ đến cơ quan thi hành án để thi hành. Năm 2020, thi hành án dứt điểm đối với Công Ty TNHH Xây Dựng và Khảo sát công trình Thanh Tuấn với tổng số tiền: 187.000.000 đồng.

- Định kỳ hàng quý phát hành đối chiếu công nợ với khách hàng để kiểm tra, kiểm soát các khoản nợ với khách hàng có thực hiện thanh toán đúng theo hợp đồng kinh tế đã ký kết.

- Rà soát các văn bản pháp luật mới ban hành để cập nhật và tiến hành sửa đổi các quy chế, quy định nội bộ trong doanh nghiệp theo đúng quy định.

Mặc dù tình hình sản xuất kinh doanh năm 2020 của Cảng Cần Thơ còn gặp nhiều khó khăn. Tuy nhiên với sự cố gắng, của tập thể quản lý, người lao động Cảng Cần Thơ, kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 của Cảng Cần Thơ đã đạt được kết quả khích lệ dù chưa đạt kế hoạch đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, cụ thể như sau:

**Bảng kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020
của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ**

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2019	KH năm 2020	TH năm 2020	SS TH năm 2020 với TH năm 2019		SS TH năm 2020 với KH 2020
						Giá trị	Tỷ lệ (%)	Tỷ lệ (%)
1	Sản lượng, trong đó:	Tấn	2.011.706	2.200.000	1.787.667	-224.039	-11,14%	81,26%
	Container	Teus	16.770	17.750	17.121	351,00	2,09%	96,46%
2	Doanh thu	Tỷ đồng	125,023	126	114,470	-10,55	-8,44%	90,85%
3	LNTT	Tỷ đồng	3,946	1,10	1,353	-2,59	-65,71%	123,00%

II. Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và các thành viên Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ năm 2020.

1. Kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ năm 2020.

Trong năm 2020, Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ đã tiến hành tổ chức 15 cuộc họp, ban hành 15 Nghị quyết và 09 Quyết định. Thông qua nhiều nội dung quan trọng sau: Đánh giá kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020, thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh 2020 và trình ĐHCĐ; thông qua phương án chi tiết chi trả cổ tức năm 2020; lựa chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty năm 2020 theo sự ủy quyền của HĐQT. Các chủ trương đầu tư mua sắm thiết bị, hoạch định nguồn nhân lực, điều động bổ nhiệm cán bộ kịp thời sau công tác tái cơ cấu nhằm mang lại hiệu quả cao cho doanh nghiệp.

Các phiên họp của Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ trong năm 2020 được tổ chức theo đúng quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Cảng Cần Thơ và tuân theo quy

định của pháp luật hiện hành (Nội dung các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ năm 2020 tại Báo cáo thường niên năm 2020 của Cảng Cần Thơ đã đăng tải trên website của Công ty).

2. Kết quả hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ năm 2020.

Số lượng thành viên, cơ cấu của Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ năm 2020

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu làm thành viên HĐQT
1	Lâm Tiến Dũng	Chủ tịch HĐQT	- Phó Chủ tịch HĐQT từ ngày 25/3/2015. - Chủ tịch HĐQT từ ngày 14/4/2017.
2	Nguyễn Văn Phương	Thành viên HĐQT	14/4/2017
3	Nguyễn Văn Bá	Thành viên HĐQT	25/3/2015
4	Phạm Bá Ngân	Thành viên HĐQT	27/6/2020
5	Hoàng Việt	Thành viên HĐQT	27/6/2020
6	Phan Công Đức	Thành viên HĐQT	25/3/2015. Miễn nhiệm ngày 27/6/2020

Trong năm 2020, các thành viên đã tham gia đầy đủ các cuộc họp HĐQT và cho ý kiến đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của HĐQT với tinh thần trách nhiệm cao, phát huy năng lực lãnh đạo của HĐQT vì lợi ích cổ đông và sự phát triển bền vững của Công ty.

Bên cạnh việc thực hiện và hoàn thành các nhiệm vụ chung đối với các hoạt động của HĐQT, các thành viên HĐQT đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao theo phân công nhiệm vụ của các thành viên HĐQT, cụ thể:

+ Chủ tịch Hội đồng quản trị đã thực hiện các quyền hạn, nhiệm vụ của Chủ tịch hội đồng quản trị theo Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật hiện hành. Ban hành kế hoạch chương trình hoạt động, phân công nhiệm vụ của các thành viên HĐQT, tổ chức họp, lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành các Thông báo, Nghị quyết và Quyết định của HĐQT. Chỉ đạo, quản lý và giám sát Ban điều hành thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Phối hợp với các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện công tác đối ngoại của HĐQT. Tập trung tìm các giải pháp mở rộng thị trường, phát triển sản xuất kinh doanh. Tăng cường công tác quản trị nội bộ, thực hành tiết kiệm, giảm chi phí mọi mặt. Chỉ đạo công tác tái cơ cấu tài chính, phương án tăng vốn để giảm áp lực

tài chính trả nợ và có nguồn vốn đầu tư trong tương lai. Xây dựng tốt đời sống văn hóa tinh thần. Đảm bảo đời sống, thu nhập cho người lao động. Hỗ trợ Ban điều hành trong phạm vi quyền và nghĩa vụ được giao.

+ Thành viên HĐQT chuyên trách đã thực hiện các quyền hạn, nhiệm vụ của thành viên HĐQT theo Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật hiện hành, có những đóng góp tích cực trong quá trình hỗ trợ Ban điều hành trong công tác thị trường, khách hàng, quản trị nội bộ, thực hành tiết kiệm, giảm chi phí mọi mặt, các vấn đề có liên quan đến hoạt động của các chi nhánh. Thực hiện rà soát chỉnh sửa các quy chế, quy định nội bộ phù hợp các văn bản pháp luật ban hành. Giám sát và chỉ đạo các vấn đề có liên quan kiểm soát, quản trị nội bộ.

+ Thành viên HĐQT Công ty đã thực hiện các quyền hạn, nhiệm vụ của thành viên HĐQT theo Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp và các quy định khác của pháp luật hiện hành. Trực tiếp phụ trách, theo dõi, chỉ đạo, kết hợp với Ban điều hành tham mưu cho HĐQT các chiến lược về công tác sản xuất kinh doanh, giữ vững thị trường, khách hàng. Tập trung tìm các giải pháp mở rộng thị trường, phát triển sản xuất kinh doanh. Chỉ đạo thực hiện quản trị nội bộ, thực hành tiết kiệm, giảm chi phí mọi mặt. Tìm kiếm đối tác không ngừng hợp tác đầu tư đưa phương tiện, thiết bị vào hoạt động sản xuất kinh doanh giảm chi phí thuê phương tiện ngoài. Thực hiện công tác tái cơ cấu nợ, phương án tăng vốn để giảm áp lực tài chính trả nợ và có nguồn vốn đầu tư trong tương lai, đưa ra các chính sách đầu tư, mua sắm, thanh lý tài sản theo đúng quy định nhằm đem lại hiệu quả cao nhất cho Công ty.

3. Thù lao/lương của các thành viên Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ năm 2020

STT	Họ và tên	Chức vụ	Tổng tiền lương năm 2020 (đồng)
1	Lâm Tiến Dũng	Chủ tịch HĐQT	312.000.000
2	Nguyễn Văn Phương	Thành viên	288.000.000
3	Nguyễn Văn Bá	Thành viên	264.000.000
4	Phan Công Đức	Thành viên	202.400.000
Tổng cộng			1.066.400.000

III. Kết quả giám sát của Hội đồng quản trị đối với Ban điều hành Cảng Cần Thơ năm 2020

- Trong năm 2020 trước ảnh hưởng của dịch cúm Covid.19 có nhiều diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng đến các hoạt động của các doanh nghiệp nói chung, trong đó có các doanh nghiệp kinh doanh cảng biển nói riêng, Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ trong năm 2020 đã vô cùng nỗ lực để hoàn thành mục tiêu đề ra, nâng cao năng lực và trách nhiệm trong hoạt động sản xuất – kinh doanh. Tại các cuộc họp giao ban, Ban giám đốc Công ty Cảng Cần Thơ đã mời các Thành viên Hội đồng quản trị chuyên trách phụ trách các chi nhánh cùng tham dự để kịp thời nắm bắt tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh tại các

chi nhánh, cùng nhau thảo luận để đưa ra các phương án xử lý những tình huống khó khăn, bất lợi của doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho các chi nhánh hoạt động ổn định.

- Hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020 của Cảng Cần Thơ tuy chưa đạt được chỉ tiêu sản lượng và doanh thu đã đề ra nhưng vẫn đảm bảo lợi nhuận có lãi và vượt kế hoạch. Với mục tiêu lấy khách hàng làm trọng tâm, Cảng Cần Thơ tập trung vào các mặt hàng có sản lượng lớn, Tập trung tìm các giải pháp mở rộng thị trường, phát triển sản xuất kinh doanh trước tình hình cạnh tranh của các đơn vị cảng biển ngày càng gay gắt. Tìm kiếm và ký hợp đồng với các khách hàng mới nhằm bù đắp các mặt hàng bị giảm sản lượng, các chính sách đẩy mạnh công tác marketing, xây dựng và phát triển bộ phận chăm sóc khách hàng đã giúp công ty có những bước phát triển phát triển thị trường khu vực Sóc Trăng – Duyên Hải và An Giang. Tăng cường quản trị nội bộ, thực hành tiết kiệm, giảm chi phí mọi mặt. Hoàn thành việc tái cơ cấu tài chính để phát triển. Xây dựng tốt đời sống văn hóa tinh thần. Đảm bảo đời sống, thu nhập cho người lao động

- Trong năm 2020, trước tình hình tài chính của Công ty còn nhiều hạn chế, Công ty đã chủ động kêu gọi hợp tác đầu tư nhằm phát triển cơ sở hạ tầng, thiết bị của đơn vị, công tác đầu tư mua sắm, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị cũng được Ban giám đốc Công ty quan tâm kịp thời cung cấp thiết bị phục vụ cho nhu cầu ngày càng cao của khách hàng. Bên cạnh đó, Cảng Cần Thơ luôn quan tâm đến các chính sách nhân sự nhằm thu hút người lao động có trình độ chuyên môn cao, chế độ khen thưởng kịp thời để giữ chân người lao động, các khoản lương, thưởng, phụ cấp trong năm được đảm bảo đầy đủ, công tác hoạch định nguồn nhân lực đào tạo nâng cao trình độ, chuyên môn cho cán bộ công nhân viên được thực hiện nhằm đem lại hiệu quả cao trong công việc.

- Trong năm qua, Ban điều hành Công ty đã tập trung và phát huy mọi nguồn lực để hoạt động theo đúng định hướng, mục tiêu và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông năm 2020 đề ra. Ban điều hành Công ty Công ty luôn quan tâm đến công tác quản trị nội bộ, công tác đối ngoại, giám sát tình hình thực hiện và chỉ đạo kịp thời từng trường hợp, từng thời điểm, báo cáo, đưa ra các đề xuất quản trị quan trọng để Hội đồng quản trị xem xét và đưa ra những giải pháp nhằm hạn chế tối đa những bất lợi ảnh hưởng tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ năm 2021.

Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh thực tế năm 2020, các nguồn lực nội tại của Cảng Cần Thơ, Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ xây dựng các kế hoạch, chiến lược, giải pháp để chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2021 của Cảng Cần Thơ hoàn thành các chỉ tiêu như sau:

- Sản lượng thông qua : 2.100.000 tấn.
- Doanh thu : 118 tỷ đồng.
- Lợi nhuận trước thuế : 2,5 tỷ đồng.

1. Tập trung mọi nguồn lực để thực hiện toàn diện Tuyên bố hành động Đại Lãi

1.1. Xây dựng văn hóa lắng nghe, thấu hiểu tận tụy với khách hàng, lấy khách hàng

làm trung tâm.

1.2. Xây dựng đội ngũ nhân sự Tâm - Tài - Đức với phương châm “Tổ chức vì cá nhân và cá nhân cống hiến cho tổ chức”.

1.3. Phát triển dịch vụ chuỗi logistics tích hợp trên nền tảng hệ sinh thái Cảng biển - Vận tải biển - Dịch vụ hàng hải.

1.4. Xây dựng lại hệ thống quy trình tiêu chuẩn được so hóa, tinh gọn và cải tiến liên tục nhằm cung cấp cho khách hàng dịch vụ có chất lượng tối nhất và tạo môi trường kinh doanh thúc đẩy tính linh hoạt, tự chủ, tự chịu trách nhiệm.

1.5. Phát triển hệ thống công nghệ thông tin dựa trên nền tảng dữ liệu tập trung, mở ra không gian phát triển và tạo nên các giá trị mới.

2. Các nhiệm vụ trọng tâm

a. Về sản xuất kinh doanh

- Hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.
- Xây dựng mục tiêu chiến lược phát triển ổn định, bền vững và nâng cao năng lực cạnh tranh.
- Định hướng phát triển dịch vụ logistics của Trung tâm logistics Cảng Sóc Trăng từng bước khẳng định thương hiệu Trung tâm logistics Cảng Sóc Trăng.
- Khai thác hiệu quả: hệ thống kho, bãi, văn phòng và trang thiết bị xếp dỡ của doanh nghiệp.
- Đẩy mạnh công tác thị trường, công tác tiếp thị, xây dựng hệ thống thu thập, quản lý thông tin về khách hàng và các chuỗi logistics thông qua cảng và khu vực.
- Tăng cường kết nối, liên kết với các doanh nghiệp trong cùng hệ thống Tổng công ty Hàng hải Việt Nam.

b. Về quản trị

- Hoàn thiện, ban hành các Quy chế, quy định hoạt động của Công ty.
 - Xây dựng văn hóa doanh nghiệp với các mục tiêu:
 - “Mỗi người lao động là một nhà tiếp thị của công ty”
 - “Kỷ luật, tận tâm, chuyên nghiệp, sáng tạo, đồng lòng”
- c. Về tài chính và đầu tư
- Kiểm soát chặt chẽ tình hình công nợ, tránh để tình trạng nợ xấu, nợ khó đòi. Bảo toàn và phát triển hiệu quả nguồn vốn.

- Đề cao công tác tiết kiệm chi phí sản xuất, chi phí quản lý để hạ giá thành dịch vụ, tăng hiệu quả kinh doanh.

- Tiếp tục kêu gọi các đối tác, khách hàng bằng nhiều hình thức để hoàn thiện cơ sở hạ tầng giai đoạn II và khu đất dự trữ mở rộng sau giai đoạn II.

- Tham gia đấu giá thuê phần diện tích đất dự phòng (2ha) của Cảng Sóc Trăng để tăng diện tích cho thuê kho, bãi.

d. Về nguồn nhân lực

- Xây dựng chiến lược đầu tư nguồn nhân lực dài hạn.

- Đào tạo nâng cao nghiệp vụ cho cán bộ công nhân viên.
- Xây dựng chính sách khen thưởng kích thích người lao động và trả lương theo phương pháp 3P.

e. Về công nghệ thông tin

- Hoàn thiện, nâng cấp phần mềm khai thác cảng hướng đến quản lý tất cả mặt hàng cảng đang khai thác.
- Đưa công nghệ thông tin vào hoạt động quản trị, thay bằng các chữ ký số.

Trên đây là nội dung kết quả hoạt động năm 2020 và kế hoạch hoạt động năm 2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ. Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Cảng Cần Thơ xem xét, thông qua.

Thay mặt cho Hội đồng quản trị Cảng Cần Thơ, tôi xin chân thành cảm ơn Quý cổ đông đã tin tưởng, gắn bó với Cảng Cần Thơ trong thời gian qua. Cảm ơn Ban điều hành, tập thể quản lý và người lao động Cảng Cần Thơ đã phối hợp, sát cánh cùng Hội đồng quản trị hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2020. Bước qua năm 2021, Hội đồng quản trị sẽ tiếp tục cùng với Ban điều hành và tập thể người lao động phấn đấu hết sức mình để hoàn thành các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đã đề ra.

Xin kính chúc Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Cảng Cần Thơ thành công tốt đẹp.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lâm Tiến Dũng

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 03/BC-ĐHĐCĐ

Cần Thơ, ngày 24 tháng 3 năm 2021

**BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT
TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CP Cảng Cần Thơ.

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ hiện hành.

- Căn cứ Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC ban hành ngày 18/3/2021;

Ban Kiểm soát xin báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 những nội dung sau:

1.- Hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2020:

Trong năm 2020, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2015 – 2020 hết nhiệm kỳ. Đại hội đồng cổ đông năm 2020 ngày 27/6/2020 đã bầu ra Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2020-2025 gồm các thành viên:

1. Ông **Nguyễn Hồng Hải**, Trưởng ban kiểm soát (Thành viên không chuyên trách).
2. Ông **Trịnh Thanh Tùng**, Thành viên Ban Kiểm soát (Thành viên không chuyên trách).
3. Bà **Nguyễn Thị Dung**, Thành viên Ban Kiểm soát (Thành viên không chuyên trách).

Theo quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và phân công nhiệm vụ cho mỗi thành viên những nội dung phù hợp với kinh nghiệm chuyên môn nên đã thực hiện tốt trách nhiệm của Ban Kiểm soát theo Điều lệ Công ty.

Thù lao năm 2020 của từng thành viên Ban Kiểm soát: Trưởng ban: 36 triệu đồng/người/năm, Thành viên: 24 triệu đồng/người/năm

Trong năm 2020, Ban Kiểm soát đã tổ chức 03 phiên họp với sự tham gia đầy đủ các thành viên.

TT	Số phiên họp	Ngày	Nội dung	Tỉ lệ tham dự
1	Phiên họp lần 1	05/5/2020	Thông qua BCTC kiểm toán năm 2019 và báo cáo của Ban Kiểm soát trình ĐHĐCĐTN năm 2020 qua email xin ý	3/3

TT	Số phiên họp	Ngày	Nội dung	Tỉ lệ tham dự
			kiến	
2	Phiên họp lần 2	27/6/2020	Sau kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 vào ngày 27/6/2020 để bầu Trưởng ban kiểm soát và phân công nhiệm vụ cho các thành viên BKS, đồng thời triển khai kế hoạch hoạt động của Ban kiểm soát trong năm 2020	3/3
3	Phiên họp lần 3	17-18/12/2020	Soát xét tình hình tài chính 09 tháng đầu năm 2020.	3/3

- Ban Kiểm soát đã duy trì nhiệm vụ kiểm soát các hoạt động sản xuất kinh doanh thông qua hồ sơ tài liệu, chứng từ và tham dự các cuộc họp của Hội đồng Quản trị và Ban điều hành Công ty.

- Ban Kiểm soát đã rà soát các báo cáo tài chính; xem xét các báo cáo của đơn vị kiểm toán độc lập; đánh giá ảnh hưởng của các vấn đề trọng yếu được nêu trong báo cáo kiểm toán, từ đó đưa ra các đề xuất, kiến nghị giải pháp phù hợp cho Ban điều hành.

- Giám sát việc thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua năm 2020; Giám sát việc chấp hành các quy định của pháp luật và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty trong việc triển khai thực hiện nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông của Hội đồng quản trị; Giám sát Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị Công ty và việc tuân thủ quy chế, quy định của Công ty.

- Giám sát công tác triển khai các dự án đầu tư theo quy định của pháp luật, Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty và quy định nội bộ của Công ty.

- Trong quá trình thực thi nhiệm vụ, Ban Kiểm soát đã được Hội đồng Quản trị, Ban điều hành của Công ty tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoàn thành nhiệm vụ và không có áp lực, rào cản nào làm ảnh hưởng đến nhiệm vụ được giao.

2.- Tình hình hoạt động và tài chính của Công ty:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
Kết quả hoạt động kinh doanh		
Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	125.023.871.411	114.470.266.784
Lợi nhuận gộp	19.424.382.162	26.025.475.298
Lợi nhuận sau thuế	3.946.991.805	1.353.188.334
Bảng cân đối kế toán		
Tổng tài sản	373.585.373.604	363.121.660.943
Tài sản ngắn hạn	69.280.392.280	68.517.892.302

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
Tài sản dài hạn	304.304.981.324	294.603.768.641
Nợ phải trả	112.945.808.996	101.128.908.001
Vốn chủ sở hữu	260.639.564.608	261.992.752.942
Bảng lưu chuyển tiền tệ		
Tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	7.801.898.587	10.471.695.028
Tiền thuần từ hoạt động đầu tư	-1.346.027.419	-3.927.603.307
Tiền thuần từ hoạt động tài chính	0	-9.621.136.073
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	6.455.871.168	-3.077.044.352
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	9.130.574.639	15.586.510.135
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	15.586.510.135	12.510.512.474
Các chỉ số tài chính cơ bản		
Tỷ suất Lợi nhuận gộp/Doanh thu thuần	17,1%	23,1%
Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	3,5%	1,2%
ROA (<i>lợi nhuận trên tổng tài sản</i>) (<i>1 đồng tài sản tạo ra bao nhiêu đồng lợi nhuận</i>)	1,05%	0,4%
ROE (<i>lợi nhuận trên vốn chủ sở</i>)	1,5%	0,5%
EBIT (<i>Lợi nhuận trước lãi vay và thuế</i>)	3.946.991.805	4.587.602.131
EBITDA (<i>Lợi nhuận trước lãi vay, thuế và khấu hao</i>)	19.836.553.416	20.237.763.400

- Các hoạt động của Hội đồng Quản trị và Ban điều hành trong năm đã tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Điều lệ của Công ty, các quy định liên quan và chấp hành đúng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

- Hoạt động công bố thông tin của Công ty cũng tuân thủ theo các quy định liên quan áp dụng cho doanh nghiệp đăng ký giao dịch.

3.- Kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2020:

Qua thẩm tra các Báo cáo tài chính năm 2020 của công ty, Ban Kiểm soát xin báo cáo kết quả thẩm tra như sau:

- Việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 phù hợp Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020. Công ty TNHH hãng Kiểm toán AASC đã được lựa chọn thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty.

- Các báo cáo tài chính định kỳ của Công ty được lập một cách trung thực và hợp lý, phản ánh đúng đắn tình hình tài chính của Công ty tại các thời điểm và thời kỳ, tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ý kiến của kiểm toán viên về các Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty là ý kiến chấp nhận toàn phần số liệu báo cáo. Các báo cáo tài chính đã được công bố tới các cổ

đồng một cách kịp thời theo các quy định hiện hành đối với công ty thực hiện đăng ký giao dịch.

- Ban Kiểm soát không có bất cứ sự phản đối nào về các số liệu đã được thể hiện trong các Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo Tài chính tổng hợp năm tài chính 2020 và các Báo cáo Tài chính bán niên của Công ty đã được kiểm toán độc lập kiểm toán.

(Chi tiết xem trong Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2020)

4.- Đánh giá sự phối hợp giữa hoạt động Ban Kiểm soát với Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý:

Hội đồng Quản trị Công ty đã cung cấp kịp thời, đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng Quản trị cho Ban Kiểm soát. Ban Tổng Giám đốc đã tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát trong việc thu thập các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khi có yêu cầu. Hội đồng Quản trị Công ty, Ban Kiểm soát, Ban Điều hành và các cán bộ quản lý của Công ty đã có mối quan hệ phối hợp chặt chẽ trong công tác điều hành, quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh.

5.- Phương hướng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát năm 2021.

- Để thực hiện tốt công tác kiểm tra, giám sát theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Ban Kiểm soát xây dựng kế hoạch năm 2021 như sau:

- Giám sát việc chấp hành các qui định của pháp luật, Điều lệ của Công ty, tình hình thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị.

- Duy trì công tác kiểm soát thường xuyên, định kỳ, theo đúng quy định của pháp luật. Phối hợp chặt chẽ với Hội đồng Quản trị và Ban điều hành công ty trong việc thực hiện nhiệm vụ, lấy ngăn chặn phòng ngừa làm mục tiêu chính, đảm bảo hoạt động của công ty luôn tuân thủ theo các quy định của pháp luật.

- Kiểm tra giám sát báo cáo bán niên, Báo cáo Tài chính năm 2021.

- Giám sát các kế hoạch, tình hình triển khai nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, đầu tư của Công ty.

- Xem xét, thẩm định các báo cáo tài chính của Công ty, kịp thời đưa ra những ý kiến đóng góp đối với Hội đồng Quản trị và Ban điều hành trong công tác quản trị, phối hợp hoạt động giữa Hội đồng Quản trị, Ban điều hành và Ban Kiểm soát.

Trên đây là báo cáo của Hội đồng Quản trị. Kính trình Quý vị cổ đông xem xét và thông qua!

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Đại Hội đồng cổ đông;
- Hội đồng quản trị;
- Lưu: VT, BKS, T.ký Cty.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Hồng Hải

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/TTr-ĐHĐCĐ

Cần Thơ, ngày 24 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CP Cảng Cần Thơ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ hiện hành;
- Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 đã được Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC;

Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên công ty thông qua nội dung bản Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ đã được Công ty TNHH hãng kiểm toán AASC ban hành ngày 18/3/2021.

(Đính kèm Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán năm 2020 của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ)

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- - Lưu: VT, IT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lâm Tiến Dũng

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG CẦN THƠ**

Số: 05/TTr-ĐHĐCĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Cần Thơ, ngày 11 tháng 6 năm 2020

TỜ TRÌNH

Về phương án phân phối lợi nhuận năm và trích lập các quỹ năm 2019; Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2020

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CP Cảng Cần Thơ

Căn cứ Luật số: 59/2020/QH14, ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội;

Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ hiện hành;

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và Báo cáo Tài chính năm 2020 đã được kiểm toán,

Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 về phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn từ ngày 01/01/2020 đến 31/12/2020 của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ như sau:

1.- Phương án phân phối lợi nhuận:

DVT: Đồng

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ	Số tiền
1	Lợi nhuận trước thuế		1.353.188.334
2	Thuế TNDN (20%)		0
3	Lợi nhuận sau thuế (1-2)		1.353.188.334
4	Lợi nhuận phân phối như sau		
4.1	Trích lập quỹ đầu tư phát triển		
4.2	Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi		
4.3	Chia cổ tức năm 2020 (đề nghị không chia cổ tức)		

Do kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2016 bị lỗ, công ty tiếp tục thực hiện chuyển lỗ theo Điều 7 Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 9 Thông tư 78/2014/TT-BTC thì Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ được phép chuyển lỗ năm 2016. Vì vậy phần lợi nhuận từ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020 Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ không phải nộp thuế thu nhập doanh

ngành. Trường hợp cơ quan thuế xác định lại số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp thì Công ty sẽ nộp theo Quyết định của cơ quan thuế.

2.- Kế hoạch chi trả cổ tức năm 2021: Không chia

Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật kế toán, Thông tư 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 06 năm 2014 và Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015. Lợi nhuận thực hiện năm 2020 sẽ tiếp tục bù lỗ các năm trước, do vậy Công ty sẽ không thực hiện chia cổ tức năm 2021.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng ./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lâm Tiến Dũng

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/TTr-ĐHĐCĐ

Cần Thơ, ngày 24 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc phê duyệt tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị - Ban kiểm soát và quỹ tiền lương kế hoạch của Ban điều hành năm 2021

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CP Cảng Cần Thơ.

Căn cứ Luật số: 59/2020/QH14, ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội;
Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ hiện hành;

Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán và kế hoạch kinh doanh năm 2021 của công ty;

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ thông qua tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị-Ban kiểm soát và quỹ tiền lương kế hoạch của Ban điều hành năm 2021 như sau:

1.- Kế hoạch tiền lương, thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2021:

1.1- Tiền lương của Hội đồng quản trị: 576.000.000 đồng

Trong đó:

- Chủ tịch HĐQT chuyên trách (01 TV): 26.000.000 đồng-ng/tháng
- Thành viên HĐQT chuyên trách (01 TV): 22.000.000 đồng-ng/tháng

1.2- Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát: 192.000.000 đồng

Trong đó:

- Thành viên HĐQT không chuyên trách (03 TV): 3.000.000 đồng-ng/tháng
- Trưởng Ban kiểm soát (01 TV): 3.000.000 đồng-ng/tháng
- Thành viên Ban kiểm soát (02 TV): 2.000.000 đồng-ng/tháng

2.- Tổng quỹ tiền lương kế hoạch của Ban điều hành: 1.008.000.000 đồng

Trong đó:

- Tổng giám đốc (01 TV): 24.000.000 đồng-ng/tháng
- Phó Tổng giám đốc (02 TV): 20.000.000 đồng-ng/tháng
- Kế toán trưởng (01 TV): 20.000.000 đồng-ng/tháng

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lâm Tiên Dũng

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/TTr-ĐHĐCĐ

Cần Thơ, ngày 24 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CP Cảng Cần Thơ

- Căn cứ Luật số: 59/2020/QH14, ngày 17 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ hiện hành.

Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ xin kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên phê duyệt danh sách công ty kiểm toán thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 như sau:

1.- Tiêu thức lựa chọn Công ty Kiểm toán độc lập:

- Là doanh nghiệp hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Bộ Tài chính chấp thuận kiểm toán năm 2021.
- Có uy tín về chất lượng kiểm toán;
- Có đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm;
- Đáp ứng yêu cầu của công ty về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán phù hợp.

2.- Danh sách các công ty kiểm toán đề xuất:

- Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.
- Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn A&C – Chi nhánh Cần Thơ.
- Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

Ban Kiểm soát Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ xin kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét và biểu quyết thông qua danh sách 03 công ty kiểm toán trên và ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn 1 trong 3 đơn vị kiểm toán trên để thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ. Ban Kiểm soát phối hợp với Công ty trong việc lựa chọn đơn vị kiểm toán và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu kiểm toán.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên xem xét, thông qua.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Hội đồng quản trị;
- Lưu: Ban KS, T.ký Cty.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Hồng Hải

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 08/TTr-ĐHĐCĐ

Cần Thơ, ngày 24 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH

Về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; Quy chế quản trị Công ty; Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ;

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CP Cảng Cần Thơ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ hiện hành,

Ngày 17/6/2020, Quốc hội đã thông qua Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH13. Theo kết quả rà soát đánh giá tác động của các văn bản nêu trên, Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT cần phải sửa đổi, bổ sung để đảm bảo phù hợp, tuân thủ với quy định của Luật doanh nghiệp năm 2020.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua toàn văn Điều lệ công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT.

Trân trọng!

(Tài liệu kèm theo: Điều lệ công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Lâm Tiến Dũng

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/TTr-ĐHĐCĐ

Cần Thơ, ngày 24 tháng 3 năm 2021

TỜ TRÌNH
Về việc sửa đổi Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát
Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông thường niên Công ty CP Cảng Cần Thơ

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán; Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ hiện hành,

Để đảm bảo tuân thủ toàn diện theo quy định của pháp luật, Ban kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua sửa đổi, bổ sung Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ.

Trân trọng!

(Tài liệu kèm theo: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: Ban KS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Hồng Hải

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

(Sửa đổi lần thứ 6 và được ban hành lại theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ năm 2021)

Cần Thơ, tháng 4 năm 2021

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ (sau đây gọi là “Điều lệ”) được thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ ngày tháng năm 2021.

Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ (sau đây được gọi tắt là “Công ty”) được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ này, các quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan.

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

MỤC 1: ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

a) “Luật Doanh nghiệp” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;

b) “Luật Chứng khoán” là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;

c) “Ngày thành lập” là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;

d) “Vốn điều lệ” là tổng mệnh giá cổ phần đã bán và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;

e) “Vốn có quyền biểu quyết” là vốn cổ phần, theo đó người sở hữu có quyền biểu quyết về những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

f) “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý Công ty, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;

g) “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;

h) “Người có liên quan” là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán;

i) “Cổ đông” là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;

j) “Cổ đông lớn” là cổ đông sở từ 05% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty;

k) “Cổ phần đã bán” là cổ phần được quyền chào bán đã được các cổ đông thanh toán đầy đủ cho Công ty;

l) “Cổ phần được quyền chào bán” là tổng số cổ phần các loại mà Đại hội đồng cổ đông quyết định sẽ chào bán để huy động vốn;

m) “Cổ phần chưa bán” là cổ phần được quyền chào bán và chưa được thanh toán cho Công ty;

n) “Sở giao dịch chứng khoán” là Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam và các công ty con;

o) “Thời hạn hoạt động” là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều lệ này;

p) “Đại hội đồng cổ đông” là Đại hội đồng cổ đông của Công ty;

q) “Hội đồng quản trị” là Hội đồng quản trị của Công ty;

r) “Ban kiểm soát” là Ban kiểm soát của Công ty;

s) “Tổng giám đốc” là Tổng giám đốc của Công ty;

t) “Kế toán trưởng” là Kế toán trưởng Công ty;

u) “Việt Nam” là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;

v) “Pháp luật” là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14 ngày 18 tháng 6 năm 2020.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung hoặc văn bản thay thế.

3. Các tiêu đề (Chương, Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung mà không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ khác đã được định nghĩa trong Bộ luật dân sự và Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

MỤC 2: TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG, NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty:

- Tên tiếng Việt : **CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ**
- Tên giao dịch quốc tế : **CANTHO PORT JOINT STOCK
COMPANY**
- Tên viết tắt tiếng Việt : **CẢNG CẦN THƠ**
- Tên viết tắt tiếng Anh : **CANTHO PORT**

- Loại hình công ty : Công ty cổ phần
- Logo:



2. Công ty có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật hiện hành kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

3. Địa chỉ trụ sở chính của Công ty: Số 02, khu vực Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ, Việt Nam

- Số điện thoại: 02926 516 483
- Số Fax: 02923 917 395
- E-mail: canthoport.info@gmail.com
- Website: www.canthoport.com.vn

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 74 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

2. Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật. Tổng giám đốc là đại diện theo pháp luật của Công ty.

3. Tổng giám đốc khi xuất cảnh khỏi Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho cá nhân khác cư trú tại Việt Nam thực hiện quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật. Trường hợp này, Tổng giám đốc vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ đã ủy quyền.

4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền theo quy định tại khoản 3 Điều này mà Tổng giám đốc chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật cho đến khi Tổng giám đốc trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Trường hợp Tổng giám đốc vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc chết, mất tích, đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, bị hạn chế hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhận chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định hoặc không còn làm việc cho Công ty thì Hội đồng quản trị cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 4. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Người đại diện theo pháp luật của Công ty có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của Công ty;

b) Trung thành với lợi ích của Công ty; không làm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần vốn góp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty chịu trách nhiệm cá nhân đối với thiệt hại cho Công ty do vi phạm trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này.

MỤC 3: MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 5. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Bốc xếp hàng hóa Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa đường bộ; Bốc xếp hàng hóa cảng biển	5224 (chính)
2	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa Chi tiết: Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh (kho ngoại quan); Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho khác.	5210

TT	Tên ngành	Mã ngành
	(Hoạt động phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật).	
3	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy Chi tiết: Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển và viễn dương. Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy nội địa.	5222
4	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; Khai thuê hải quan.	5229
5	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
6	Xây dựng công trình thủy Chi tiết: Tổ chức nạo vét lòng sông, lòng hồ theo hợp đồng	4291
7	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
8	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
9	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
10	Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh	4730
11	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn; Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày; Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày.	5510
12	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
13	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
14	Cung ứng và quản lý nguồn lao động Chi tiết: Cung ứng và quản lý nguồn lao động trong nước; Cung ứng và quản lý nguồn lao động đi làm việc ở nước ngoài (Hoạt động phải đủ điều kiện theo quy định của pháp luật)	7830
15	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
16	Hoạt động của các công viên vui chơi và công viên theo chủ đề	9321

TT	Tên ngành	Mã ngành
17	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
18	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt	5221
19	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
20	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Vận tải hàng hóa đường bộ bằng xe tải, xe container	4933
21	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
22	Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương	5012
23	Buôn bán nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
24	(Đối với những ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật. Doanh nghiệp phải đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, phòng cháy chữa cháy, đầu tư xây dựng và các quy định khác của pháp luật)	Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty:

- a) Trở thành nhà khai thác cảng, dịch vụ Logistics chuyên nghiệp hàng đầu tại khu vực đồng bằng Sông Cửu Long và trong cả nước;
- b) Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn của cổ đông tại Công ty;
- c) Tối đa hóa lợi nhuận và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm tăng cường tích tụ, tập trung vốn, phân công chuyên môn hóa và hợp tác sản xuất, nâng cao chất lượng quản lý, hiệu quả đầu tư và kinh doanh, uy tín và khả năng cạnh tranh của Công ty.
- d) Đa dạng hóa các hình thức đầu tư, phát triển dịch vụ mới gắn kết với ngành nghề kinh doanh cốt lõi của Công ty.
- e) Phát triển, đào tạo nguồn nhân lực chuyên môn chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh kết hợp với chính sách đãi ngộ tương xứng.

f) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước và trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng.

Điều 6. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

Công ty được phép tiến hành hoạt động kinh doanh theo các ngành nghề quy định tại Điều lệ này đã đăng ký, thông báo thay đổi nội dung đăng ký với Cơ quan đăng ký kinh doanh và đã công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia. Trường hợp Công ty kinh doanh ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Công ty phải đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định của Luật Đầu tư, pháp luật chuyên ngành có liên quan.

CHƯƠNG II: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, TRÁI PHIẾU

Điều 7. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của Công ty là 275.281.180.000 đồng (Hai trăm bảy mươi lăm tỷ hai trăm tám mươi một triệu một trăm tám mươi ngàn đồng).
2. Vốn điều lệ được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VND).
3. Vốn điều lệ được sử dụng vào các mục đích theo quy định của pháp luật.
4. Công ty có thể tăng, giảm vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
5. Công ty có thể giảm vốn điều lệ trong các trường hợp sau đây:
 - a) Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Công ty hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu của họ trong Công ty và đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông;
 - b) Công ty mua lại cổ phần đã bán theo quy định tại Điều 11 và Điều 12 Điều lệ này.

Việc giảm vốn điều lệ của Công ty phải bảo đảm vốn điều lệ sau khi giảm không được thấp hơn vốn pháp định theo quy định của pháp luật (nếu có).

Điều 8. Cổ phần

1. Mỗi cổ phần của Công ty có mệnh giá là 10.000 VND (*Bằng chữ: mười nghìn đồng*).
2. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm Điều lệ này được Đại hội đồng cổ đông thông qua được chia thành 27.528.118 cổ phần (*Bằng chữ: Hai mươi bảy triệu năm trăm hai mươi tám ngàn một trăm mười tám cổ phần*).
3. Cổ phần Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông.
4. Công ty có thể phát hành cổ phần ưu đãi. Người sở hữu cổ phần ưu đãi gọi là cổ đông ưu đãi.

5. Người được quyền mua cổ phần ưu đãi cổ tức, cổ phần ưu đãi hoàn lại do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

6. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu cổ phần đó có các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

7. Cổ phần phổ thông không thể chuyển đổi thành cổ phần ưu đãi. Cổ phần ưu đãi có thể chuyển đổi thành cổ phần phổ thông theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 9. Chứng nhận cổ phiếu và chứng chỉ chứng khoán khác

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Cổ phiếu là loại chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần của tổ chức phát hành. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

3. Trong thời hạn sáu mươi (60) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác thì cổ đông được Công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó. Đề nghị của cổ đông phải bao gồm các nội dung sau đây:

a) Thông tin về cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác;

b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.

5. Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty được phát hành phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Công ty.

Điều 10. Chào bán cổ phần

1. Chào bán cổ phần là việc Công ty tăng thêm số lượng cổ phần, loại cổ phần được quyền chào bán để tăng vốn điều lệ.

2. Chào bán cổ phần có thể thực hiện theo các hình thức sau đây:

a) Chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu;

b) Chào bán cổ phần riêng lẻ;

c) Chào bán cổ phần ra công chúng.

3. Chào bán cổ phần của Công ty thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

4. Công ty thực hiện đăng ký thay đổi vốn điều lệ trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt bán cổ phần.

Điều 11. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty

Công ty có quyền mua lại không quá 30% tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã bán trong mỗi 12 tháng. Trong trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định;

2. Hội đồng quản trị quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này;

3. Công ty có thể mua lại cổ phần của từng cổ đông tương ứng với tỷ lệ cổ phần của họ trong Công ty theo trình tự, thủ tục sau đây:

a) Quyết định mua lại cổ phần của Công ty phải được thông báo bằng phương thức để bảo đảm đến được tất cả các cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định đó được thông qua. Thông báo phải gồm tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty, tổng số cổ phần và loại cổ phần được mua lại, giá trị mua lại, thủ tục và thời hạn thanh toán, thủ tục và thời hạn để cổ đông chào bán cổ phần của họ cho Công ty;

b) Cổ đông đồng ý bán lại cổ phần phải gửi văn bản đồng ý bán cổ phần của mình bằng phương thức bảo đảm đến được Công ty trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày thông báo. Văn bản đồng ý bán cổ phần phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần sở hữu và số cổ phần đồng ý bán; phương thức thanh toán; chữ ký của cổ đông hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông. Công ty chỉ mua lại cổ phần trong thời hạn nói trên.

4. Ngoài các quy định nêu trên, việc Công ty mua lại cổ phần còn phải thực hiện theo quy định tại Điều 36 Luật Chứng khoán.

5. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần mua lại được thực hiện theo quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp.

Điều 12. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông

1. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua nghị quyết về việc tổ chức lại

Công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Công ty mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá. Công ty giới thiệu ít nhất 03 tổ chức định giá để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

3. Điều kiện thanh toán và xử lý các cổ phần mua lại được thực hiện theo quy định tại Điều 134 Luật Doanh nghiệp và Điều 36 Luật Chứng khoán.

Điều 13. Chuyển nhượng cổ phần

1. Cổ phần được tự do chuyển nhượng, trừ trường hợp cổ phần hạn chế chuyển nhượng được nêu rõ trong cổ phiếu của cổ phần tương ứng.

2. Việc chuyển nhượng cổ phiếu đã niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

3. Việc chuyển nhượng cổ phần chưa được niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán thực hiện bằng hợp đồng. Giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ ký.

4. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

5. Cổ phiếu chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Thừa kế, tặng cho cổ phần

1. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó trở thành cổ đông của Công ty.

2. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa

kể từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần của cổ đông đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

3. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại Công ty cho cá nhân, tổ chức khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Cá nhân, tổ chức được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ trở thành cổ đông của Công ty.

4. Cá nhân, tổ chức nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này và Điều 12 Điều lệ này chỉ trở thành cổ đông Công ty từ thời điểm các thông tin của họ được quy định tại khoản 2 Điều 122 Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

Điều 15. Trả cổ tức

1. Cổ tức trả cho cổ phần ưu đãi được thực hiện theo điều kiện áp dụng riêng cho mỗi loại cổ phần ưu đãi.

2. Cổ tức trả cho cổ phần phổ thông được xác định căn cứ vào số lợi nhuận ròng đã thực hiện và khoản chi trả cổ tức được trích từ nguồn lợi nhuận giữ lại của Công ty. Công ty chỉ được trả cổ tức của cổ phần phổ thông khi có đủ các điều kiện sau đây:

a) Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;

b) Đã trích lập các quỹ công ty và bù đắp lỗ trước đó theo quy định của pháp luật;

c) Ngay sau khi trả hết cổ tức, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.

3. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phần của Công ty. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng Đồng Việt Nam và theo các phương thức thanh toán theo quy định của pháp luật.

4. Cổ tức phải được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả chậm nhất 30 ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến cổ đông theo địa chỉ đăng ký trong sổ đăng lý cổ đông chậm nhất 15 ngày trước khi thực hiện trả cổ tức.

5. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông và thời điểm trả cổ tức thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức từ Công ty.

6. Trường hợp chi trả cổ tức bằng cổ phần, Công ty không phải làm thủ tục

chào bán cổ phần theo quy định tại Điều 9 Điều lệ này. Công ty phải đăng ký tăng vốn điều lệ tương ứng với tổng mệnh giá các cổ phần dùng để chi trả cổ tức trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán cổ tức.

Điều 16. Sổ đăng ký cổ đông

1. Sổ đăng ký cổ đông được lập và lưu giữ dưới dạng văn bản giấy, tập dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông Công ty.
2. Sổ đăng ký cổ đông bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công ty;
 - b) Tổng số cổ phần được quyền chào bán, loại cổ phần được quyền chào bán và số cổ phần được quyền chào bán từng loại;
 - c) Tổng số cổ phần đã bán của từng loại và giá trị vốn cổ phần đã góp;
 - d) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
 - e) Số lượng cổ phần từng loại của mỗi cổ đông, ngày đăng ký cổ phần.
3. Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty hoặc các tổ chức khác có chức năng lưu giữ sổ đăng ký cổ đông. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông Công ty trong sổ đăng ký cổ đông.
4. Trường hợp cổ đông thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo kịp thời với Công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ liên lạc của cổ đông.

CHƯƠNG III: CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

MỤC 1: CƠ CẤU TỔ CHỨC

Điều 17. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Tổng giám đốc.

MỤC 2: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 18. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:

a) Tham dự, phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa hoặc hình thức khác theo quy định của pháp luật. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b) Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c) Ưu tiên mua cổ phần mới tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;

d) Tự do chuyển nhượng cổ phần của mình cho người khác, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;

e) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

f) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ Công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

g) Khi Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty;

h) Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần trong trường hợp quy định tại Điều 11 Điều lệ này;

i) Được đối xử bình đẳng. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho cổ đông sở hữu các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp Công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quyền và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua và công bố đầy đủ cho cổ đông;

j) Được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;

k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

l) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền sau:

a) Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại khoản 3 Điều này và điểm c khoản 3 Điều 21 Điều lệ này;

b) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính bán niên và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát,

hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty;

c) Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp;

e) Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều này có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

a) Hội đồng quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao;

b) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông quy định tại khoản 3 Điều này phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông.

5. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quy định tại Điều lệ này hoặc quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

6. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 01% tổng số cổ phần phổ thông có quyền tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm cá nhân, trách nhiệm liên đới đối với các thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc để yêu cầu hoàn trả lợi ích hoặc bồi thường thiệt hại cho Công ty hoặc người khác theo quy định tại Điều 166 Luật Doanh nghiệp.

Điều 19. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.
2. Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã rút và các thiệt hại xảy ra.
3. Tuân thủ Điều lệ này và Quy chế quản lý nội bộ của Công ty.
4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
5. Bảo mật các thông tin được Công ty cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Công ty cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác.
6. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:
 - a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

7. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

- a) Vi phạm pháp luật;
- b) Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
- c) Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

8. Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của Công ty, của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật;

9. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 20. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức

1. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông đó thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

2. Việc cử người đại diện theo ủy quyền của tổ chức là cổ đông của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

- a) Sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền 01 người đại diện theo ủy quyền;
- b) Sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 02 người đại diện theo ủy quyền;
- c) Sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện theo ủy quyền;
- d) Sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 04 người đại diện theo ủy quyền;
- e) Sở hữu từ 50% trở lên tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 05 người đại diện theo ủy quyền.

3. Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.

4. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo cho Công ty và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được văn bản. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- i. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông;

- ii. Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ sở hữu cổ phần tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền;
- iii. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân từng người đại diện theo ủy quyền;
- iv. Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện;
- v. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền.

5. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

b) Không có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp.

Điều 21. Trách nhiệm của người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức

1. Người đại diện theo ủy quyền nhân danh cổ đông thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ này. Mọi hạn chế của cổ đông đối với người đại diện theo ủy quyền trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của cổ đông tương ứng tại Đại hội đồng cổ đông đều không có hiệu lực đối với bên thứ ba.

2. Người đại diện theo ủy quyền có trách nhiệm tham dự đầy đủ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông; thực hiện quyền, nghĩa vụ được ủy quyền một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất, bảo vệ lợi ích hợp pháp của cổ đông cử đại diện.

3. Người đại diện theo ủy quyền chịu trách nhiệm trước cổ đông cử đại diện do vi phạm trách nhiệm quy định tại Điều này. Cổ đông cử đại diện chịu trách nhiệm trước bên thứ ba đối với trách nhiệm phát sinh liên quan đến quyền và nghĩa vụ được thực hiện thông qua người đại diện theo ủy quyền.

Điều 22. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Công ty phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;
- c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 18 Điều lệ này; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
- d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 3 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

5. Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Điều lệ này.

Điều 23. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Thông qua định hướng phát triển Công ty;
 - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - e) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
 - f) Thông qua Báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - j) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - k) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - m) Quyết định việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ, thời điểm và phương thức huy động vốn;
 - n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

- b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
 - c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
 - d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - e) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - f) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần từng loại;
 - g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - j) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;
 - k) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - l) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần;
 - m) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - n) Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - o) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
 - p) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - q) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại điểm b khoản 4 Điều 57 Điều lệ này với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - r) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 57 Điều lệ này;
 - s) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;
 - t) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 24. Ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

2. Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

3. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây trừ trường hợp:

- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
- b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
- c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 25. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

2. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông

(hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

3. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 27, 28 và 29 Điều lệ này.

Điều 26. Triệu tập họp, chương trình họp và thông báo mời họp Đại hội đồng

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 22 Điều lệ này.

2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

c) Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

d) Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;

e) Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

f) Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

g) Các công việc khác phục vụ đại hội.

3. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch.

Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- c) Phiếu biểu quyết;
- d) Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
- e) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại **khoản 2 Điều 18 Điều** lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều này;
- b) Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên;
- c) Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

6. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

7. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền quyết định thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp.

Điều 27. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

3. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 28. Thẻ thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết theo trình tự sau:

a) Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp;

b) Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc bầu chủ tọa, thư ký và ban kiểm phiếu được quy định như sau:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trưởng Ban kiểm soát điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành đề Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp;

c) Chủ tọa cử một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;

d) Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.

3. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.

4. Chủ tọa đại hội có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp. Chủ tọa đại hội phải thực hiện:

a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

5. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

6. Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

7. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền sau đây:

a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

8. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường hợp sau đây:

a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

b) Phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

c) Có người dự họp cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

9. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 8 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc; tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

10. Trường hợp Công ty áp dụng công nghệ hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Công ty có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật Doanh nghiệp và khoản 3 Điều 273 Nghị định số 155/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

Điều 29. Điều kiện để nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua

1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều này:

a) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

b) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;

c) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;

d) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

e) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

4. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

5. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

6. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 30. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại **khoản 2 Điều 23 của** Điều lệ này;

2. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất là 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo thực hiện theo quy định tại **khoản 3 Điều 26** của Điều lệ này;

3. Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích lấy ý kiến;
- c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
- d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
- e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
- f) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
- g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường

hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- e) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

6. Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;

8. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 31. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
 - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản cuộc họp.
2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.
4. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố trên trang thông theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 32. Yêu cầu hủy bỏ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại **khoản 2 Điều 18** Điều lệ này có quyền

yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại **khoản 6 Điều 29** Điều lệ này.

2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty. Trường hợp nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có nghị quyết bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

MỤC 3: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 33. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- e) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- f) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông: sở hữu từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 01 ứng cử viên; sở hữu từ 20% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 02 ứng cử viên; sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 03 ứng cử viên; sở hữu từ 40% đến

dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 04 ứng cử viên; sở hữu từ 50% trở lên tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 05 ứng cử viên.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

4. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 35 Điều lệ này.

Điều 34. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là 05 người.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.
5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 36 Điều lệ này.
6. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 35. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty;
3. Thành viên Hội đồng quản trị có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

4. Không phải là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý của công ty mẹ.

Điều 36. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định **tại Điều 35 của** Điều lệ này;
- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự hoặc có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- b) Không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;
- c) Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ này. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;
- b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 37. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền, nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền, nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Hội đồng quản trị có quyền hạn và nghĩa vụ sau đây:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

e) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 11 Điều lệ này;

f) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

g) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và giới hạn theo quy định của pháp luật;

h) Quyết định bán tài sản có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;

i) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 23, khoản 4 Điều 57 Điều lệ này;

j) Phân cấp hoặc ủy quyền cho Tổng giám đốc quyết định đối với phương án đầu tư và dự án đầu tư; phương án thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, thuê, cho thuê tài sản cố định, vay, cho vay và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của quyết định của Hội đồng quản trị;

k) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Tổng giám đốc;

l) Cử người đại diện theo uỷ quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

m) Quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng theo đề nghị của Tổng giám đốc;

n) Chấp thuận đề Tổng giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm Giám đốc/Phó giám đốc các chi nhánh, Trưởng phòng/Phó trưởng phòng và tương đương;

- o) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người quản lý khác trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - p) Quyết định thay đổi và hình thức, nội dung logo của Công ty;
 - q) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - r) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;
 - s) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;
 - t) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;
 - u) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;
 - v) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - w) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất các nội dung đã được thông qua tại các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trước đó chưa được thực hiện. Trường hợp có thay đổi nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp gần nhất thông qua trước khi thực hiện;
 - x) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
3. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị tại Đại hội đồng cổ đông thường niên các nội dung sau:
- b) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 37 Điều lệ này.
 - c) Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị.
 - d) Báo cáo các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
 - e) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập và kết quả đánh giá của thành viên Hội đồng quản trị độc lập về hoạt động của Hội đồng quản trị.

- f) Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có).
- g) Kết quả giám sát đối với Tổng giám đốc.
- h) Kết quả giám sát đối với người điều hành khác.
- i) Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 38. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao cho công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ này.

Điều 39. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm Tổng giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

- a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
- b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
- f) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị; ký các văn bản khác để xử lý công việc thuộc quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị;
- g) Đảm bảo các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét;
- h) Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;
- i) Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công;
- j) Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

5. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa

án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

Điều 40. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 41. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;

- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- e) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- f) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g, h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt được áp dụng.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 42. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu người điều hành doanh nghiệp cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người điều hành doanh nghiệp được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 43. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ này, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Điều 44. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm ít nhất 01 người làm người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty tại Công ty. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp.

2. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

3. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

a) Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;

b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;

d) Tham dự các cuộc họp;

e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;

f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;

g) Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;

h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;

i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ này;

j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

MỤC 4: TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 45. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 46. Người điều hành Công ty

1. Người điều hành Công ty bao gồm Tổng giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng.

2. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.

3. Tổng giám đốc được trả lương và thưởng. Tiền lương và thưởng của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

4. Tiền lương của người điều hành được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 47. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc;

2. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại **Điều 48 Điều lệ này**.

4. Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;

- b) Tổ chức, thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
- e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh Giám đốc/Phó giám đốc các chi nhánh, Trưởng phòng/Phó trưởng phòng và tương đương sau khi đã được Hội đồng quản trị chấp thuận;
- f) Quyết định tiền lương và lợi ích khác đối với người lao động trong Công ty và người thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc;
- g) Tuyển dụng lao động;
- h) Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- i) Đề nghị Hội đồng quản trị quyết định cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty có vốn góp của Công ty; quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;
- j) Trình Hội đồng quản trị phê duyệt kế hoạch sử dụng lao động hằng năm;
- k) Quyết định và ký kết các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay, thuê, cho thuê tài sản và các hợp đồng, giao dịch khác liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;
- l) Quyết định ban hành các quy chế, quy định nội bộ liên quan đến công việc điều hành của Tổng giám đốc;
- m) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy chế nội bộ của Công ty, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

5. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp khi được yêu cầu.

6. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty theo đúng quy định pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng lao động ký với Công ty và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp điều hành trái với quy định tại khoản này mà gây thiệt hại cho Công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường thiệt hại cho Công ty.

7. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế. Trong thời gian thực hiện thủ tục bổ nhiệm Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị quyết định việc giao nhiệm vụ cho một người quản lý doanh nghiệp

hoặc một người điều hành doanh nghiệp khác thực hiện quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc và đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 48. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc

1. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:
 - a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - b) Không phải là người có quan hệ gia đình của người quản lý Công ty, thành viên Ban kiểm soát của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Công ty và công ty mẹ;
 - c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.
2. Đương nhiên mất tư cách, thay thế Tổng giám đốc trong các trường hợp sau:
 - a) Mất năng lực hành vi dân sự, chết;
 - b) Vi phạm quy định của pháp luật về những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ;
 - c) Khi bị Tòa án quyết định trục xuất khỏi lãnh thổ Việt Nam hoặc bị Tòa án cấm đảm nhận chức vụ, cấm hành nghề hoặc công việc nhất định;
 - d) Công ty bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
3. Tổng giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi;
 - b) Không đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều này;
 - c) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty trước khi ngừng thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình ít nhất 45 ngày;
 - d) Theo quyết định của Hội đồng quản trị;
 - e) Các trường khác theo quy định pháp luật hiện hành.

MỤC 5: BAN KIỂM SOÁT

Điều 49. Ứng cử, đề cử thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá

nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty khác);
 - e) Các lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
2. Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên thành viên Ban kiểm soát (nếu có).

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông: sở hữu từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử 01 ứng cử viên; sở hữu từ 30% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 02 ứng cử viên; sở hữu từ 50% trở lên tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề cử tối đa 03 ứng cử viên.

4. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 50. Thành phần Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

- a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;
- b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;

e) Không phải là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty;

f) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

g) Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó.

3. Thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

4. Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này;

d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

5. Trường hợp thành viên Ban kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

Điều 51. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số Kiểm soát viên thường trú tại Việt Nam. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:

a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;

b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;

c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 52. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.

2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 18 của Điều lệ này.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 18 của Điều lệ này, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại **Điều 55 Điều** lệ này phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.

13. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

14. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác.

15. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

16. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ này của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Công ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

17. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

18. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

19. Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty.

20. Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng

giám đốc và báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát phải đảm bảo các nội dung sau:

a) Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 53 Điều lệ này.

b) Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát.

c) Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

d) Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của Công ty và những người có liên quan của đối tượng đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người điều hành khác của doanh nghiệp là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

e) Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Công ty.

f) Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

21. Có quyền được cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 171 Luật Doanh nghiệp.

22. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 53. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là 2/3 số thành viên Ban kiểm soát. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết, rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 54. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Kiểm soát viên

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định

tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

MỤC 6: TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 55. Trách nhiệm của người quản lý Công ty

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác có trách nhiệm sau đây:

a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao theo quy định của Luật Doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan, Điều lệ này, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;

c) Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

d) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về nội dung quy định tại khoản 2 Điều 58 của Điều lệ này;

e) Trách nhiệm khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo Điều lệ này và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty do công ty đại chúng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; Giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

e) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác vi phạm quy định tại khoản 1 Điều này chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới đền bù lợi ích bị mất, trả lại lợi ích đã nhận và bồi thường toàn bộ thiệt hại cho Công ty và bên thứ ba.

Điều 56. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật liên quan.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các thành viên này chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

4. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết đối với giao dịch mang lại lợi ích cho thành viên đó hoặc người có liên quan của thành viên đó theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

5. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và những người có liên quan của các đối tượng này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

6. Giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến các đối tượng này không bị vô hiệu trong các trường hợp sau đây:

a) Đối với giao dịch có giá trị nhỏ hơn hoặc bằng 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo Hội đồng quản trị và được Hội đồng quản trị thông qua bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

b) Đối với giao dịch có giá trị lớn hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông và được Đại hội đồng cổ đông thông qua bằng phiếu biểu quyết của các cổ đông không có lợi ích liên quan.

Điều 57. Giao dịch với cổ đông, người quản lý doanh nghiệp và người có liên quan của các đối tượng này

1. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là cá nhân và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.

2. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho cổ đông là tổ chức và người có liên quan của cổ đông đó là cá nhân.

3. Công ty không được cung cấp khoản vay hoặc bảo lãnh cho người có liên quan của cổ đông là tổ chức, trừ trường hợp Công ty và tổ chức là người có liên quan của cổ đông là các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con và giao dịch này phải được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ này và trường hợp pháp luật có quy định khác.

4. Công ty chỉ được thực hiện các giao dịch sau đây khi đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận:

a) Cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không phải là cổ đông và những cá nhân, tổ chức có liên quan của các đối tượng này;

Trường hợp cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho tổ chức có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc mà Công ty và tổ chức đó là các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua theo quy định tại Điều lệ này;

b) Giao dịch có giá trị từ 35% trở lên hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người có liên quan của các đối tượng này;

- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc phải kê khai theo quy định tại khoản 2 Điều 58 Điều lệ này;

c) Hợp đồng, giao dịch vay, bán tài sản có giá trị lớn hơn 10% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất giữa Công ty và cổ đông sở hữu từ 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên hoặc người có liên quan của cổ đông đó.

d) Hợp đồng, giao dịch khác ngoài hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 5 Điều này.

5. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với một trong các đối tượng quy định tại điểm c khoản 4 Điều này và có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất của Công ty trừ các hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm c khoản 4 Điều này. Trường hợp này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và phải gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

6. Trường hợp chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định tại khoản 4 Điều này, người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ

yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Trường hợp này, cổ đông có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết; hợp đồng, giao dịch được chấp thuận theo quy định tại **khoản 1 Điều 29 và khoản 8 Điều 30 của Điều lệ này.**

7. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng với quy định tại Điều này; người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

8. Công ty phải công khai hợp đồng, giao dịch có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 58. Công khai lợi ích có liên quan

Việc công khai lợi ích và người có liên quan của công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách những người có liên quan của Công ty theo quy định tại khoản 46 Điều 4 của Luật Chứng khoán và các hợp đồng, giao dịch tương ứng của họ với Công ty;

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người quản lý khác của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ;

3. Việc kê khai quy định tại khoản 2 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng;

4. Việc lưu giữ, công khai, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Công ty phải thông báo danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan cho Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên;

b) Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty; trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của Công ty;

c) Cổ đông, đại diện theo ủy quyền của cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người quản lý khác có quyền xem xét, trích lục và sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai;

d) Công ty phải tạo điều kiện để những người quy định tại điểm c khoản này tiếp cận, xem xét, trích lục, sao chép danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan một cách nhanh nhất, thuận lợi nhất; không được ngăn cản, gây khó khăn đối với họ trong thực hiện quyền này. Trình tự, thủ tục xem xét, trích lục, sao chép nội dung kê khai người có liên quan và lợi ích có liên quan được thực hiện theo quy định tại của Công ty;

5. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Điều 59. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự mẫn cán và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.

3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:

a) Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

b) Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.

4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

MỤC 7: QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 60. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:

a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Công ty.

2. Trường hợp đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông, sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

4. Công ty phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền

sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.

5. Điều lệ này phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

MỤC 8: CÔNG NHÂN VIÊN VÀ TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI, TỔ CHỨC ĐẠI DIỆN NGƯỜI LAO ĐỘNG TẠI CƠ SỞ TRONG CÔNG TY

Điều 61. Công nhân viên và tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trong Công ty

1. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.

2. Tổng giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

3. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trong Công ty hoạt động theo quy định của Hiến pháp, pháp luật và điều lệ của tổ chức.

4. Công ty có nghĩa vụ tôn trọng và không được cản trở, gây khó khăn cho việc thành lập tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và tổ chức đại diện người lao động tại cơ sở trong Công ty; không được cản trở, gây khó khăn cho người lao động tham gia hoạt động trong các tổ chức này.

CHƯƠNG IV: QUẢN LÝ VỐN ĐẦU TƯ CỦA CÔNG TY TẠI DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 62. Quản lý vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác

1. Công ty quyết định thành lập và đầu tư, góp vốn, mua cổ phần tại doanh nghiệp khác; quyết định chuyển nhượng vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác phù hợp với chiến lược và kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty và theo quy định của pháp luật.

2. Quyền, nghĩa vụ của Công ty đối với doanh nghiệp và vốn đầu tư của Công

ty tại doanh nghiệp khác thực hiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, điều lệ doanh nghiệp và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan. Công ty cử người đại diện theo ủy quyền trực tiếp thay mặt Công ty quản lý vốn đầu tư của Công ty tại doanh nghiệp khác. Quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo ủy quyền được quy định tại điều lệ doanh nghiệp hoặc quy chế quản lý nội bộ do Hội đồng quản trị ban hành.

Điều 63. Quan hệ giữa Công ty với công ty TNHH một thành viên

Hội đồng quản trị thực hiện quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu đối với công ty TNHH một thành viên do Công ty nắm giữ 100% vốn điều lệ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và điều lệ công ty do Hội đồng quản trị phê duyệt.

Điều 64. Quan hệ giữa Công ty với công ty cổ phần, công ty TNHH hai thành viên trở lên

1. Doanh nghiệp có vốn đầu tư của Công ty được thành lập, tổ chức và hoạt động theo Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật có liên quan và điều lệ của doanh nghiệp đó.

2. Công ty thực hiện quyền và nghĩa vụ của cổ đông hoặc thành viên, bên liên doanh theo quy định của pháp luật và điều lệ của doanh nghiệp đó.

3. Công ty quản lý vốn đầu tư thông qua người đại diện theo ủy quyền tại doanh nghiệp đó.

4. Hội đồng quản trị thực hiện các quyền và nghĩa vụ đối với phần vốn góp ở doanh nghiệp thông qua người đại diện theo ủy quyền để thực hiện quyền của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh.

5. Hội đồng quản trị yêu cầu người đại diện theo ủy quyền thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Luật Doanh nghiệp và quy chế quản lý nội bộ của Công ty.

CHƯƠNG V: TÀI CHÍNH CÔNG TY

MỤC 1: PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 65. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hằng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.

2. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

3. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.

4. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.

6. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

MỤC 2: TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 66. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các chi nhánh ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 67. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 68. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là chế độ kế toán doanh nghiệp hoặc chế độ kế toán đặc thù được cơ quan có thẩm quyền ban hành, chấp thuận.

2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt và lưu giữ hồ sơ kế toán theo quy định pháp luật về kế toán và pháp luật liên quan. Những hồ sơ này phải chính

xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.

3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

MỤC 3: BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 69. Báo cáo tài chính năm, bán niên và quý

1. Công ty phải lập Báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. Công ty công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định về kế toán doanh nghiệp. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty.

3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 70. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 71. Công khai thông tin

1. Công ty phải gửi báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật về kế toán và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của mình thông tin sau đây:

- a) Điều lệ công ty;
- b) Sơ yếu lý lịch, trình độ học vấn và kinh nghiệm nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng giám đốc công ty;
- c) Báo cáo tài chính hằng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- d) Báo cáo đánh giá kết quả hoạt động hằng năm của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- e) Các tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

3. Công ty thực hiện công bố, công khai thông tin theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

MỤC 4: KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 72. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị.

2. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.

3. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

MỤC 5: DẤU CỦA CÔNG TY

Điều 73. Dấu của Công ty

1. Dấu bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

2. Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của Công ty, chi nhánh, văn phòng đại diện và đơn vị khác của Công ty.

3. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và cá nhân sử dụng và quản lý dấu theo quy định của pháp luật.

MỤC 6: GIẢI THỂ CÔNG TY

Điều 74. Giải thể Công ty

1. Công ty có thể bị giải thể trong những trường hợp sau:

- a) Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
- b) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, trừ trường hợp Luật Quản lý thuế có quy định khác;
- c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Việc giải thể Công ty do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 75. Thanh lý

1. Sau khi có quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm 03 thành viên, trong đó có 02 thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và 01 thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên của Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho Cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:

a) Các chi phí thanh lý;

b) Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;

c) Nợ thuế;

d) Các khoản nợ khác của Công ty;

đ) Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

MỤC 7: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 76. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ Công ty, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:

a) Cổ đông với Công ty;

b) Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hay người điều hành khác;

Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu cầu từng bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 30

ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Ban kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

MỤC 8: BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 77. Điều lệ Công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

2. Trường pháp luật có quy định liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trường hợp có quy định pháp luật mới khác với điều khoản trong Điều lệ này thì áp dụng những quy định đó để điều chỉnh hoạt động của Công ty.

MỤC 9: NGÀY HIỆU LỰC

Điều 78. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 05 chương 78 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ nhất trí thông qua ngày tháng 4 năm 2021 tại Hội trường Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty. Điều lệ này thay thế cho Điều lệ đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ thông qua ngày 27 tháng 6 năm 2020.

3. Điều lệ được lập thành 05 bản, có giá trị như nhau và được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

Cần Thơ, ngày ... tháng ... năm 2021

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

QUY CHẾ
NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ
(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-HĐQT ngày /4/2021 của Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ

Cần Thơ, tháng 4 năm 2021

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a) **Luật Doanh nghiệp**” là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- b) **“Luật Chứng khoán”** là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- c) **“Điều lệ công ty”** là Điều lệ của Công ty;
- d) **“Người quản lý doanh nghiệp”** là người quản lý Công ty, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- e) **“Người điều hành”** là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;
- f) **“Cổ đông”** là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
- g) **“Đại hội đồng cổ đông”** là Đại hội đồng cổ đông của Công ty;
- h) **“Hội đồng quản trị”** là Hội đồng quản trị của Công ty;
- i) **“Ban kiểm soát”** là Ban kiểm soát của Công ty;
- j) **“Tổng giám đốc”** là Tổng giám đốc của Công ty;
- k) **“Pháp luật”** là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14 ngày 18 tháng 6 năm 2020.

Các từ ngữ khác được sử dụng trong Quy chế này có nghĩa như trong Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

CHƯƠNG II: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 3. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông được quy định tại Điều 20 Điều lệ công ty.

Điều 4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông;

2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp;
3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;
4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
5. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông;
6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;
7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;
8. Điều kiện tiến hành;
9. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
10. Cách thức bỏ phiếu;
11. Cách thức kiểm phiếu;
12. Điều kiện đề nghị quyết được thông qua;
13. Thông báo kết quả kiểm phiếu;
14. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp);
15. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
16. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 5. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

1. Các trường hợp được và không được lấy ý kiến bằng văn bản;
2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 6. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến

1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
4. Điều kiện tiến hành;
5. Hình thức thông qua Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trực tuyến;
6. Cách thức bỏ phiếu trực tuyến;
7. Cách thức kiểm phiếu trực tuyến;
8. Thông báo kết quả kiểm phiếu;
9. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
10. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 7. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

1. Thông báo triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông;
2. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;
3. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;

4. Điều kiện tiến hành;
5. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
6. Cách thức bỏ phiếu;
7. Cách thức kiểm phiếu;
8. Thông báo kết quả kiểm phiếu;
9. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;
10. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

CHƯƠNG III: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 8. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền, nghĩa vụ của Công ty, trừ các quyền, nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có quyền hạn và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 34 Điều lệ công ty.

2. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 39 Điều lệ công ty.

Điều 9. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 30 Điều lệ công ty.

2. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 31 Điều lệ công ty.

3. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 32 Điều lệ công ty.

4. Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên Hội đồng quản trị Công ty. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

5. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị theo quy định theo Điều 33 Điều lệ công ty.

6. Việc thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị được thông báo bằng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội

đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

7. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên Hội đồng quản trị

a) Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

b) Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 32 Điều lệ công ty.

8. Việc bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 10. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị theo quy định theo Điều 35 Điều lệ công ty.

Điều 11. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo quý;
2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường;
3. Thông báo họp Hội đồng quản trị (gồm thời gian, địa điểm, chương trình họp, các vấn đề thảo luận và quyết định);
4. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát;
5. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị;
6. Cách thức biểu quyết;
7. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
8. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị;
9. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị;
11. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị;
12. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 12. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 40 Điều lệ công ty.

Điều 13. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Người phụ trách quản trị công ty được quy định tại Điều 41 Điều lệ công ty.

CHƯƠNG IV: BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành công ty.

2. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát được quy định tại Điều 49 Điều lệ công ty.

Điều 15. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát

1. Số lượng thành viên Ban kiểm soát của Công ty là 03 người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế

2. Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát được quy định tại Khoản 2 Điều 47 Điều lệ công ty.

3. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát được quy định tại Điều 46 Điều lệ công ty.

4. Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên Ban Kiểm soát. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

5. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát được quy định tại Khoản 3, Khoản 4 Điều 47 Điều lệ công ty.

6. Việc thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát được thông báo bằng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

7. Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát được quy định tại Điều 51 Điều lệ công ty.

CHƯƠNG V: TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 16. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

1. Tổng giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

2. Quyền và nghĩa vụ của Tổng giám đốc được quy định tại Khoản 4 Điều 44 Điều lệ công ty.

Điều 17. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc.

1. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Điều 45 Điều lệ công ty.

2. Ứng cử, đề cử, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc

2. Hội đồng quản trị bổ nhiệm 01 thành viên Hội đồng quản trị hoặc thuê người khác làm Tổng giám đốc.

3. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế. Trong thời gian thực hiện thủ tục bổ nhiệm Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị quyết định việc giao nhiệm vụ cho một người quản lý doanh nghiệp hoặc một người điều hành doanh nghiệp khác thực hiện quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc và đại diện theo pháp luật của Công ty

4. Tổng giám đốc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định tại Khoản 3 Điều 45 Điều lệ công ty.

5. Việc thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật hiện hành có liên quan;

6. Hội đồng quản trị quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Tổng giám đốc.

CHƯƠNG VI: CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC

Điều 18. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

1. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc.

a) Thành phần mời họp Hội đồng quản trị do Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định nhưng ít nhất bao gồm các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát. Hội đồng quản trị có thể mời Tổng giám đốc không là thành viên Hội đồng quản trị hoặc người khác (Phó Tổng giám đốc, Trưởng các Phòng, lãnh đạo các Chi nhánh, các Bến Cảng có liên quan tham dự, báo cáo công việc và tham gia ý kiến) tham dự cuộc họp của Hội đồng quản trị khi cần thiết.

Trình tự, thủ tục tiến hành cuộc họp Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 37 Điều lệ công ty.

b) Tại các cuộc họp có nội dung quan trọng của Ban kiểm soát, Trưởng Ban kiểm soát có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những người điều hành khác của công ty để thảo luận về những vấn đề có liên quan. Thông báo mời họp phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc tại cuộc họp và phải được chuyển đến thành viên dự họp ít nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức họp. Trưởng Ban kiểm soát phải có văn bản thông báo kết quả cuộc họp cho Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc trong thời gian

năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

c) Trình tự, thủ tục tiến hành cuộc họp Ban kiểm soát được quy định tại Điều 50 Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của ban kiểm soát.

d) Tại các cuộc họp có nội dung quan trọng của Ban điều hành, Tổng giám đốc có thể mời một số thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát tham gia cuộc họp để thảo luận về những vấn đề có liên quan. Thông báo mời họp phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc tại cuộc họp và phải được chuyển đến thành viên dự họp ít nhất ba (03) ngày làm việc trước khi tổ chức họp. Tổng giám đốc phải có văn bản thông báo kết quả cuộc họp cho Hội đồng quản trị và Trưởng Ban kiểm soát trong thời gian năm (05) ngày làm việc sau khi cuộc họp kết thúc.

Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền tham dự hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị nội dung trình Hội đồng quản trị do Tổng giám đốc chủ trì.

Điều 19. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Hội đồng quản trị đảm bảo tất cả các bản sao nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị sẽ được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc đồng thời với việc cung cấp cho thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 20. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

1. Tổng giám đốc có thể đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị khi các quyết định vượt quyền và nghĩa vụ được giao hoặc có liên quan đến lợi ích của Công ty.

2. Ban kiểm soát có thể đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác của Công ty, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 21. Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

1. Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo (trực tiếp hoặc bằng văn bản) Hội đồng quản trị tình hình thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao. Trong báo cáo phải phản ánh được những nội dung cơ bản sau:

- a. Nội dung chỉ đạo của Hội đồng quản trị;
- b. Tiến độ thực hiện tính đến thời điểm báo cáo;
- c. Hiệu quả thực hiện và nguyên nhân dẫn đến kết quả;
- d. Phương hướng giải quyết và đề xuất cụ thể (nếu cần).

2. Tổng giám đốc và những người điều hành khác có trách nhiệm tạo mọi điều kiện để các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ được phân công, được tiếp cận thông tin, báo cáo một cách đầy đủ và kịp thời.

Điều 22. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc

Tổng giám đốc có trách nhiệm nghiêm túc thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Trong quá trình thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, nếu phát hiện nội dung không có lợi cho công ty, Tổng giám đốc có trách nhiệm đề nghị Hội đồng quản trị xem xét, điều chỉnh cho phù hợp. Trường hợp Hội đồng quản trị không điều chỉnh nghị quyết, quyết định, Tổng giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến.

Điều 23. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát

1. Định kỳ hàng quý, sáu (06) tháng, hàng năm, Tổng giám đốc có trách nhiệm báo cáo Hội đồng quản trị tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh đã thực hiện và kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn tiếp theo (*có kèm theo bảng số liệu và thuyết minh*) cùng với kiến nghị cần thiết để thực hiện nhiệm vụ được giao theo thẩm quyền. Khi phát hiện có rủi ro hoặc các sự cố xảy ra có thể ảnh hưởng xấu đến uy tín, hoặc hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, Tổng giám đốc cần kịp thời báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp phụ trách công việc đó biết để có biện pháp xử lý kịp thời.

2. Định kỳ hàng quý, 6 tháng, hàng năm, Tổng giám đốc xin ý kiến Hội đồng quản trị về nội dung Báo cáo tài chính và các tài liệu giải trình có liên quan trước khi ký ban hành và công bố thông tin.

3. Tổng giám đốc chủ động quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Tổng giám đốc theo Điều lệ công ty.

4. Đối với những nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị Tổng giám đốc phải có tờ trình xin ý kiến đính kèm các tài liệu liên quan gửi đến Hội đồng quản trị. Tờ trình xin ý kiến phải đảm bảo những nội dung cơ bản sau:

- a. Nội dung cần xin ý kiến;
- b. Quan điểm của Tổng giám đốc về nội dung cần xin ý kiến;
- c. Đề xuất cụ thể phương hướng giải quyết.

5. Trong quá trình điều hành sản xuất kinh doanh và thực hiện các vấn đề có liên quan đến thẩm quyền quyết định của mình, Tổng giám đốc có thể tham khảo ý kiến của Ban kiểm soát để tránh các rủi ro trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ nhằm đem lại lợi ích cao nhất cho công ty.

Điều 24. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên

1. Việc phối hợp công tác giữa Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị với Tổng giám đốc và những người điều hành khác của công ty cần tuân thủ các nguyên tắc sau:

- a. Luôn trung thành với lợi ích của cổ đông và của công ty;
- b. Tuân thủ các quy định của pháp luật của Nhà nước, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty;
- c. Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, công khai, minh bạch;
- d. Thực hiện nhiệm vụ với tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, hợp tác và chủ động phối hợp giải quyết vướng mắc, khó khăn khi phát sinh.

2. Trong trường hợp khẩn cấp, các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc có thể thông tin ngay (bằng gặp mặt, điện thoại hoặc email) cho Chủ tịch Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát hoặc Tổng giám đốc hoặc cả ba để phối hợp giải quyết hiệu quả.

3. Phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc

a) HĐQT lãnh đạo và giám sát mọi hoạt động của Ban Tổng Giám đốc trên cơ sở tạo mọi điều kiện tốt nhất về cơ chế, chính sách, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất để giúp Ban Tổng Giám đốc hoàn thành nhiệm vụ được giao.

b) Định kỳ hàng quý và năm, Tổng Giám đốc phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh và phương hướng hoạt động trong thời kỳ tới của Công ty cho Hội đồng quản trị.

c) Tổng Giám đốc đồng thời là thành viên HĐQT có trách nhiệm báo cáo HĐQT mọi vấn đề có liên quan tới hoạt động điều hành của Công ty. Tổng giám đốc không đồng thời là thành viên HĐQT được mời tham dự (không biểu quyết) các cuộc họp HĐQT.

d) Các chương trình nghiên cứu, khảo sát, các cuộc đàm phán, ký kết hợp đồng của Công ty có liên quan đến chức năng nhiệm vụ của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc có trách nhiệm báo cáo Chủ tịch HĐQT để cử thành viên HĐQT tham dự.

4. Phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

a) HĐQT có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ với Ban kiểm soát, tạo điều kiện cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho Ban kiểm soát, tôn trọng tư cách khách quan độc lập của Ban kiểm soát.

b) HĐQT tạo điều kiện tốt nhất cho các thành viên Ban kiểm soát trong việc thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát và phải có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo đề xuất của Ban kiểm soát.

c) Chủ tịch HĐQT mời thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị.

d) Trưởng ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo HĐQT những vấn đề phát sinh tại các cuộc họp của Ban kiểm soát, mọi biên bản họp Ban kiểm soát phải được gửi tới Hội đồng quản trị.

e) Kịp thời thông báo cho HĐQT khi phát hiện các trường hợp vi phạm của người điều hành theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.

f) HĐQT có quyền đề nghị Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra, kiểm toán theo yêu cầu.

g) Ban kiểm soát đề nghị HĐQT họp bất thường hoặc đề nghị HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định tại Điều lệ công ty.

h) Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, các thành viên Ban kiểm soát có thể đề nghị Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

i) HĐQT đảm bảo tất cả bản sao các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên HĐQT cũng như biên bản họp HĐQT sẽ được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát cùng với việc cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị.

5. Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Ban điều hành

a) Trường hợp xét thấy cần thiết, Ban điều hành có thể mời Trưởng ban kiểm soát hoặc các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp Ban điều hành hoặc các cuộc họp khác và đóng góp ý kiến.

b) Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, theo yêu cầu của Trưởng ban kiểm soát, Ban điều hành thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo về tình hình hoạt động của Công ty.

c) Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín và hoạt động của Công ty, Ban điều hành cần báo cáo ngay cho Trưởng ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

d) Ban điều hành chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát được tiếp cận các thông tin, báo cáo trong thời gian nhanh nhất.

e) Các văn bản báo cáo của Ban điều hành trình Hội đồng quản trị phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như gửi đến thành viên Hội đồng quản trị.

6. Phối hợp khác

Hội đồng quản trị tạo điều kiện cho các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, thành viên Ban điều hành và những người điều hành khác của công ty tham gia các khóa đào tạo, hội nghị, hội thảo, khảo sát trong và ngoài nước nhằm trau dồi trình độ chuyên môn, nâng cao kiến thức quản trị, điều hành. Việc tham gia các khóa đào tạo, hội thảo nói trên không được ảnh hưởng đến công việc chung của công ty.

CHƯƠNG VII: QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

QUẢN TRỊ, THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH

Điều 25. Phương thức đánh giá hoạt động của người quản lý, người điều hành của công ty

1. Việc đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và những người điều hành công ty được thực hiện hàng năm.

2. Thẩm quyền thực hiện đánh giá:

a. Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá nhận xét mức độ hoàn thành công việc và các tiêu chuẩn khác đối với thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh do Hội đồng quản trị bổ nhiệm;

b) Ban kiểm soát tổ chức đánh giá nhận xét mức độ hoàn thành công việc và các tiêu chuẩn khác đối với thành viên Ban kiểm soát;

c) Tổng giám đốc chủ trì công tác đánh giá nhận xét mức độ hoàn thành công việc và các tiêu chuẩn khác đối với các chức danh do Tổng giám đốc bổ nhiệm;

3. Tiêu chí, trình tự thủ tục đánh giá nhận xét người điều hành do cấp có thẩm quyền đánh giá quyết định.

4. Phòng Tổ chức nhân sự, Người phụ trách quản trị công ty (Thư ký công ty), tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (Hội đồng thi đua khen thưởng) được giao thực hiện hoạt động đánh giá này có trách nhiệm chuẩn bị tài liệu hướng dẫn và giúp việc cho Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc trong công tác đánh giá nhận xét cán bộ hàng năm.

Điều 26. Nguyên tắc áp dụng các hình thức kỷ luật

1. Các hành vi bị xem xét áp dụng hình thức kỷ luật:

a) Vi phạm tiêu chuẩn chức danh hoặc vi phạm nghĩa vụ theo quy định của công ty.

b) Vi phạm pháp luật bị Tòa án kết án bằng bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Các trường hợp chưa xem xét xử lý kỷ luật:

a) Đang trong thời gian nghỉ hàng năm, nghỉ theo chế độ, nghỉ việc riêng được cấp có thẩm quyền cho phép;

b) Đang trong thời gian điều trị có xác nhận của cơ quan y tế có thẩm quyền;

c) Đang bị tạm giữ, tạm giam chờ kết luận của cơ quan có thẩm quyền điều tra, truy tố, xét xử về hành vi vi phạm pháp luật.

3. Các trường hợp được miễn trách nhiệm kỷ luật:

a) Được cơ quan có thẩm quyền xác nhận tình trạng mất năng lực hành vi dân sự khi thực hiện hành vi sai phạm;

b) Được cấp có thẩm quyền xác nhận vi phạm quy định trong tình thế bất khả kháng khi thực hiện nhiệm vụ.

Điều 27. Khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị

1. Việc trích lập quỹ khen thưởng đối với thành viên Hội đồng quản trị công ty được quy định tại Quy chế quản lý tài chính của công ty.

2. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các hoạt động thuộc phạm vi quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị. Các thành viên Hội đồng quản trị có thể bị xem xét kỷ luật khi có hành vi vi phạm đã được quy định trong Điều lệ công ty và các quy định khác của công ty.

Điều 28. Khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Ban kiểm soát

1. Việc trích lập quỹ khen thưởng đối với thành viên Ban kiểm soát công ty được quy định tại Quy chế quản lý tài chính của công ty.

2. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước pháp luật và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát. Các thành viên Ban kiểm soát có thể bị xem xét kỷ luật khi có hành vi vi phạm đã được quy định trong Điều lệ công ty và các quy định khác của công ty.

Điều 29. Khen thưởng và kỷ luật đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng

1. Khen thưởng và kỷ luật đối với Tổng giám đốc:

Khen thưởng: Hội đồng quản trị sẽ quyết định việc khen thưởng cụ thể cho Tổng giám đốc theo từng trường hợp cụ thể, chi phí này được hạch toán vào chi phí quản lý. Việc khen thưởng thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và Quy chế quản lý tài chính của công ty.

Kỷ luật: Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao. Tổng giám đốc có thể bị xem xét kỷ luật khi có hành vi vi phạm đã được quy định trong Điều lệ công ty và các quy định khác của công ty.

2. Khen thưởng và kỷ luật đối với những người điều hành khác:

Khen thưởng: Hội đồng quản trị sẽ quyết định việc khen thưởng cụ thể cho các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng công ty theo đề nghị của Tổng giám đốc và theo chính sách của công ty, chi phí này được hạch toán vào chi phí quản lý. Việc khen thưởng thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành và Quy chế quản lý tài chính của công ty.

Kỷ luật: Những người điều hành của công ty có thể bị xem xét kỷ luật khi có hành vi vi phạm đã được quy định trong Điều lệ công ty và các quy định khác của công ty.

Điều 30. Trách nhiệm về thiệt hại

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng công ty không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ do pháp luật và công ty quy định sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra,

2. Trách nhiệm về thiệt hại được xem xét ngay cả trong trường hợp cá nhân không có hành vi trực tiếp hoặc gián tiếp gây thiệt hại nhưng không có ý thức ngăn cản hành vi vi phạm đó.

Điều 31. Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ bao gồm VII Chương 31 Điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm 2021.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**PHỤ LỤC 1: TRÌNH TỰ, THỦ TỤC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT BẰNG HÌNH THỨC BIỂU QUYẾT TẠI CUỘC HỌP
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG**

(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày /4/2021)

Căn cứ:

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần Cảng Cần Thơ đã được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ năm 2021

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm...

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Phụ lục này quy định trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm nội dung chính sau:

1. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
2. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp;
3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông;
4. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
5. Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông (người có nhiệm vụ chuẩn bị chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông; quy định về kiến nghị của cổ đông đưa vào chương trình họp);
6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông;
7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông;
8. Điều kiện tiến hành;
9. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
10. Cách thức bỏ phiếu;
11. Cách thức kiểm phiếu;
12. Điều kiện đề nghị quyết được thông qua;
13. Thông báo kết quả kiểm phiếu;

14. Cách thức phân đôi nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông (theo quy định tại Điều 132 Luật Doanh nghiệp);

15. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;

16. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với Hội đồng quản trị và các cá nhân có liên quan đến công tác thực hiện, tổ chức Đại hội đồng cổ đông và những người liên quan.

Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp.

Điều 4. Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp

Công ty phải thực hiện chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng;

Điều 5. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

1. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi cổ phiếu của Công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

f) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

g) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

h) Phiếu biểu quyết;

i) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

2. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông.

Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất là 03 ngày làm việc trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

Điều 6. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

6. Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông đó thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

7. Việc cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện theo quy định sau đây:

f) Tổ chức là cổ đông có sở hữu từ 10% đến dưới 36% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 01 người đại diện theo ủy quyền;

g) Tổ chức là cổ đông có sở hữu từ 36% đến dưới 50% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện theo ủy quyền;

h) Tổ chức là cổ đông có sở hữu trên 50% tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 07 người đại diện theo ủy quyền.

8. Trường hợp cổ đông là tổ chức cử nhiều người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.

9. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo cho Công ty và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được văn bản. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

vi. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông;

vii. Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ sở hữu cổ phần tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền;

viii. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân từng người đại diện theo ủy quyền;

ix. Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện;

x. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền.

10. Người đại diện theo ủy quyền phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

c) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp;

d) Không có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp.

Điều 7. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Để đảm bảo cho công tác tổ chức Đại hội được thuận lợi, cổ đông thực hiện đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo những cách thức được quy định tại thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.

2. Khi đến tham dự cuộc họp, cổ đông phải mang theo Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác và Thông báo mời họp.

3. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

4. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

5. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

Điều 8. Điều kiện tiến hành

4. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.

5. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% tổng số phiếu biểu quyết trở lên.

6. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

Điều 9. Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

Điều 10. Cách thức bỏ phiếu

Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai. Đại hội tiến hành biểu quyết bằng cách giơ thẻ/giơ tay hoặc bỏ phiếu. Cụ thể về các cách thức bỏ phiếu sẽ được quy định chi tiết trong quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông của mỗi cuộc họp.

Điều 11. Cách thức kiểm phiếu

1. Ban Kiểm phiếu có nhiệm vụ thu, ghi nhận kết quả;
2. Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận, thống kê.

Điều 12. Điều kiện để nghị quyết được thông qua

7. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều này:

- f) Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;

- g) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- h) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- i) Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;
- j) Tổ chức lại, giải thể Công ty;

8. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1, 3, 4 và 6 Điều này.

9. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

10. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày thông qua; việc gửi nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty.

11. Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông về nội dung làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

12. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 13. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Kết quả kiểm phiếu được Ban kiểm phiếu đọc công khai trước Đại hội đồng cổ đông.

Điều 14. Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền có quyền yêu

cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

3. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 6 Điều 26 Điều lệ công ty.

4. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty. Trường hợp nghị quyết Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có nghị quyết bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng 30 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

Điều 15. Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

5. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- j) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- k) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- l) Chương trình và nội dung cuộc họp;
- m) Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- n) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- o) Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- p) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- q) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- r) Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản cuộc họp.

6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản cuộc họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

7. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Điều 16. Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố trên trang thông tin theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 17. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 20 của Điều lệ công ty;

Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

i. Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết.

- Nội dung Phiếu lấy ý kiến:

- h) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

- i) Mục đích lấy ý kiến;

- j) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

- k) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

- l) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

- m) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

- n) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

ii. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

iii. Gửi tài liệu và phiếu lấy ý kiến cho cổ đông

Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông.

Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất là 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.

iv. Nhận phiếu lấy ý kiến gửi về của cổ đông

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.

Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:

d) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

e) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

f) Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

v. Kiểm phiếu và Lập biên bản kiểm phiếu

Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- g) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- h) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- i) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
- j) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- k) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- l) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác;

vi. Thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

vii. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu;

viii. Lưu tài liệu

Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

PHỤ LỤC 2: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

(Ban hành kèm theo Quy chế nội bộ về quản trị Công ty được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày /4/2021)

Căn cứ:

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần Cảng Cần Thơ đã được thông qua theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ năm 2021

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ... ngày... tháng... năm...

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Phụ lục này quy định trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị, bao gồm nội dung chính sau:

1. Số lượng cuộc họp tối thiểu theo quý;
2. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường;
3. Thông báo họp Hội đồng quản trị (gồm thời gian, địa điểm, chương trình họp, các vấn đề thảo luận và quyết định);
4. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát;
5. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị;
6. Cách thức biểu quyết;
7. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
8. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị;
9. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị;
11. Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị;
12. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với Hội đồng quản trị và các cá nhân có liên quan đến công tác thực hiện, tổ chức họp Hội đồng quản trị.

Điều 3. Số lượng cuộc họp tối thiểu của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị họp ít nhất mỗi quý một lần và có thể họp bất thường.

2. Căn cứ tình hình và điều kiện cụ thể, các cuộc họp định kỳ hoặc bất thường của Hội đồng quản trị có thể được họp bằng hình thức họp biểu quyết trực tiếp, biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.

Điều 4. Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường

- d) Có đề nghị của Ban kiểm soát;
- e) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- f) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

Các đề nghị này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần tham luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

Điều 5. Thông báo họp Hội đồng quản trị

13. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại Điều 4 Phụ lục này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế triệu tập họp Hội đồng quản trị.

14. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

15. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử và phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

Điều 6. Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không có quyền biểu quyết.

Điều 7. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

1. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp.

2. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại Khoản 1 Điều này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Điều 8. Cách thức biểu quyết

- 1. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- 2. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận;

3. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

4. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Điều 9. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 10. Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Điều 11. Lập biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng Anh, có các nội dung chủ yếu sau đây:

- j) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- k) Thời gian, địa điểm họp;
- l) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- m) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- n) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- o) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- p) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- q) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- r) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

2. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

3. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

4. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

5. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, e, f, g, h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

Điều 12. Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DỰ THẢO

QUY CHẾ
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

*(Ban hành theo Quyết định số /QĐ-HĐQT ngày /4/2021 của Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ*

Cần Thơ, tháng 4 năm 2021

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- l) **“Luật Doanh nghiệp”** là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 6 năm 2020;
- m) **“Luật Chứng khoán”** là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;
- n) **“Điều lệ công ty”** là Điều lệ của Công ty;
- o) **“Vốn điều lệ”** là tổng mệnh giá cổ phần đã bán và theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
- p) **“Người quản lý doanh nghiệp”** là người quản lý Công ty, bao gồm: Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
- q) **“Người điều hành”** là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng;
- r) **“Người có liên quan”** là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán và quy định tại khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp;
- s) **“Cổ đông”** là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của Công ty;
- t) **“Cổ đông lớn”** là cổ đông sở hữu trực tiếp hoặc gián tiếp từ 05% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Công ty;
- u) **“Cổ phần được quyền chào bán”** là tổng số cổ phần các loại mà Đại hội đồng cổ đông quyết định sẽ chào bán để huy động vốn;
- v) **“Cổ phần chưa bán”** là cổ phần được quyền chào bán và chưa được thanh toán cho Công ty;
- w) **“Đại hội đồng cổ đông”** là Đại hội đồng cổ đông của Công ty;
- x) **“Hội đồng quản trị”** là Hội đồng quản trị của Công ty;
- y) **“Ban kiểm soát”** là Ban kiểm soát của Công ty;
- z) **“Tổng giám đốc”** là Tổng giám đốc của Công ty;
- aa) **“Pháp luật”** là tất cả các văn bản quy phạm pháp luật được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 63/2020/QH14 ngày 18 tháng 6 năm 2020.

2. Các từ ngữ khác được sử dụng trong Quy chế này có nghĩa như trong Điều lệ Công ty và pháp luật hiện hành

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 3. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thành viên Hội đồng quản trị độc lập của công ty niêm yết phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị.

Điều 5. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 05 thành viên.
2. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Một cá nhân chỉ được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị độc lập của một công ty không quá 02 nhiệm kỳ liên tục.
3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.
4. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải đảm bảo tối thiểu 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên không điều hành.
5. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp bị Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế theo quy định tại Điều 33 Điều lệ này.
6. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
- b) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;
- c) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;
- d) Thành viên Hội đồng quản trị không được là người có quan hệ gia đình của Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ;

Điều 8. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng giám đốc.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;
 - đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Thay mặt Hội đồng quản trị ký các quyết định, nghị quyết của Hội đồng quản trị; ký các văn bản khác để xử lý công việc thuộc quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị;

f) Đảm bảo các thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét;

g) Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể của từng thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

h) Giám sát các thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công;

i) Thực hiện các quyền hạn và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Quy chế này.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

Điều 9. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Không còn là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức theo quyết định của tổ chức đó;

c) Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, nhưng tổ chức đó không còn là cổ đông của Công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 10. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị. Trường hợp việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội

đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 12. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;

b) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

c) Quyết định bán cổ phần chưa bán trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại; quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác;

d) Quyết định giá bán cổ phần và trái phiếu của Công ty;

đ) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

e) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và giới hạn theo quy định của pháp luật;

g) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

h) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

i) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng giám đốc và người điều hành; quyết định tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Tổng giám đốc và người điều hành; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

k) Giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và người điều hành trong điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty;

l) Quyết định cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty, quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

m) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết;

n) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

o) Kiến nghị mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh;

p) Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể Công ty; yêu cầu phá sản Công ty;

q) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Quy chế về công bố thông tin của Công ty;

r) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 13. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;
- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 14. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;

b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;

d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;

đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;

e) Xác định thời gian và địa điểm họp;

g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;

h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 15. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV

CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 16. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- b) Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;
- c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;
- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban Kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo

Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết.

Điều 23. Mối quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mối quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ bao gồm VII chương, 24 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm 2021.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Địa chỉ: Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ, Việt Nam

Điện thoại: 02926.516.483

Fax: 02923.917.395

E-mail: canthoport.info@gmail.com

Website: canthoport.com.vn

DỰ THẢO

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

CẦN THƠ, THÁNG 4/2021

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT

*(Ban hành kèm Quyết định số/QĐ-BKS ngày..... tháng 4 năm 2021
của Ban Kiểm soát Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ)*

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ;
Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ngày..... tháng..... năm 2021;
Ban kiểm soát ban hành Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ;
Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ bao gồm các nội dung sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.
2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động

1. Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban Kiểm soát.
2. Mọi diễn biến và những thông tin thu thập được trong quá trình giám sát của Ban kiểm soát phải được xem xét, đánh giá trung thực, khách quan trên cơ sở các tài liệu đã được kiểm tra tại chỗ hoặc qua hệ thống thông tin báo cáo.

3. Tất cả các báo cáo, kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát gửi cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban điều hành và các cơ quan Nhà nước phải được thảo luận tập thể trong Ban Kiểm soát và tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị.

Chương II **THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT**

Điều 3. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban Kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.
3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban Kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 4. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có 03 thành viên, nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.
3. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.
4. Trường hợp thành viên Ban Kiểm soát có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì thành viên Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
5. Trường hợp số thành viên

Ban Kiểm soát bị giảm quá 1/3 (một phần ba) theo quy định tại Điều lệ Công ty hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật thì trong thời hạn không quá 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng theo quy định, Công ty phải tiến hành bổ sung đủ số lượng thành viên Ban Kiểm soát theo quy định.

Điều 5. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;
 - b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác;
 - d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;
 - đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
 - e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;
 - g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.
2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 6. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát:
 - a) Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b) Yêu cầu Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c) Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 7. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Ban Kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban Kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban Kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

Điều 8. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban Kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 9. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu, ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b) Trình độ chuyên môn;
 - c) Quá trình công tác;
 - d) Các chức danh quản lý khác;
 - đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
 - e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
 - g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).
2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III BAN KIỂM SOÁT

Điều 11. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.
2. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.
3. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của

Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

4. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

5. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

6. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

9. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

10. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

11. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

12. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

13. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

14. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

15. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

16. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.
17. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.
18. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.
19. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
20. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
21. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
22. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
23. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
24. Trường Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.
25. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 12. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:
 - a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
 - b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
 - c) Báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.
2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.
3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành

và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 13. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

- a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
 - b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp;
 - c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.
2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.
3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 14. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

Điều 15. Biên bản họp Ban kiểm soát

Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

Chương V BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 16. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.
4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 17. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.
2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban Kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 18. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.
3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.
4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 19. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 20. Mối quan hệ với ban điều hành

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với ban điều hành Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của ban điều hành.

Điều 21. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Hội đồng quản trị Công ty, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Hội đồng quản trị.

**Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 22. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty cổ phần Cảng Cần Thơ bao gồm 07 chương, 21 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày.....tháng.....năm 2021.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

(đã được kiểm toán)



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02-03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04-05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06-32
Bảng cân đối kế toán	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10-32



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Cần Thơ (công ty 100% vốn nhà nước) theo Quyết định số 652/QĐ-HHVN ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801319907 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 19 tháng 04 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Lâm Tiến Dũng	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Văn Bá	Ủy viên	
Ông Nguyễn Văn Phương	Ủy viên	
Ông Phạm Bá Ngân	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27/06/2020
Ông Hoàng Việt	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 27/06/2020
Ông Phan Công Đức	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 27/06/2020

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Văn Phương	Quyền Tổng Giám đốc
Ông Tạ Khả Duy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Tiến Công	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Hồng Hải	Trưởng ban	
Ông Trịnh Thanh Tùng	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 27/06/2020
Ông Nguyễn Văn Hiền	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 27/06/2020

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hăng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 của Chính Phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Nguyễn Văn Phương

Q. Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 22 tháng 02 năm 2021

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ được lập ngày 22 tháng 02 năm 2021, từ trang 06 đến trang 32, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 được kiểm toán bởi Kiểm toán viên và Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY. Kiểm toán viên đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 26/03/2020.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Vũ Xuân Biển

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0743-2018-002-1

Hà Nội, ngày 18 tháng 03 năm 2021

Nguyễn Tuấn Anh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 1369-2018-002-1

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020*

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		68.517.892.302	69.280.392.280
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	12.510.512.474	15.586.510.135
111	1. Tiền		8.089.354.413	13.556.314.857
112	2. Các khoản tương đương tiền		4.421.158.061	2.030.195.278
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		8.787.350.000	8.787.350.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	4	8.787.350.000	8.787.350.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		43.316.885.978	42.364.902.731
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	31.264.867.787	29.127.217.799
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	3.742.184.329	4.811.900.549
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	14.554.692.213	15.728.680.701
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(6.244.858.351)	(7.302.896.318)
140	IV. Hàng tồn kho	9	1.143.448.892	1.070.805.759
141	1. Hàng tồn kho		1.143.448.892	1.070.805.759
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		2.759.694.958	1.470.823.655
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	12	1.041.693.573	874.685.939
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		785.520.455	596.137.716
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	17	932.480.930	-
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		294.603.768.641	304.304.981.324
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		72.000.000	120.485.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	72.000.000	120.485.000
220	II. Tài sản cố định		211.621.739.770	222.963.721.557
221	1. Tài sản cố định hữu hình	13	206.793.097.641	217.958.991.620
222	- Nguyên giá		450.022.184.254	445.537.916.964
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(243.229.086.613)	(227.578.925.344)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	4.828.642.129	5.004.729.937
228	- Nguyên giá		8.055.335.602	8.055.335.602
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.226.693.473)	(3.050.605.665)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		74.252.722.837	73.318.854.447
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10	74.252.722.837	73.318.854.447
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		4.497.251.573	4.497.251.573
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	4	4.497.251.573	4.497.251.573
260	VI. Tài sản dài hạn khác		4.160.054.461	3.404.668.747
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	4.160.054.461	3.404.668.747
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		363.121.660.943	373.585.373.604

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		101.128.908.001	112.945.808.996
310	I. Nợ ngắn hạn		20.254.096.374	16.275.411.166
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	1.006.124.555	1.023.788.928
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		282.186.006	90.166.572
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	161.187.716	864.063.785
314	4. Phải trả người lao động		1.092.631.540	1.710.177.360
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18	1.853.511.256	4.244.541.403
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	15	105.840.000	165.840.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	6.344.130.878	7.947.212.622
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	19	9.400.000.000	221.136.073
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		8.484.423	8.484.423
330	II. Nợ dài hạn		80.874.811.627	96.670.397.830
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	24.457.490.099	21.453.076.302
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	19	56.417.321.528	75.217.321.528
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		261.992.752.942	260.639.564.608
410	I. Vốn chủ sở hữu	20	261.992.752.942	260.639.564.608
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		275.281.179.597	275.281.179.597
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		275.281.179.597	275.281.179.597
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		646.231.180	646.231.180
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(13.934.657.835)	(15.287.846.169)
421a	LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		(15.287.846.169)	(19.234.837.974)
421b	LNST chưa phân phối năm nay		1.353.188.334	3.946.991.805
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		363.121.660.943	373.585.373.604


Thái Thị Mỹ Linh
 Người lập


Lâm Trúc Sơn
 Kế toán trưởng


Nguyễn Văn Phương
 Q. Tổng Giám đốc


Cần Thơ, ngày 22 tháng 02 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH*Năm 2020*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22	112.564.820.588	113.790.377.438
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		112.564.820.588	113.790.377.438
11	4. Giá vốn hàng bán	23	86.539.345.290	94.365.995.276
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		26.025.475.298	19.424.382.162
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	24	1.185.981.580	2.241.481.237
22	7. Chi phí tài chính	25	3.234.413.797	-
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		3.234.413.797	-
25	8. Chi phí bán hàng	26	797.411.130	921.500.635
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	27	22.539.806.707	25.670.709.469
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		639.825.244	(4.926.346.705)
31	11. Thu nhập khác	28	719.464.616	8.992.012.736
32	12. Chi phí khác		6.101.526	118.674.226
40	13. Lợi nhuận khác		713.363.090	8.873.338.510
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.353.188.334	3.946.991.805
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	29	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>1.353.188.334</u>	<u>3.946.991.805</u>
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu		49	143


 Thái Thị Mỹ Linh
 Người lập


 Lâm Trúc Sơn
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Văn Phương
 Q. Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 22 tháng 02 năm 2021

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**Năm 2020***(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		1.353.188.334	3.946.991.805
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		15.826.249.077	16.090.849.419
03	- Các khoản dự phòng		(1.058.037.967)	1.918.681.306
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		(1.046.691)	(64.328)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1.184.934.889)	(2.241.416.909)
06	- Chi phí lãi vay		3.234.413.797	-
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		18.169.831.661	19.715.041.293
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(1.272.921.433)	2.980.659.777
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(72.643.133)	(350.341.362)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(5.430.178.719)	(16.437.823.093)
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(922.393.348)	1.894.361.972
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		10.471.695.028	7.801.898.587
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(5.418.135.680)	(2.414.922.110)
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		1.490.532.373	1.068.894.691
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(3.927.603.307)	(1.346.027.419)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		-	56.416.677.596
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(9.621.136.073)	(56.416.677.596)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(9.621.136.073)	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(3.077.044.352)	6.455.871.168
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		15.586.510.135	9.130.574.639
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.046.691	64.328
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm		12.510.512.474	15.586.510.135

Thái Thị Mỹ Linh
Người lậpLâm Trúc Sơn
Kế toán trưởngNguyễn Văn Phương
Q. Tổng Giám đốc

Cần Thơ, ngày 22 tháng 02 năm 2021

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Năm 2020***1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty TNHH Một thành viên Cảng Cần Thơ (công ty 100% vốn nhà nước) theo Quyết định số 652/QĐ-HHVN ngày 28 tháng 11 năm 2014 của Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1801319907 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Cần Thơ cấp lần đầu ngày 31 tháng 10 năm 2013, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 19 tháng 04 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 284.800.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 275.281.179.597 đồng; tương đương 27.528.118 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là: 84 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là: 88 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là cung cấp dịch vụ vận chuyển cảng.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Bốc xếp hàng hóa đường bộ; Bốc xếp hàng hóa cảng biển;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan, kho đông lạnh (kho ngoại quan) và kho khác;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải ven biển, viễn dương và vận tải đường thủy nội địa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển; Dịch vụ đại lý vận tải đường biển; Khai thuế hải quan;
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh.

Cấu trúc doanh nghiệp**Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:**

Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ - Trung tâm Logistics Cảng Sóc Trăng

Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ - Cảng Hoàng Diệu (*)

Chi nhánh Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ - Cảng Cái Cui (*)

Địa chỉ

Sóc Trăng

Thành phố Cần Thơ

Thành phố Cần Thơ

Hoạt động kinh doanh chính

Cung cấp dịch vụ vận chuyển cảng, cho thuê kho bãi

Cung cấp dịch vụ vận chuyển cảng, cho thuê kho bãi

Cung cấp dịch vụ vận chuyển cảng, cho thuê kho bãi

(*) Theo các quyết định số 23/QĐ-HĐQT ngày 31/12/2019 và số 134/QĐ-HĐQT ngày 22/10/2020 của Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ về việc phê duyệt phương án sắp xếp lại mô hình tổ chức của Công ty, Công ty quyết định sáp nhập 02 chi nhánh là Chi nhánh Công ty Cảng Cần Thơ - Cảng Cái Cui và Chi nhánh Công ty Cảng Cần Thơ - Cảng Hoàng Diệu về Văn phòng của Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ từ ngày 01/01/2020 và ngày 31/10/2020.

Thông tin về công ty liên doanh của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 4.

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác và các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong năm tài chính được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ: là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi ghi nhận nợ phải thu: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của năm tài chính. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty liên doanh: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính công ty liên doanh tại thời điểm trích lập dự phòng;
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.10 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 47	năm
- Máy móc, thiết bị	06 - 20	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 - 06	năm
- Tài sản cố định khác	02 - 14	năm
- Quyền sử dụng đất	20 - 50	năm
- Phần mềm quản lý	03 - 05	năm

2.11 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.18 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty;
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.19 . Doanh thu***Doanh thu bán hàng***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.20 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.21 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.22 . Thuế thu nhập doanh nghiệp**a) Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

2.23 . Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

2.24 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.25 . Thông tin bộ phận

Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là sản xuất, kinh doanh dịch vụ vận chuyển cảng và chủ yếu diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không trình bày Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	2.266.722.533	2.287.249.861
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.822.631.880	11.269.064.996
Các khoản tương đương tiền (*)	4.421.158.061	2.030.195.278
	<u>12.510.512.474</u>	<u>15.586.510.135</u>

(*) Tại ngày 31/12/2020, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 01 tháng có giá trị 4.421.158.061 VND được gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam với lãi suất 3%/năm.

4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Tại thời điểm cuối năm và đầu năm, số dư chỉ tiêu "Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn" là các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng gửi tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong lãi suất 5,8%/năm.

b) Đầu tư vào công ty liên doanh

Tại thời điểm cuối năm và đầu năm, số dư chỉ tiêu "Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết" là khoản đầu tư vào Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn có tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết là 50%. Công ty liên doanh được thành lập và hoạt động tại tỉnh Trà Vinh, hoạt động kinh doanh chính là kinh doanh dịch vụ vận chuyển cảng, cho thuê kho bãi. Tại thời điểm cuối năm và đầu năm, dự phòng giảm giá của khoản đầu tư bằng không.

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thẳng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

5 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
- Công ty Nhiệt điện Duyên Hải - Chi nhánh Tổng Công ty Phát điện 1	4.892.787.116	-	-	-
- Công ty TNHH Thanh Phương	3.088.469.004	-	1.747.847.070	-
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Trường Sơn	2.111.551.525	-	3.014.569.331	(726.719.174)
- Công ty TNHH Duyên Hải Star	1.258.658.646	-	884.465.272	-
- Công ty TNHH Kỹ thuật Môi trường Bắc Nam	935.057.590	(280.517.277)	935.057.590	-
- Công ty Cổ phần Cơ khí Hàng hải Miền Bắc	600.000.000	-	1.173.000.000	(536.500.000)
- Phải thu các đối tượng khác	18.378.343.906	(4.778.296.546)	21.372.278.536	(4.853.632.616)
	31.264.867.787	(5.058.813.823)	29.127.217.799	(6.116.851.790)
b) Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan				
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	-	-	119.077.200	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
- Công ty TNHH Đầu tư xây dựng TMDV Thiên Phước	814.869.891	-	-	-
- Công ty TNHH Xây dựng Quân Đô	625.500.000	(625.500.000)	625.500.000	(625.500.000)
- Công ty Cổ phần Giải pháp Cảng và Hậu cần	331.160.000	-	403.160.000	-
- Các nhà cung cấp khác	1.970.654.438	(278.000.000)	3.783.240.549	(278.000.000)
	3.742.184.329	(903.500.000)	4.811.900.549	(903.500.000)

7 . PHẢI THU KHÁC

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về lợi nhuận được chia	4.292.185.443	-	4.542.185.443	-
Phải thu về lãi tiền gửi	429.753.135	-	485.350.619	-
Tạm ứng	6.047.474.928	-	4.579.380.149	-
Ký cược, ký quỹ	8.600.000	-	8.600.000	-
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	16.645.200	-	348.101.000	-
Công ty TNHH Thanh Phương	968.659.911	-	1.611.535.840	-
Phải thu các đội bốc xếp	1.816.614.820	-	3.436.192.143	-
Phải thu khác	974.758.776	(282.544.528)	717.335.507	(282.544.528)
	14.554.692.213	(282.544.528)	15.728.680.701	(282.544.528)
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	15.000.000	-	15.000.000	-
Phải thu khác	57.000.000	-	105.485.000	-
	72.000.000	-	120.485.000	-
c) Trong đó: Phải thu khác là các bên liên quan				
	4.308.830.643	-	4.890.286.443	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

8 . NỢ XẤU

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán				
- Công ty TNHH MTV Q&D	631.331.990	-	631.331.990	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà Phúc Cường	645.000.000	-	645.000.000	-
- Công ty TNHH Kỹ thuật Môi trường Bắc Nam	935.057.590	654.540.313	-	-
- Công ty TNHH Xây dựng Quân Đô	625.500.000	-	625.500.000	-
- Công ty Cổ phần Chế biến lâm sản xuất khẩu Hưng Phú	255.071.282	-	255.071.282	-
- Công ty Cổ phần Đầu tư Thủy Sơn - HG	855.149.053	256.544.716	985.149.053	295.544.716
- Các khoản khác	3.533.113.260	324.279.795	6.138.857.302	1.682.468.593
	7.480.223.175	1.235.364.824	9.280.909.627	1.978.013.309

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	114.880.577	-	26.913.736	-
Công cụ, dụng cụ	285.490.162	-	303.102.730	-
Hàng hoá	743.078.153	-	740.789.293	-
	1.143.448.892	-	1.070.805.759	-

10 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Công trình Cảng Cái Cui giai đoạn I (*)	59.433.908.642	59.433.908.642
- Công trình Cảng Cái Cui giai đoạn II (**)	14.570.130.142	13.592.491.259
- Công trình khác	248.684.053	292.454.546
	74.252.722.837	73.318.854.447

(*) Tên dự án: Xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn I

- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Cần Thơ;
- Mục đích xây dựng: San lấp mặt bằng 23,4ha, tăng cường khai thác tốt nhất tiềm năng của mọi đầu giao lưu hàng hải trung tâm của khu vực đồng bằng sông Cửu Long, tạo động lực thúc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế trước hết cho thành phố Cần Thơ;
- Địa điểm xây dựng: Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ;
- Tổng mức đầu tư: 230.346.967.886 đồng;
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: Từ năm 2002 đến năm 2011;
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 31/12/2020: Dự án đã hoàn thành và đưa vào khai thác đối với phần diện tích 9,5 ha, đối với phần diện tích đất còn lại dự án mới thực hiện việc san lấp mặt bằng và xây dựng bờ kè, chưa được đầu tư cơ sở hạ tầng cần thiết cho hoạt động của cảng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

() Tên dự án: Xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn II**

- Chủ đầu tư: Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam;
- Mục đích xây dựng: Xây dựng phát triển Cảng Cái Cui với công suất từ 4,0 - 4,5 triệu tấn/ năm, tiếp nhận tàu trọng tải đến 20.000DWT, tăng cường khai thác tốt nhất tiềm năng của mọi đầu giao lưu hàng hải trung tâm của khu vực đồng bằng sông Cửu Long, tạo động lực thúc đẩy nhanh quá trình phát triển kinh tế trước hết cho thành phố Cần Thơ;
- Địa điểm xây dựng: Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ;
- Tổng mức đầu tư: 829.799.174.000 đồng;
- Thời gian bắt đầu triển khai: Từ năm 2009;
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 31/12/2020: Dự án mới triển khai việc san lấp mặt bằng và thực hiện một số hạng mục nhỏ.

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	7.803.335.602	252.000.000	8.055.335.602
Số dư cuối năm	<u>7.803.335.602</u>	<u>252.000.000</u>	<u>8.055.335.602</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	2.823.805.665	226.800.000	3.050.605.665
- Khấu hao trong năm	150.887.808	25.200.000	176.087.808
Số dư cuối năm	<u>2.974.693.473</u>	<u>252.000.000</u>	<u>3.226.693.473</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	4.979.529.937	25.200.000	5.004.729.937
Tại ngày cuối năm	<u>4.828.642.129</u>	<u>-</u>	<u>4.828.642.129</u>

Trong đó: Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 252.000.000 đồng.

12 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	329.600.543	432.379.209
Chi phí sửa chữa tài sản	247.587.745	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	464.505.285	442.306.730
	<u>1.041.693.573</u>	<u>874.685.939</u>
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1.005.314.216	842.743.657
Chi phí sửa chữa tài sản	1.672.100.687	1.481.441.281
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.482.639.558	1.080.483.809
	<u>4.160.054.461</u>	<u>3.404.668.747</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thẳng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Nguyên giá												
Số dư đầu năm	362.728.196.878		11.436.735.972		70.080.185.214		472.610.000		820.188.900		445.537.916.964	
- Mua trong năm	-		385.272.728		-		532.105.000		-		917.377.728	
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	437.664.106		3.129.225.456		-		-		-		3.566.889.562	
Số dư cuối năm	363.165.860.984		14.951.234.156		70.080.185.214		1.004.715.000		820.188.900		450.022.184.254	
Giá trị hao mòn lũy kế												
Số dư đầu năm	167.841.409.330		6.913.679.355		52.015.050.507		469.776.685		339.009.467		227.578.925.344	
- Khấu hao trong năm	11.611.019.490		805.469.962		3.082.894.902		63.803.675		86.973.240		15.650.161.269	
Số dư cuối năm	179.452.428.820		7.719.149.317		55.097.945.409		533.580.360		425.982.707		243.229.086.613	
Giá trị còn lại												
Tại ngày đầu năm	194.886.787.548		4.523.056.617		18.065.134.707		2.833.315		481.179.433		217.958.991.620	
Tại ngày cuối năm	183.713.432.164		7.232.084.839		14.982.239.805		471.134.640		394.206.193		206.793.097.641	

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 10.920.947.980 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 43.933.063.068 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2020		01/01/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
		nợ		nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
- Công ty Cổ phần Đầu tư XNK Xăng dầu Nhà Bè VT	291.900.000	291.900.000	-	-
- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	276.196.815	276.196.815	-	-
- Công ty TNHH PTN	100.290.960	100.290.960	-	-
- Các nhà cung cấp khác	337.736.780	337.736.780	1.023.788.928	1.023.788.928
	1.006.124.555	1.006.124.555	1.023.788.928	1.023.788.928
b) Trong đó: Phải trả người bán là các bên liên quan				
	276.196.815	276.196.815	-	-

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)

15 . DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

Số dư chỉ tiêu "Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn" tại thời điểm cuối năm và đầu năm là số tiền nhận trước về cho thuê kho, văn phòng.

16 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	81.483.180	27.623.688
- Bảo hiểm y tế	229.311	-
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.395.486.650	1.140.686.650
- Phải trả Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	4.500.000.000	6.165.297.279
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	366.931.737	613.605.005
	6.344.130.878	7.947.212.622
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.199.558.200	1.429.558.200
- Phải trả lãi vay Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	3.234.413.797	-
- Ủy ban Nhân dân Thành phố Cần Thơ - Vốn Ngân sách đầu tư (*)	20.023.518.102	20.023.518.102
	24.457.490.099	21.453.076.302
c) Trong đó: Phải trả khác là các bên liên quan	7.734.413.797	6.165.297.279

(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)

(*) Khoản phải trả này là khoản nợ còn lại liên quan đến việc nhận bàn giao dự án "Xây dựng công trình Cảng Cái Cui giai đoạn I. (Xem thuyết minh số 10)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	-	762.442.050	4.560.449.341	5.161.703.675	-	161.187.716
Thuế Thu nhập cá nhân	-	964.035	-	964.035	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	100.657.700	5.365.621.397	6.398.760.027	932.480.930	-
Các loại thuế khác	-	-	124.863.133	124.863.133	-	-
	-	864.063.785	10.050.933.871	11.686.290.870	932.480.930	161.187.716

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
- Chi phí cước vận chuyển bốc xếp	1.853.511.256	3.649.031.764
- Chi phí khác chưa có đầy đủ hóa đơn chứng từ	-	595.509.639
	1.853.511.256	4.244.541.403

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thới, phường Tân Phú, quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

19 . CÁC KHOẢN VAY

	01/01/2020		Trong năm		31/12/2020	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay ngắn hạn						
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	221.136.073	221.136.073	-	221.136.073	-	-
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả	-	-	14.100.000.000	4.700.000.000	9.400.000.000	9.400.000.000
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (*)	-	-	14.100.000.000	4.700.000.000	9.400.000.000	9.400.000.000
	<u>221.136.073</u>	<u>221.136.073</u>	<u>14.100.000.000</u>	<u>4.921.136.073</u>	<u>9.400.000.000</u>	<u>9.400.000.000</u>
b) Vay dài hạn						
Tổng công ty Hàng hải Việt Nam (*)	75.217.321.528	75.217.321.528	-	9.400.000.000	65.817.321.528	65.817.321.528
	<u>75.217.321.528</u>	<u>75.217.321.528</u>	<u>-</u>	<u>9.400.000.000</u>	<u>65.817.321.528</u>	<u>65.817.321.528</u>
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-	-	(14.100.000.000)	(4.700.000.000)	(9.400.000.000)	(9.400.000.000)
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	<u>75.217.321.528</u>	<u>75.217.321.528</u>			<u>56.417.321.528</u>	<u>56.417.321.528</u>

(*) Căn cứ Văn bản thỏa thuận về việc nhận nợ và hoàn trả tiền cho bên bảo lãnh không hủy ngang cho các nghĩa vụ trả nợ bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn và các nghĩa vụ tài chính khác ngày 30/09/2019 và số 02/2019 ngày 30/12/2019, trong năm 2019, Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam đã thanh toán hộ Công ty toàn bộ khoản vay tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam - chi nhánh Chương Dương, bao gồm nợ gốc là 56.416.677.596 VND và nợ lãi là 18.800.643.932 VND, với các điều khoản chi tiết sau:

- + Bên cho vay: Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam;
- + Số tiền vay: 75.217.321.528 VND;
- + Mục đích vay: Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam bảo lãnh không hủy ngang cho các nghĩa vụ trả nợ bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, lãi phạt quá hạn và các nghĩa vụ tài chính khác phát sinh từ Hợp đồng Cấp tín dụng dài hạn số 03/2009/HDDTDDH/NHTMCPCTCD-VINALINES ngày 27/10/2009. Khoản vay này để thanh toán các chi phí thực hiện bước 1 theo "Điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng công trình Cảng Cái Cui - giai đoạn II".
- + Thời hạn của hợp đồng: 8 năm;
- + Lãi suất cho vay: 4,5%/năm;
- + Số dư nợ gốc tại thời điểm cuối năm là 65.817.321.528 VND. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 9.400.000.000 VND;
- + Số dư nợ lãi vay tại thời điểm cuối năm là 3.234.413.797 VND;
- + Các biện pháp bảo đảm tiền vay: thế chấp toàn bộ tài sản và quyền đòi nợ của Cảng Cần Thơ với các hợp đồng kinh tế liên quan đến việc cho thuê kho, bãi, cầu cảng phát sinh ở thời điểm hiện tại và trong tương lai.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

20 . VỐN CHỦ SỞ HỮU**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	275.281.179.597	646.231.180	(19.234.837.974)	256.692.572.803
Lãi trong năm trước	-	-	3.946.991.805	3.946.991.805
Số dư cuối năm trước	<u>275.281.179.597</u>	<u>646.231.180</u>	<u>(15.287.846.169)</u>	<u>260.639.564.608</u>
Số dư đầu năm nay	275.281.179.597	646.231.180	(15.287.846.169)	260.639.564.608
Lãi trong năm nay	-	-	1.353.188.334	1.353.188.334
Số dư cuối năm nay	<u>275.281.179.597</u>	<u>646.231.180</u>	<u>(13.934.657.835)</u>	<u>261.992.752.942</u>

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối năm VND	Tỷ lệ (%)	Đầu năm VND
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	99,01%	272.566.179.597	99,01%	272.566.179.597
Các cổ đông khác	0,99%	2.715.000.000	0,99%	2.715.000.000
	<u>100%</u>	<u>275.281.179.597</u>	<u>100%</u>	<u>275.281.179.597</u>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	275.281.179.597	275.281.179.597
- Vốn góp đầu năm	275.281.179.597	275.281.179.597
- Vốn góp cuối năm	<u>275.281.179.597</u>	<u>275.281.179.597</u>

d) Cổ phiếu

	31/12/2020	01/01/2020
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.528.118	27.528.118
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ	27.528.118	27.528.118
- Cổ phiếu phổ thông	27.528.118	27.528.118
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.528.118	27.528.118
- Cổ phiếu phổ thông	27.528.118	27.528.118
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Quỹ đầu tư phát triển	646.231.180	646.231.180
	<u>646.231.180</u>	<u>646.231.180</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

21 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**a) Tài sản thuê ngoài**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất với UBND Thành phố Cần Thơ với mục đích sản xuất kinh doanh. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước. Cụ thể như sau:

STT	Vị trí	Diện tích	Thời gian thuê
1	Số 2 Phú Thắng, Phường Tân Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ	218.624 m ²	50 năm từ ngày 16/8/2007 đến ngày 16/8/2057
2	Số 27 Lê Hồng Phong, Phường Trà An, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ	29.342 m ²	42 năm 4 tháng từ ngày 07/9/2007 đến ngày 13/12/2049
3	Số 27 Lê Hồng Phong, Phường Trà An, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ	28.764,1 m ²	30 năm từ ngày 22/7/1997 đến ngày 22/7/2027
4	Số 27 Lê Hồng Phong, Phường Trà An, Quận Bình Thủy, Thành phố Cần Thơ	3.729,4 m ²	50 năm từ ngày 22/01/2009 đến ngày 22/01/2059

b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2020	01/01/2020
Đồng đô la Mỹ (USD)	1.742,12	1.759,72

22 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	12.599.702.596	15.932.550.666
Doanh thu cung cấp dịch vụ	99.965.117.992	97.857.826.772
	112.564.820.588	113.790.377.438
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	-	108.252.000

23 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	11.895.164.712	15.214.871.318
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	74.644.180.578	79.151.123.958
	86.539.345.290	94.365.995.276
Trong đó: Giá vốn mua từ các bên liên quan	625.155.300	-

24 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền gửi	784.934.889	668.959.019
Cổ tức, lợi nhuận được chia	400.000.000	1.572.522.218
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.046.691	-
	1.185.981.580	2.241.481.237
Trong đó: Doanh thu hoạt động tài chính nhận từ các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	400.000.000	1.572.522.218

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

25 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lãi tiền vay	3.234.413.797	-
	3.234.413.797	-
Trong đó: Chi phí hoạt động tài chính trả cho các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	3.234.413.797	-

26 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2020	Năm 2019 (trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí nhân công	501.905.648	461.155.944
Chi phí khấu hao tài sản cố định	176.180.196	211.391.628
Chi phí dịch vụ mua ngoài	104.635.480	210.105.792
Chi phí khác bằng tiền	14.689.806	38.847.271
	797.411.130	921.500.635

27 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2020	Năm 2019 (trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	121.282.318	193.146.365
Chi phí nhân công	13.151.468.804	12.876.247.605
Chi phí khấu hao tài sản cố định	745.608.375	838.006.661
Thuế, phí, lệ phí	18.000.000	11.208.000
Chi phí dự phòng (hoàn nhập) dự phòng	(1.058.037.967)	1.918.681.306
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.619.410.571	2.688.384.108
Chi phí khác bằng tiền	5.942.074.606	7.145.035.424
	22.539.806.707	25.670.709.469
Trong đó: Chi phí quản lý doanh nghiệp mua của các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 34)	7.363.635	-

28 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Công nợ đã đối chiếu không phải thanh toán	514.652.102	-
Thu tiền phạt	187.905.537	-
Chi phí lãi vay được miễn giảm	-	8.925.244.267
Thu nhập khác	16.906.977	66.768.469
	719.464.616	8.992.012.736

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

29 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.353.188.334	3.946.991.805
Các khoản điều chỉnh giảm	(1.353.188.334)	(3.946.991.805)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	(400.000.000)	(1.572.522.218)
- Chuyển lỗ các năm trước	(953.188.334)	(2.374.469.587)
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (thuế suất 20%)	-	-

30 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	1.353.188.334	3.946.991.805
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.353.188.334	3.946.991.805
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	27.528.118	27.528.118
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	49	143

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.

31 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2020	Năm 2019 (Trình bày lại)
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.188.735.526	1.955.098.455
Chi phí nhân công	21.174.003.544	20.729.816.272
Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.826.249.077	16.134.702.128
Chi phí dịch vụ mua ngoài	41.182.204.678	50.838.025.101
Chi phí khác bằng tiền	15.208.296.487	14.210.863.509
	95.579.489.312	103.868.505.465

32 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

		Giá trị sổ kế toán	
		31/12/2020	01/01/2020
		Giá gốc	Giá gốc
		VND	VND
Tài sản tài chính			
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.510.512.474	-	15.586.510.135
Phải thu khách hàng, phải thu khác	45.504.546.165	(5.341.358.351)	44.976.383.500
Các khoản cho vay	8.787.350.000	-	8.787.350.000
66.802.408.639	(5.341.358.351)	69.350.243.635	(6.399.396.318)

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

	Giá trị sổ kế toán	
	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	65.817.321.528	75.438.457.601
Phải trả người bán, phải trả khác	31.807.745.532	30.424.077.852
Chi phí phải trả	1.853.511.256	4.244.541.403
	99.478.578.316	110.107.076.856

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 31/12/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.510.512.474	-	-	12.510.512.474
Phải thu khách hàng, phải thu khác	40.091.187.814	72.000.000	-	40.163.187.814
Các khoản cho vay	8.787.350.000	-	-	8.787.350.000
	61.389.050.288	72.000.000	-	61.461.050.288
Tại ngày 01/01/2020				
Tiền và các khoản tương đương tiền	15.586.510.135	-	-	15.586.510.135
Phải thu khách hàng, phải thu khác	38.456.502.182	120.485.000	-	38.576.987.182
Các khoản cho vay	8.787.350.000	-	-	8.787.350.000
	62.830.362.317	120.485.000	-	62.950.847.317

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	<u>Từ 1 năm trở xuống</u> VND	<u>Trên 1 năm đến 5 năm</u> VND	<u>Trên 5 năm</u> VND	<u>Cộng</u> VND
Tại ngày 31/12/2020				
Vay và nợ	9.400.000.000	56.417.321.528	-	65.817.321.528
Phải trả người bán, phải trả khác	7.350.255.433	24.457.490.099	-	31.807.745.532
Chi phí phải trả	1.466.497.421	-	-	1.466.497.421
	18.216.752.854	80.874.811.627	-	99.091.564.481
Tại ngày 01/01/2020				
Vay và nợ	221.136.073	75.217.321.528	-	75.438.457.601
Phải trả người bán, phải trả khác	8.971.001.550	21.453.076.302	-	30.424.077.852
Chi phí phải trả	4.244.541.403	-	-	4.244.541.403
	13.436.679.026	96.670.397.830	-	110.107.076.856

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠSố 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

33 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

34 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	Công ty mẹ
Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn	Công ty liên doanh
Ông Lâm Tiến Dũng	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Văn Bá	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Văn Phương	Ủy viên Hội đồng quản trị kiêm Q. Tổng Giám đốc
Ông Phạm Bá Ngân	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Hoàng Việt	Ủy viên Hội đồng quản trị
Ông Tạ Khả Duy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Tiến Công	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phan Công Đức	Ủy viên Hội đồng quản trị (miễn nhiệm từ ngày 27/06/2020)

Công ty có các giao dịch phát sinh trong năm và số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với các bên liên quan như sau: (riêng đối với các khoản vay với các bên liên quan được nêu chi tiết tại thuyết minh số 19.)

Giao dịch phát sinh trong năm:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	108.252.000
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	-	108.252.000
Mua hàng	625.155.300	-
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	625.155.300	-
Doanh thu hoạt động tài chính	400.000.000	1.572.522.218
Lợi nhuận được chia từ Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn	400.000.000	1.572.522.218
Chi phí hoạt động tài chính	3.234.413.797	-
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	3.234.413.797	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.363.635	-
Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam	7.363.635	-

Số dư tại ngày kết thúc năm tài chính:

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	-	119.077.200
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	-	119.077.200
Phải thu khác	4.308.830.643	4.890.286.443
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	16.645.200	348.101.000
Công ty TNHH Cảng Cần Thơ - Thanh Tuấn	4.292.185.443	4.542.185.443
Phải trả người bán ngắn hạn	276.196.815	-
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	276.196.815	-
Phải trả khác	7.734.413.797	6.165.297.279
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	7.734.413.797	6.165.297.279

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CẦN THƠ

Số 2, KV Phú Thắng, phường Tân Phú,
quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	Năm 2020	Năm 2019
	VND	VND
Thu nhập của Ông Lâm Tiến Dũng	312.000.000	312.000.000
Thu nhập của Ông Nguyễn Văn Bá	264.000.000	264.000.000
Thu nhập của Ông Nguyễn Văn Phương	288.000.000	288.000.000
Thu nhập của Ông Phạm Bá Ngân	-	-
Thu nhập của Ông Hoàng Việt	-	-
Thu nhập của Ông Tạ Khả Duy	240.000.000	240.000.000
Thu nhập của Ông Lê Tiến Công	240.000.000	240.000.000
Thu nhập của Ông Phan Công Đức	202.400.000	264.000.000

35 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY kiểm toán.

		
Thái Thị Mỹ Linh	Lâm Trúc Sơn	Nguyễn Văn Phương
Người lập	Kế toán trưởng	Q. Tổng Giám đốc
Cần Thơ, ngày 22 tháng 02 năm 2021		

